

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5306/BTC-QLCS

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2025

V/v đăng tải xin ý kiến về dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

Kính gửi: Công thông tin điện tử Chính phủ.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Tài chính dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô (thay thế Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ).

Để bảo đảm tính khả thi của dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính đã có văn bản gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương về dự thảo Nghị định. Căn cứ quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đề nghị Công thông tin điện tử Chính phủ đăng tải dự thảo Nghị định để lấy ý kiến rộng rãi của đối tượng chịu tác động.

Mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của Quý cơ quan./ *Truel*

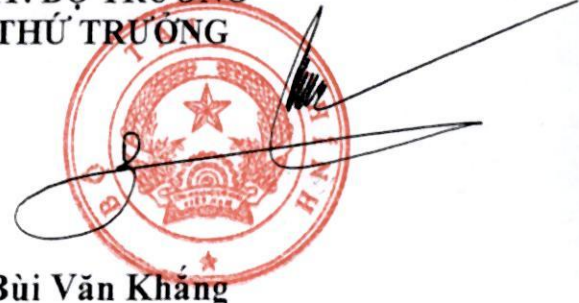
Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục CNTT (để đăng tải trên Cổng TTĐT Bộ Tài chính);
- Báo Tài chính - Đầu tư (để đăng tải trên Trang thông tin về TSC);
- Vụ Pháp chế;
- Văn phòng Bộ;
- Lưu: VT, QLCS. (0,) *slc*

(Quét mã QR khai thác tài liệu)



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Văn Kháng

BẢNG SO SÁNH NỘI DUNG SỬA NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP – XKYK Bộ, ngành, địa phương

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
1	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>3. Xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan; không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.</p> <p>4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của đơn vị sự nghiệp công lập được cơ quan, người có thẩm quyền quy định hoặc phê duyệt Đề án áp dụng hoặc vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp theo quy định của pháp luật được thực hiện như sau:</p> <p>... b) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh...; không thực hiện theo quy định tại Nghị định này.”</p>	<p>3. Xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.</p> <p>4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của đơn vị sự nghiệp công lập được cơ quan, người có thẩm quyền quy định hoặc phê duyệt Đề án áp dụng hoặc vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp theo quy định của pháp luật được thực hiện như sau:</p> <p>...b) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau khi xin ý kiến của các cơ quan liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Thành ủy) xem xét, quyết định để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do cơ quan, người có thẩm quyền giao, phù hợp với nguồn kinh phí được phép sử dụng của đơn vị, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và không sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm; không thực hiện theo quy định tại Nghị định này.</p>	<p>(1) Bổ sung xe ô tô phục vụ công tác chung của doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan để doanh nghiệp chủ động.</p> <p>(2) Do Nghị định đã tách riêng thẩm quyền các cơ quan của Đảng ở địa phương ở điểm này cũng như toàn bộ dự thảo</p>
2	<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng</p> <p>1. Đối tượng áp dụng của Nghị định này, bao gồm:</p> <p>a) Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, <u>Mặt trận Tổ quốc; Việt Nam,</u></p>	<p>1. Đối tượng áp dụng của Nghị định này, bao gồm:</p> <p>a) Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm cả các tổ chức thành viên là tổ</p>	<p>(1) Sửa điểm a và lược bỏ điểm c do sắp xếp lại các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ về trực thuộc Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.</p> <p>(2) Bổ sung cụm từ “trừ các trường hợp pháp luật</p>

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/ND-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
	<p>Công đoàn Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).</p> <p>b) Doanh nghiệp do ...(sau đây gọi là doanh nghiệp nhà nước).</p> <p>c) <u>Các hội quần chúng có tính chất đặc thù được Nhà nước hỗ trợ xe ô tô theo quy định tại Điều 20 Nghị định này.</u></p> <p>d) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc xác định, ban hành, áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.</p> <p>2. Các tổ chức tài chính nhà nước ngoài ngân sách được áp dụng theo cơ chế tài chính của đơn vị, tổ chức nào thì tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô được áp dụng theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của mô hình tương ứng quy định tại Nghị định này; nguồn kinh phí để mua xe ô tô do các tổ chức tự đảm bảo, không sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm xe ô tô.</p>	<p>chức chính trị - xã hội), đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là đơn vị).</p> <p>b) Doanh nghiệp do ...(sau đây gọi là doanh nghiệp nhà nước).</p> <p>c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc xác định, ban hành, áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.</p> <p>2. Các tổ chức tài chính nhà nước ngoài ngân sách được áp dụng theo cơ chế tài chính, cơ chế xử lý tài sản của đơn vị, tổ chức nào thì tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô được áp dụng theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của mô hình tương ứng quy định tại Nghị định này; nguồn kinh phí để mua xe ô tô do các tổ chức tự đảm bảo, không sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm xe ô tô, trừ các trường hợp pháp luật có quy định khác.</p>	<p>có quy định khác” để bao quát các trường hợp thực tế.</p>
3	<p>Điều 3. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức và thay thế xe ô tô phục vụ công tác</p>		
	<p>2. Trường hợp một người giữ nhiều chức danh, chức vụ có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô thì được áp dụng tiêu chuẩn cao nhất. Khi người tiền nhiệm nghỉ chế độ, chuyển công tác hoặc vì lý do khác mà không còn giữ chức vụ đó nữa nhưng xe ô tô đã trang bị chưa đủ điều kiện thay thế, thanh lý theo quy định thì người kế nhiệm tiếp tục sử dụng, không trang bị mới, trừ trường hợp xe ô tô được cơ quan, người có thẩm quyền</p>	<p>Bổ sung hướng dẫn: Các chức danh, chức vụ có hệ số phụ cấp chức vụ hoặc lương chức vụ cao hơn chức danh Vụ trưởng và tương đương (không đủ điều kiện được sử dụng xe ô tô chức danh quy định tại các Điều 4, 5, 6 và 7 Nghị định này) thì thuộc đối tượng sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại Điều 8 Nghị định này.</p>	<p>Theo sắp xếp tổ chức bộ máy thì không còn chức danh Phó Tổng cục trưởng; tuy nhiên vẫn có nhiều chức danh tương đương chức danh Phó Tổng cục trưởng theo kết luận 35-KL/TW (như: Chủ tịch Ủy ban MTTQVN tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phó chủ tịch HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương,...); do đó, dự thảo quy định để bao quát chức danh, chức vụ được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung đối với nhóm chức danh</p>

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
	<p>quyết định xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.</p> <p>Uy viên Trung ương Đảng dự khuyết đang đảm nhiệm vị trí công tác nào thì được áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô theo chức vụ đang công tác.</p> <p>Đối với các chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa được quy định cụ thể tại các Điều 5, 6, 7 và 8 Nghị định này, khi cơ quan có thẩm quyền quy định chức danh, chức vụ đó tương đương với chức danh, chức vụ nào quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 và các điểm a, b, c, d, đ khoản 2 Điều 8 Nghị định này thì được áp dụng tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung của chức danh, chức vụ tương đương.</p>		<p>“tương đương chức danh Phó Tổng cục trưởng”</p>
	<p>4. Xe ô tô không thuộc quy định tại khoản 3 Điều này được thay thế khi đủ điều kiện thanh lý. Việc thanh lý xe ô tô được thực hiện khi đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:</p> <p>b) Đã sử dụng trên 200.000 km đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức đơn vị, doanh nghiệp nhà nước có trụ sở chính đóng trên địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc/và đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố có trên <u>50% đơn vị hành chính cấp huyện</u> thuộc địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; đã sử dụng trên 250.000 km đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước còn lại.</p>	<p>Sửa đổi điều kiện về thanh lý xe theo số km (điểm b khoản 4 Điều 3 dự thảo): thay thế cụm từ “50% đơn vị hành chính cấp huyện” thành “50% đơn vị hành chính cấp xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là xã)”</p>	<p>Để phù hợp sắp xếp bộ máy khi bỏ cấp huyện</p>
	<p>5. Nguyên tắc xác định giá mua xe ô tô:</p> <p>b) Giá xe ô tô làm căn cứ xác định tiêu chuẩn,</p>	<p>b) Giá xe ô tô làm căn cứ xác định tiêu</p>	<p>Để giảm sự vụ lên Thủ tướng Chính phủ, dự thảo quy định Bộ Tài chính có ý kiến về nội dung này</p>

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
	<p>định mức trong trường hợp giao, điều chuyển xe ô tô đã qua sử dụng là giá trị còn lại trên sổ kế toán hoặc giá trị đánh giá lại theo quy định của pháp luật (đối với xe ô tô chưa được theo dõi giá trị trên sổ kế toán hoặc trường hợp phải đánh giá lại khi xử lý theo quy định của pháp luật), bảo đảm giá trị còn lại hoặc giá trị đánh giá lại không vượt quá 15% mức giá mua xe tối đa quy định cụ thể tại Nghị định này. Trường hợp cần thiết, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng sau khi có ý kiến thống nhất của đồng chí Thường trực Ban Bí thư (đối với trường hợp giao, điều chuyển xe ô tô của cơ quan, đơn vị của Đảng ở trung ương), Thủ tướng Chính phủ theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan (đối với trường hợp còn lại) <u>xem xét, quyết định giao, điều chuyển xe ô tô đã qua sử dụng có giá trị còn lại hoặc giá trị đánh giá lại cao hơn trên 15%</u> mức giá mua xe tối đa quy định cụ thể tại Nghị định này”</p>	<p>chuẩn, định mức trong trường hợp giao, điều chuyển xe ô tô đã qua sử dụng là giá trị còn lại trên sổ kế toán hoặc giá trị đánh giá lại theo quy định của pháp luật (đối với xe ô tô chưa được theo dõi giá trị trên sổ kế toán hoặc trường hợp phải đánh giá lại khi xử lý theo quy định của pháp luật), bảo đảm giá trị còn lại hoặc giá trị đánh giá lại nhỏ hơn hoặc bằng 115% mức giá mua xe tối đa quy định tại Nghị định này.</p> <p>Trường hợp giá trị còn lại hoặc giá trị đánh giá lại lớn hơn 115% của mức giá mua xe tối đa quy định tại Nghị định này, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển tài sản quyết định việc giao, điều chuyển tài sản sau khi có ý kiến thống nhất của đồng chí Thường trực Ban Bí thư (đối với trường hợp giao, điều chuyển xe ô tô của cơ quan, đơn vị của Đảng ở trung ương), ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan (đối với trường hợp còn lại).</p>	
	<p>“6. Số biên chế làm căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị là số lượng biên chế hoặc số người làm việc theo đề án vị trí việc làm được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và số lượng người làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn (bao gồm cả các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc - nếu có) được cơ</p>	<p>6. Số biên chế làm căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các đơn vị là số lượng biên chế hoặc số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt và số lượng người làm việc của đơn vị ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn (bao gồm cả các đơn vị thuộc, trực thuộc, đơn vị thành viên - nếu có) được cơ quan, người</p>	<p>Kế thừa tiêu chuẩn, định mức căn cứ vào số biên chế và các tiêu chí khác tại thời điểm xác định định mức; tuy nhiên, bỏ nội dung ổn định định mức để phù hợp với tình hình sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hiện nay; theo đó, số lượng biên chế vẫn tiếp tục thay đổi theo hướng tinh gọn</p>

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
	<p>quan, người có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật tại thời điểm xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; trường hợp tại Nghị định này quy định biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc được tách riêng để tính định mức thì không được tính gộp biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc vào biên chế các cơ quan, tổ chức, đơn vị.</p> <p>Số biên chế và các tiêu chí khác tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành là căn cứ để xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung được ổn định theo <u>mỗi chu kỳ 05 năm</u>; sau mỗi chu kỳ ổn định, các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải xác định lại và công bố công khai tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo số biên chế và các tiêu chí khác tại thời điểm xác định lại.</p> <p>Việc điều chỉnh tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung trong chu kỳ ổn định chỉ áp dụng trong trường hợp có thay đổi về cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương, <u>các đơn vị thuộc, trực thuộc tổng cục</u>, các sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh và các đơn vị hành chính cấp huyện.”</p>	<p>có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật tại thời điểm xác định tiêu chuẩn, định mức; trường hợp tại Nghị định này quy định biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc được tách riêng để tính định mức thì không được tính gộp biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc vào biên chế của đơn vị.</p> <p>7. Căn cứ vào số biên chế và các tiêu chí khác tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi thực hiện phân bổ số lượng xe phục vụ công tác chung theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định này) quyết định định mức xe ô tô của từng đơn vị thuộc, trực thuộc trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành; trường hợp chưa hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy thì căn cứ biên chế được cấp có thẩm quyền quyết định tạm giao để xác định định mức; trường hợp không có biên chế tạm giao thì xác định theo biên chế được giao, được phê duyệt, được ký tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành.</p> <p>Sau khi được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt biên chế hoặc trường hợp có điều chỉnh, thay đổi về số lượng biên chế hoặc thay đổi cơ cấu tổ chức bộ máy thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tỉnh ủy, Thành ủy thực hiện điều chỉnh định mức (sau khi thực hiện phân bổ số lượng xe phục vụ công tác chung theo quy định tại khoản 6 Điều 8</p>	

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
		Nghị định này) theo biên chế và tiêu chí khác tại thời điểm điều chỉnh định mức.	
	<p>7. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung (PVCTC) của các cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương và các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc: VP Chủ tịch nước, VPCP, VPQH, TAND, Viện KSND, Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Chính phủ, <u>cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan quản lý thi trường</u>, Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, <u>Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh</u> thực hiện theo quy định tại Nghị định này; trường hợp số lượng xe ô tô PVCTC quy định tại Nghị định này thấp hơn số xe ô tô PVCTC cộng với xe ô tô bán tải, xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô (sau đây gọi là Nghị định số 04/2019/NĐ-CP) thì số lượng xe ô tô PVCTC được xác định bằng số xe ô tô PVCTC theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP cộng với xe ô tô bán tải, xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi về cơ cấu, tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và các trường hợp cần thiết khác, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng phê duyệt (sau khi có ý kiến thống nhất của đồng chí Thường trực Ban Bí thư) tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô PVCTC của các cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương; VP Chủ tịch nước, VPCP, VPQH, TANDTC, Viện KSNDTC, Kiểm</p>	Bỏ quy định này	<p>Căn cứ tính đặc thù và đề nghị của một số đơn vị khi chuyên tiếp (<i>chuyên xe ô tô bán tải, xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP thành xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP</i>) nên tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP quy định định mức riêng cho các đơn vị này. Tuy nhiên, đến nay tất cả các cơ quan đều thực hiện sắp xếp với mô hình, cơ cấu tổ chức bộ máy mới nên dự thảo Nghị định bỏ quy định này. Các đơn vị áp dụng quy định chung tại dự thảo Nghị định</p>

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
	toán nhà nước, Thanh tra Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương, Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt số lượng xe ô tô PVCTC để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao.		
4	<p>Điều 4. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô, kể cả khi đã nghỉ công tác, không quy định mức giá</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tổng Bí thư. 2. Chủ tịch nước. 3. Thủ tướng Chính phủ; Chủ tịch Quốc hội. 	<p>Điều 4. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô, kể cả khi đã nghỉ công tác (trừ trường hợp có quy định, quyết định khác của cấp có thẩm quyền), không quy định mức giá</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tổng Bí thư. 2. Chủ tịch nước. 3. Thủ tướng Chính phủ. 4. Chủ tịch Quốc hội. 	Điều chỉnh cho phù hợp tình hình thực tế hiện nay liên quan đến công tác cán bộ.
5	<p>Điều 5. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác, không quy định mức giá</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thường trực Ban Bí thư; Ủy viên Bộ Chính trị; Ủy viên Ban Bí thư; Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Phó Chủ tịch nước; Phó Thủ tướng Chính phủ; Phó Chủ tịch Quốc hội. 2. Chế độ trang bị: <ol style="list-style-type: none"> a) Trường hợp mua mới xe ô tô, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủng loại, giá mua xe ô tô trang bị cho các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan. b) Trường hợp trang bị theo hình thức giao, 	<p>Điều 5. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác, không quy định mức giá</p> <p>Thường trực Ban Bí thư; Ủy viên Bộ Chính trị; Ủy viên Ban Bí thư; Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Phó Chủ tịch nước; Phó Thủ tướng Chính phủ; Phó Chủ tịch Quốc hội.</p>	Bỏ khoản 2 Điều 5 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP. Lý do: Quy định tương tự các Điều 4, 6 và 7 dự thảo Nghị định; cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền mua sắm quyết định việc mua sắm cụ thể

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/ND-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
	<p>điều chuyển xe ô tô, cơ quan, người có thẩm quyền giao, điều chuyển xe ô tô theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công quyết định việc giao, điều chuyển xe ô tô để trang bị cho các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này. Trình tự, thủ tục giao, điều chuyển xe ô tô thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.</p>		
6	<p>Điều 6. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác, có quy định mức giá</p>		
	<p>1. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác với giá mua tối đa 1.600 triệu đồng/xe, gồm: Ủy viên Trung ương Đảng chính thức; Trưởng ban, cơ quan Đảng ở Trung ương; Giám đốc Học viện CTQG HCM; Tổng Biên tập Báo Nhân Dân, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản; Ủy viên UBTWQH (Tổng thư ký, Chủ nhiệm VPQH; Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, <u>Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội; Trưởng ban Công tác đại biểu, Trưởng ban Dân nguyện thuộc Thường vụ Quốc hội</u>).</p>	<p>1. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác với giá mua tối đa 1.600 triệu đồng/xe, gồm: Ủy viên Trung ương Đảng chính thức; Trưởng ban, cơ quan Đảng ở Trung ương; Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Tổng Biên tập Báo Nhân Dân, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản; Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Tổng thư ký, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội; Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội); các chức danh, chức vụ tương đương.</p>	<p>(1) Bỏ cụm từ: Trưởng ban Công tác đại biểu, Trưởng ban Dân nguyện thuộc Thường vụ Quốc hội. Lý do: Thực hiện sắp xếp bộ máy tổ chức theo Kết luận số 121: Ban Dân nguyện thành <u>Ủy ban</u> Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội; Ban Công tác đại biểu thành <u>Ủy ban</u> Công tác đại biểu của Quốc hội (<u>Định mức theo chức danh <u>Chủ nhiệm Ủy ban</u></u>) (2) Bỏ cụm từ: chức danh, chức vụ tương đương để bao quát các trường hợp chưa liệt kê cụ thể</p>
	<p>2. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác với giá mua tối đa 1.550 triệu đồng/xe, gồm: Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước; Tổng Kiểm toán nhà nước; <u>Trưởng tổ chức chính trị - xã hội trung ương được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động</u>; Phó Chủ tịch - Tổng Thư ký Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Bí thư Tỉnh</p>	<p>2. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác với giá mua tối đa 1.550 triệu đồng/xe, gồm: Bộ trưởng; Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước; Tổng Kiểm toán Nhà nước; Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương; Bí thư</p>	<p>(1) Bỏ cụm từ: Đảng ủy Khối trực thuộc Trung ương. Lý do: kết thúc hoạt động của Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương. (2) Bỏ cụm từ: chức danh, chức vụ tương đương để bao quát các trường hợp chưa liệt kê cụ thể</p>

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
	<p>Ủy, Thành ủy, Đảng ủy Khối trực thuộc Trung ương; Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội, Phó Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.</p>	<p>Tỉnh ủy, Thành ủy; Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội, Phó Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương; các chức danh, chức vụ tương đương.</p>	
	<p>3. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác với giá mua tối đa 1.500 triệu đồng/xe, gồm: Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; <u>Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp</u>; Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam, Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam, Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam.</p>	<p>3. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác với giá mua tối đa 1.500 triệu đồng/xe, gồm: Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ và các chức danh, chức vụ tương đương.</p>	<p>- Bỏ cụm từ: Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Lý do: cơ quan kết thúc hoạt động - Gom các chức danh các cơ quan thuộc Chính phủ - Bổ sung cụm từ: chức danh, chức vụ tương đương để bao quát các trường hợp chưa liệt kê cụ thể</p>
7	<p>Điều 7. Chức danh được sử dụng xe ô tô đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại và đi công tác, có quy định mức giá</p>		
	<p>1. Các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô gồm:</p> <p>a) Chức danh được sử dụng xe ô tô với giá mua tối đa 1.400 triệu đồng/xe, gồm:</p> <p>Phó Trưởng ban, cơ quan Đảng ở Trung ương; Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia HCM; Phó Tổng Biên tập Báo Nhân Dân; Phó Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản; Phó Chủ tịch Ủy ban trung ương MMTQVN; Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc; Phó Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội; Phó Chánh án TANDTC, Phó Viện trưởng Viện KSNDTC.</p> <p>Thứ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước; Phó</p>	<p>Điều 7. Chức danh được sử dụng xe ô tô đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại và đi công tác, có quy định mức giá</p> <p>1. Các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô gồm:</p> <p>a) Chức danh được sử dụng xe ô tô với giá mua tối đa 1.400 triệu đồng/xe, gồm:</p> <p>Phó Trưởng ban, cơ quan Đảng ở Trung ương; Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Phó Tổng Biên tập Báo Nhân Dân; Phó Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản; Phó Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc; Phó Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội; Phó Chủ nhiệm Văn</p>	<p>(1) Bỏ cụm từ</p> <p>- Đảng ủy khối trực thuộc Trung ương (Chức danh Phó Bí thư); Phó Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Viện trưởng Viện Nghiên cứu lập pháp thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chủ tịch Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia. Lý do: Kết thúc hoạt động của Đảng ủy khối trực thuộc Trung ương, UBQLVNN tại doanh nghiệp, Viện trưởng Viện Nghiên cứu lập pháp, UBGSTC</p> <p>- Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Trưởng Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Lý do Chuyển BHXII, BQLI về BTC, BQP</p> <p>- Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Lý do: Hai ĐHQG sẽ do Bộ GD&ĐT quản lý nhưng vẫn sử</p>

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
	<p>Tổng Kiểm toán nhà nước; <u>Phó trưởng các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động</u>; Bí thư thường trực Trung ương Đoàn TNCSHCM; <u>Phó Bí thư</u> Tỉnh ủy, Thành ủy, <u>Đảng ủy khối trực thuộc Trung ương</u>; ...; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương; Giám đốc Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật; Chủ tịch các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương (đối với các tổ chức hội có đảng đoàn); Trợ lý các lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước; Trợ lý Thường trực Ban Bí thư.</p> <p><u>Viện trưởng Viện Nghiên cứu lập pháp thuộc UBTVOH; Giám đốc ĐHQG Hà Nội, Giám đốc ĐHQG TP HCM; Tổng Giám đốc BHXHVN; Trưởng Ban Quản lý Lăng Chủ tịch HCM; Chủ tịch Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; Phó Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp</u>; Thẩm phán TANDTC, Kiểm sát viên Viện KSNDTC.</p>	<p>phòng Quốc hội; Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Thứ trưởng; Phó thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước; Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước; Phó Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh); Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương; Giám đốc Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật; Trợ lý các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước; Trợ lý Thường trực Ban Bí thư; Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao; các chức danh, chức vụ tương đương.</p> <p>Chủ tịch các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương (đối với các tổ chức hội có đảng đoàn) được xem xét, hỗ trợ xe chức danh theo quy định tại điểm này theo quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.</p>	<p>dụng con dấu có hình quốc huy, nhận NS trực tiếp từ Chính phủ. Do chưa rõ tương đương chức danh nào nên sẽ xác định theo nguyên tắc tương đương.</p> <p>- Phó trưởng các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động. <i>Lý do</i>: Sắp xếp lại các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ về trực thuộc Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thuộc định mức của MITQVN</p> <p>(2) Bổ sung cụm từ:</p> <p>- Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh</p> <p>- Chức danh, chức vụ tương đương để bao quát các trường hợp chưa liệt kê cụ thể</p> <p>- Chủ tịch các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương (đối với các tổ chức hội có đảng đoàn) được xem xét, hỗ trợ xe chức danh theo quy định tại điểm này theo quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội</p>
	<p>b) Chức danh được sử dụng xe ô tô với giá mua tối đa 1.250 triệu đồng/xe, gồm:</p> <p>Tổng Cục trưởng, Phó Trưởng Ban Công tác đại biểu, Phó Trưởng Ban Dân nguyện thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Phó Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam; Phó</p>	<p>b) Chức danh được sử dụng xe ô tô với giá mua tối đa 1.250 triệu đồng/xe, gồm: Phó Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách cấp tỉnh (trừ thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh); Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc các tập đoàn, tổng công ty do Thủ tướng</p>	<p>(1) Bỏ cụm từ</p> <p>- Tổng Cục trưởng. <i>Lý do</i>: Không còn mô hình Tổng cục</p> <p>- Phó Trưởng Ban Công tác đại biểu, Phó Trưởng Ban Dân nguyện thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội. <i>Lý do</i>: Tương tự chức danh Trưởng ban</p> <p>- Tổng Biên tập Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam; Giám đốc Truyền hình Quốc hội, Phó Tổng</p>

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
	<p>Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam; Phó Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam; Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Ủy viên Thường trực Hội đồng Dân tộc, Ủy viên Thường trực các Ủy ban của Quốc hội; Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh; Ủy viên Thường trực Tiểu ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương; Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc các tập đoàn, tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập (sau đây gọi là tập đoàn kinh tế).</p> <p>Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; Ủy viên Ban Biên tập Báo Nhân Dân; Ủy viên Ban Biên tập Tạp chí Cộng sản; Phó Trưởng Ban chuyên trách hoặc ủy viên chuyên trách các ban chỉ đạo ở Trung ương; Phó Trưởng ban chuyên trách hoặc ủy viên chuyên trách các ban chỉ đạo do Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng Ban chỉ đạo; Trợ lý các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước.</p> <p>Tổng Biên tập Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam; Tổng Biên tập Báo Đại biểu nhân dân; Giám đốc Truyền hình Quốc hội; Tổng Giám đốc Công thông tin điện tử Chính phủ; Phó Giám đốc ĐHQG Hà Nội, Phó Giám đốc ĐHQGTPHCM; Phó Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Phó Chánh Văn phòng Ban Cán sự đảng Chính phủ, Phó Chánh văn phòng Đảng đoàn Quốc hội; Phó Bí thư chuyên trách công tác đảng ở các Đảng ủy: Văn phòng Trung ương Đảng, VPCP,</p>	<p>Chính phủ quyết định thành lập (sau đây gọi là tập đoàn kinh tế); Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Trợ lý các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước; Tổng Biên tập Báo Đại biểu nhân dân; Tổng Giám đốc Công thông tin điện tử Chính phủ; các chức danh, chức vụ tương đương.</p>	<p>Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam. <i>Lý do:</i> Kết thúc hoạt động các cơ quan</p> <p>- Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. <i>Lý do:</i> Tương tự chức danh Giám đốc.</p> <p>- Phó Chánh Văn phòng Ban Cán sự đảng Chính phủ, Phó Chánh văn phòng Đảng đoàn Quốc hội; Phó Bí thư chuyên trách công tác đảng ở các Đảng ủy: Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Bộ Ngoại giao, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. <i>Lý do:</i> Kết thúc hoạt động của các đảng đoàn, BCS Đảng ở TW. Thành lập 4 Đảng bộ trực thuộc BCITW Đảng: Đảng bộ các CQ Đảng Trung ương; Đảng bộ Quốc hội; Đảng bộ Chính phủ; Đảng bộ MTTQ, các đoàn thể Trung ương. Tiêu chuẩn, định mức áp dụng theo các chức danh, chức vụ tương đương.</p> <p>- Ủy viên Thường trực các Ủy ban của Quốc hội</p> <p>(2) Bổ sung cụm từ:</p> <p>- “Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy” vào trước cụm từ “thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh”</p> <p>- Bổ sung cụm từ “(trừ thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh)” vào sau cụm từ “Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách cấp tỉnh”</p> <p>- Chức danh, chức vụ tương đương để bao quát các trường hợp chưa liệt kê cụ thể</p>

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
	VPQH, Bộ Ngoại giao, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.		
8	Điều 8. Phạm vi, đối tượng được sử dụng và thẩm quyền quyết định số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung		
	1. Xe ô tô phục vụ công tác chung là xe ô tô một cầu hoặc hai cầu, có số chỗ ngồi từ 4 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải) để phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả các đơn vị thuộc, trực thuộc của cơ quan, tổ chức, đơn vị), doanh nghiệp nhà nước, không thuộc danh mục xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 16 Nghị định này.	1. Xe ô tô phục vụ công tác chung là xe ô tô một cầu hoặc hai cầu, có số chỗ ngồi đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải) để phục vụ công tác chung của đơn vị (bao gồm cả các đơn vị thuộc, trực thuộc đơn vị), không thuộc danh mục xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 14 Nghị định này.	Sửa cụm từ “có số chỗ ngồi từ 4 đến 16 chỗ ngồi” thành “có số chỗ ngồi đến 16 chỗ ngồi” để phù hợp với thực tế số chỗ ngồi của xe ô tô hiện nay
	2. Các đối tượng sau đây được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung để thực hiện chức trách, nhiệm vụ được cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước giao (không sử dụng để đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại): a) <u>Phó Tổng cục trưởng và tương đương.</u> b) <u>Vụ trưởng và tương đương; Phó Vụ trưởng và tương đương.</u> c) <u>Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (trừ thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh).</u> d) <u>Giám đốc, Phó Giám đốc sở và tương đương cấp tỉnh.</u> đ) <u>Bí thư Huyện ủy, Quận ủy, Thành ủy, Thị ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.</u> e) <u>Ủy viên Ban thường vụ Huyện ủy, Quận ủy, Thành ủy, Thị ủy; Chủ tịch, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện, Phó Chủ tịch Ủy ban</u>	2. Các đối tượng sau đây được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung để thực hiện chức trách, nhiệm vụ được đơn vị giao (không sử dụng để đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại): a) <u>Cục trưởng, Vụ trưởng và tương đương; Phó Cục trưởng, Phó Vụ trưởng và tương đương.</u> b) <u>Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó trưởng đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (trừ thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh); các chức danh, chức vụ tương đương.</u> c) <u>Giám đốc, Phó Giám đốc sở và tương đương cấp tỉnh.</u> d) <u>Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.</u> đ) <u>Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được giao thực hiện nhiệm vụ đặc</u>	- Bỏ cụm từ: “Phó Tổng cục trưởng” - Bỏ các chức danh cấp huyện; thay bằng các chức danh cấp chính quyền xã phù hợp sắp xếp ĐVHC cấp huyện.

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
	<p><u>nhân dân cấp huyện.</u></p> <p>g) Ủy viên (Thành viên) Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc tập đoàn kinh tế; Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc và các chức danh tương đương tại doanh nghiệp nhà nước.</p> <p>h) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được giao thực hiện nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị; danh mục nhiệm vụ đặc thù được quy định cụ thể tại Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị.</p>	<p>thù của đơn vị; danh mục nhiệm vụ đặc thù được quy định cụ thể tại Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của đơn vị.</p>	
	<p>5. Ngoài số xe ô tô đã được xác định theo quy định tại các Điều 9, 10, 11, và 12 Nghị định này, bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi có ý kiến thống nhất của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) xem xét, quyết định số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp, tuần tra biên giới, phục vụ người có công, bảo trợ xã hội, phân giới cắm mốc, điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, quan trắc phân tích mẫu môi trường thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương, địa phương đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả</p>	<p>5. Ngoài số xe ô tô đã được xác định theo quy định tại các Điều 9, 10 và 11 Nghị định này, bộ, cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi xin ý kiến của các cơ quan có liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Thành ủy), xem xét, quyết định số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung trang bị thêm cho các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương, địa phương được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp, tuần tra biên giới, phục vụ người có công, bảo trợ xã hội, phân giới cắm mốc, điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, quan trắc phân tích mẫu môi trường, quản lý thị trường, đưa đón cán bộ, công chức, viên chức, người lao động từ nơi ở đến trụ sở làm việc mà có khoảng cách từ 20km trở lên, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.</p>	<p>(1) Đê phù hợp với tình hình sắp xếp, tinh gọn bộ máy, dự thảo bổ sung 02 nhóm đặc thù: (i) Nhiệm vụ quản lý thị trường; (ii) Đưa đón cán bộ, công chức, viên chức, người lao động từ nơi ở đến trụ sở làm việc mà có khoảng cách từ 20km trở lên. Lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với cơ quan quản lý thị trường (QLTT): Thực hiện sắp xếp bộ máy (kết thúc mô hình Tổng cục ở Trung ương; Cục QLTT trước đây thuộc trung ương nay chuyển về các địa phương sau sắp xếp là Chi cục QLTT thuộc Sở Công Thương). Trường hợp áp dụng định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của Sở Công Thương sẽ không đáp ứng được yêu cầu công tác trong khi nhu cầu thực tế đơn vị này phần lớn là xe bán tải (chiếm 55% tổng định mức xe phục vụ công tác chung ban hành theo Nghị định số 72/2023/NĐ-CP). - Đối với nhiệm vụ đưa đón cán bộ, công chức, viên chức, người lao động từ nơi ở đến trụ sở làm việc do sắp xếp các tỉnh thì nhiều trường hợp cán bộ phải đi làm xa nơi ở. <p>(2) Bổ sung thẩm quyền Tỉnh ủy, Thành ủy đối với tài sản của cơ quan Đảng ở địa phương ở khoản này và toàn bộ các Điều khoản liên quan đến thẩm quyền</p>

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
			của Tỉnh ủy, Thành ủy tại dự thảo
	<p>6. Căn cứ tổng số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung được xác định theo quy định tại <u>Điều 9, khoản 1 Điều 10, Điều 11, Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 14 và khoản 7 Điều 3 Nghị định này</u>:</p> <p>a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định số lượng, chủng loại xe ô tô của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương (trừ các đơn vị ngành dọc trực thuộc tổng cục đóng trên địa bàn cấp tỉnh và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tổng cục).</p> <p>b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi xin ý kiến của các cơ quan có liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Thành ủy) quyết định số lượng, chủng loại xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức của từng Văn phòng cấp tỉnh (Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc trung ương, Văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, <u>Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</u>); <u>sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; quân, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.</u></p> <p>c) Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy quyết định số lượng, chủng loại xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức của từng cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc trung ương (trừ Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy) và đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy.</p> <p>d) Việc quyết định số lượng xe ô tô quy định tại các điểm a, b và c khoản này không áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị được trang bị xe</p>	<p>6. Phân bổ (điều hòa) số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của các đơn vị:</p> <p>a) Không thực hiện phân bổ số lượng xe ô tô của các đơn vị quy định tại khoản 5 Điều này.</p> <p>b) Căn cứ tổng số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của các đơn vị quy định tại các Điều 9, 10 và 11, khoản 1 Điều 12 Nghị định này (trừ các đơn vị quy định tại điểm a khoản này, điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định này):</p> <p>Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung cho từng cục, vụ và tổ chức tương đương, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương.</p> <p>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi xin ý kiến của các cơ quan có liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Thành ủy) quyết định phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung cho từng Văn phòng cấp tỉnh; từng sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh; từng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; từng xã.</p> <p>Tỉnh ủy, Thành ủy quyết định phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung cho từng cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy.</p> <p>Việc phân bổ theo nguyên tắc số lượng xe ô tô được phân bổ của từng đơn vị có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số lượng</p>	<p>Quy định rõ hơn để thống nhất thực hiện nội dung được phân bổ (điều hòa) lại định mức về số lượng xe giữa các đơn vị</p>

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
	ô tô theo quy định tại khoản 5 Điều này.	<p>xe ô tô được xác định theo quy định tại Điều 9, 10 và 11, khoản 1 Điều 12 Nghị định này (trừ các đơn vị quy định tại điểm a khoản này, điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định này) nhưng bảo đảm tổng số xe sau khi phân bổ của tất cả các đơn vị không vượt quá tổng số lượng xe của các đơn vị xác định theo tiêu chuẩn, định mức.</p> <p>c) Căn cứ tổng số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của các đơn vị quy định tại điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định này, Cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị đặc thù và tương đương quyết định phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung cho từng đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo nguyên tắc số lượng xe ô tô được phân bổ của từng đơn vị có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số lượng xe ô tô được xác định theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định này nhưng bảo đảm tổng số xe sau khi phân bổ của tất cả các đơn vị không vượt quá tổng số lượng xe của các đơn vị xác định theo tiêu chuẩn, định mức.</p> <p>d) Số lượng xe sau khi được phân bổ tại điểm b, điểm c khoản này là định mức về số lượng sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của từng đơn vị.</p>	
9	Điều 9. Xe ô tô phục vụ công tác chung của cục, vụ và tổ chức tương đương thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương	<p>Bổ sung khoản 1:</p> <p>1. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc cơ quan của Đảng ở trung ương được xác định như sau:</p> <p>a) Cơ quan, đơn vị có số biên chế đến 20 người: Tối đa 01 xe/01 cơ quan, đơn vị.</p> <p>b) Cơ quan, đơn vị có số biên chế từ trên</p>	Do các cơ quan này có tính chất đặc thù, thường xuyên phải kiểm tra chỉ đạo toàn diện, trong khi các cơ quan có ít biên chế nên dự thảo tách riêng khỏi nhóm định mức của nhóm cục, vụ và tương đương và quy định định mức cao hơn định mức của Cục, vụ và tổ chức tương đương; đồng thời, quy định định mức của tương tự như cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy.

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
		<p>20 người đến 40 người: Tối đa 02 xe/01 cơ quan, đơn vị.</p> <p>c) Cơ quan, đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 03 xe/01 cơ quan, đơn vị.</p> <p>d) Cơ quan, đơn vị có số biên chế từ trên 80 người đến 120 người: Tối đa 04 xe/01 cơ quan, đơn vị.</p> <p>đ) Cơ quan, đơn vị có số biên chế từ trên 120 người trở lên cứ thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung định mức 01 xe.</p>	
	<p>1. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của cục, vụ và tổ chức tương đương (không phải là đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương được xác định như sau:</p> <p>a) Đơn vị có số biên chế từ 20 người trở xuống: Tối đa 01 xe/02 đơn vị. Riêng đối với các đơn vị có số biên chế dưới 10 người thì gộp chung số biên chế vào số biên chế của Văn phòng bộ, cơ quan trung ương để xác định định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng bộ, cơ quan trung ương.</p> <p>b) Đơn vị có số biên chế từ <u>trên 20 người đến 50 người</u>: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.</p> <p>c) Đơn vị có số biên chế <u>từ trên 50 người đến 100 người</u>: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.</p> <p>d) Đơn vị có số biên chế từ <u>trên 100 người đến 200 người</u>: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.</p> <p>đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người đến 500 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.</p> <p>e) Đơn vị có số biên chế từ trên <u>500 người trở lên</u>: Tối đa <u>05 xe/01 đơn vị</u>.</p> <p>g) Các đơn vị (Chi cục, cảng vụ, trung tâm,...)</p>	<p>2. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của cục, vụ và tổ chức tương đương không tổ chức theo ngành dọc (không phải là đơn vị sự nghiệp công lập) được xác định như sau:</p> <p>a) Đơn vị có số biên chế đến 20 người: Tối đa 01 xe/02 đơn vị; trường hợp số lượng xe là số thập phân thì xác định số lượng xe theo phần nguyên.</p> <p>b) Đơn vị có số biên chế từ trên <u>20 người đến 40 người</u>: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.</p> <p>c) Đơn vị có số biên chế từ trên <u>40 người đến 80 người</u>: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.</p> <p>d) Đơn vị có số biên chế từ trên <u>80 người đến 120 người</u>: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.</p> <p>d) Đơn vị có số biên chế từ trên 120 người trở lên cứ thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung định mức 01 xe.</p> <p>e) Các đơn vị (Chi cục, trung tâm,...) có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng trực thuộc cục và tổ chức tương đương có số biên chế từ 20 người trở lên thì không tổng hợp biên chế của các đơn vị</p>	<p>Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của cục, vụ và tổ chức tương đương không tổ chức theo ngành dọc (không phải là đơn vị sự nghiệp công lập): Dự thảo tăng số lượng xe thông qua thu hẹp khoảng cách biên chế (<i>điều chỉnh từ: đơn vị có từ 20 người trở xuống: Tối đa 01 xe/02 đơn vị, đơn vị có số biên chế dưới 10 người thì gộp chung số biên chế để tính định mức của Văn phòng bộ; từ trên 20 người đến 50 người tối đa 01 xe; từ trên 50 người đến 100 người tối đa 02 xe, từ trên 100 người đến 200 người tối đa 03 xe...; từ trên 500 người tối đa 05 xe; thành đơn vị có đến 20 người 01xe/2 đơn vị, từ trên 20 người đến 40 người 01 xe, từ trên 40 người đến 80 người 02xe, từ trên 80 người đến 120 người 03 xe; từ 120 người trở lên cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung định mức 01 xe</i>). Lý do: Thực tế đối với cục, vụ và tổ chức tương đương, trung bình định mức biên chế 40-50 người/01 xe phù hợp. Theo tổ chức bộ máy mới thì các Cục, vụ và tổ chức tương đương có phạm vi quản lý rộng hơn với số lượng biên chế nhiều hơn nên cần nhiều xe hơn để phục vụ công tác</p>

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
	<p>trực thuộc cấp cục và tổ chức tương đương thuộc bộ, cơ quan trung ương có số biên chế từ 20 người trở lên thì không tổng hợp biên chế của các đơn vị này vào biên chế của cục và tương đương để xác định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này; định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các đơn vị trực thuộc được xác định như sau:</p> <p>Đơn vị có số biên chế từ 20 người đến 50 người: Tối đa 01 xe/đơn vị.</p> <p>Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người trở lên: Tối đa 02 xe/đơn vị.</p>	<p>này vào biên chế của cục và tương đương để xác định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này; số xe ô tô được xác định tại điểm này được cộng vào định mức của cục và tổ chức tương đương và được xác định như sau:</p> <p>Đơn vị có số biên chế từ 20 người đến 50 người: Tối đa 01 xe/đơn vị.</p> <p>Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người trở lên thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung định mức 01 xe.</p>	
	<p><u>(Tương ứng Điều 10 tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP như sau:</u></p> <p>1. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của cục, vụ, ban và tổ chức tương đương (không phải là đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc, trực thuộc tổng cục được xác định như sau:</p> <p>a) Đơn vị có số biên chế từ 20 người trở xuống: Tối đa 01 xe/02 đơn vị. Riêng đối với các đơn vị có số biên chế dưới 10 người thì gộp chung số biên chế của đơn vị này vào số biên chế của Văn phòng tổng cục để xác định định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng tổng cục.</p> <p>b) Đơn vị có số biên chế từ trên 20 người đến 50 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.</p> <p>c) Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người trở lên: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.</p> <p>2. Đối với tổng cục được tổ chức theo ngành dọc thì định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các đơn vị thuộc, trực thuộc tổng cục đóng trên địa bàn cấp tỉnh được xác định</p>	<p>3. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của cục, đơn vị đặc thù và tương đương (không phải là đơn vị sự nghiệp công lập) được tổ chức theo ngành dọc.</p> <p>a) Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các đơn vị thuộc, trực thuộc cục, đơn vị đặc thù và tương đương (trừ các đơn vị tại điểm b khoản này) được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>b) Định mức các đơn vị thuộc, trực thuộc Cục, đơn vị đặc thù và tương đương đóng trên địa bàn cấp tỉnh hoặc liên tỉnh được xác định như sau:</p> <p>b1) Đơn vị có số biên chế từ 40 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.</p> <p>b2) Đơn vị có số biên chế từ <u>trên 40 người đến 80 người</u>: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.</p> <p>b3) Đơn vị có số biên chế từ trên 80 người</p>	<p>Tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP quy định định mức của các Tổng cục; tuy nhiên, nay sắp xếp không còn mô hình Tổng cục. Nếu áp dụng định mức các Cục và tổ chức tương đương chỉ được tối đa 05 xe (áp dụng cho đơn vị có biên chế từ 500 người trở lên). Quy định này không còn phù hợp với các Cục được tổ chức theo hệ thống dọc do có số lượng biên chế lớn, thường xuyên thực hiện nhiệm vụ địa bàn cấp tỉnh; do đó, dự thảo Nghị định quy định định mức của các Cục được tổ chức theo hệ thống dọc gồm 02 nhóm xe: (1) Nhóm 1: Các đơn vị tại Trung ương; (2) Nhóm 2: Các đơn vị thuộc, trực thuộc Cục, đơn vị đặc thù và tương đương đóng trên địa bàn cấp tỉnh hoặc liên tỉnh. Cụ thể:</p> <p>a) Đối với Nhóm 1: Quy định tương tự như đối với các cục và tổ chức tương đương không tổ chức theo ngành dọc (không phải là đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương.</p> <p>b) Đối với Nhóm 2: Dự thảo Nghị định quy định định mức gồm: định mức xác định theo biên chế và</p>

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
	<p><i>như sau:</i></p> <p>a) Đơn vị có số biên chế từ 40 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.</p> <p>b) Đơn vị có số biên chế từ <u>trên 40 người đến 100 người</u>: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.</p> <p>c) Đơn vị có số biên chế từ <u>trên 100 người đến 200 người</u>: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.</p> <p>d) Đơn vị có số biên chế từ <u>trên 200 người đến 300 người</u>: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.</p> <p>d) Đơn vị có số biên chế từ <u>trên 300 người đến 400 người</u>: Tối đa 05 xe/01 đơn vị.</p> <p>e) Đơn vị có số biên chế từ <u>trên 400 người đến 500 người</u>: Tối đa 06 xe/01 đơn vị.</p> <p>g) Đơn vị có số biên chế từ <u>trên 500 người trở lên</u> thì cứ 300 biên chế tăng thêm được bổ sung định mức 01 xe.</p> <p>h) Trường hợp đơn vị có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có <u>trên 50% số đơn vị hành chính cấp huyện thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc đóng trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên hoặc đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố có diện tích tự nhiên từ 5.000 km² trở lên hoặc đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố tự cân đối được ngân sách nhà nước</u> thì ngoài số lượng xe được xác định theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản này được bổ sung định mức 01 xe nếu thỏa mãn 01 tiêu chí, được bổ sung định mức 02 xe nếu thỏa mãn từ 02 tiêu chí trở</p>	<p>đến 120 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.</p> <p>b4) Đơn vị có số biên chế từ trên 120 người trở lên thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung định mức 01 xe.</p> <p>b5) Ngoài định mức xác định theo quy định tại các điểm b1, b2, b3 và b4 khoản này, đơn vị được bổ sung số lượng xe như sau:</p> <p>Trường hợp đơn vị được giao quản lý 01 tỉnh có diện tích tự nhiên từ 9.000km² đến 14.000km² thì được bổ sung 01 tối đa 01 xe; từ 14.000 km² trở lên thì cứ 5.000km² tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe.</p> <p>Trường hợp đơn vị được giao quản lý liên tỉnh thì cứ 1 tỉnh tăng thêm được bổ sung 01 xe; trường hợp địa bàn được giao quản lý có diện tích tự nhiên từ 18.000 km² đến 23.000km² trở lên thì được bổ sung thêm 01 xe/đơn vị; từ 23.000 km² trở lên thì cứ 5.000km² tăng thêm được bổ sung 01 xe.</p> <p>Trường hợp địa bàn được giao quản lý có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì được bổ sung tối đa 01 xe.</p> <p>Trường hợp đơn vị có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách nhà nước</p>	<p>định mức theo các tiêu chí khác.</p> <p>- Theo biên chế: Kế thừa đối với đơn vị có số biên chế từ 40 người trở xuống (tối đa 01 xe/01 đơn vị), từ trên 40 người đến 80 người (tối đa 02 xe/01 đơn vị) của các đơn vị thuộc, trực thuộc tổng cục đóng trên địa bàn cấp tỉnh theo Nghị định số 72/2023/NĐ-CP; điều chỉnh định mức của đơn vị có số biên chế từ trên 80 người trở lên (cụ thể: điều chỉnh từ đơn vị có từ trên 40 người đến 100 người: Tối đa 02 xe; từ trên 100 người đến 200 người: Tối đa 03 xe; từ trên 200 người đến 300 người: Tối đa 04 xe; từ trên 300 người đến 400 người: Tối đa 05 xe; từ trên 400 người đến 500 người: Tối đa 06 xe; từ trên 500 người trở lên thì cứ 300 biên chế tăng thêm được bổ sung định mức 01 xe; thành đơn vị có từ trên 40 người đến 80 người tối đa 02 xe, từ trên 80 người đến 120 người tối đa 03 xe; từ trên 120 người trở lên thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung định mức 01 xe).</p> <p>- Theo các tiêu chí khác: Dự thảo Nghị định quy định đơn vị được bổ sung xe nếu đáp ứng các tiêu chí sau: Kế thừa các tiêu chí khác theo Nghị định số 72/2023/NĐ-CP (trong đó yếu tố địa bàn “2 huyện” nay điều chỉnh thành “10 xã” do 2 huyện trước khi sắp xếp tương đương khoảng 10 xã sau khi sắp xếp) và bổ sung tiêu chí để bổ sung xe đối với các đơn vị được giao quản lý liên tỉnh; theo đó, ngoài tỉnh đóng trụ sở chính, cứ 01 tỉnh tăng thêm được bổ sung 01 xe, nếu địa bàn quản lý có diện tích rộng thì được bổ sung thêm xe (từ 18.000 km²¹ đến 23.000 km² trở lên thì được bổ sung thêm 01 xe/đơn vị; từ 23.000 km² trở lên thì cứ 5.000 km² tăng thêm được bổ sung</p>

¹ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP lấy tiêu chí trên 5.000km² là các tỉnh có diện tích lớn; theo đó có 29/63 tỉnh, khoảng 46% các tỉnh. Sau khi sắp xếp thì có 16/34 tỉnh có diện tích trên 9.000km², chiếm 47%; do đó, dự thảo lấy tỷ lệ (tương đồng về tỷ lệ tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP) để xác định các tỉnh có diện tích lớn như trước khi sắp xếp. Đồng thời, tính trung bình liên tỉnh là 02 tỉnh thì địa bàn hoạt động rộng là 18.000 km².

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
	<p>lên.</p> <p>i) Đối với các đơn vị có đơn vị trực thuộc đóng trên địa bàn từ 02 huyện trở lên hoặc đóng trên địa bàn 01 huyện có diện tích tự nhiên từ 450 km² trở lên thì xác định định mức như sau:</p> <p>Không tính số biên chế của các đơn vị trực thuộc đóng trên địa bàn từ 02 huyện trở lên và các đơn vị trực thuộc đóng trên địa bàn có diện tích tự nhiên từ 450 km² trở lên vào biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc tổng cục đóng trên địa bàn cấp tỉnh để xác định định mức sử dụng xe ô tô theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản này.</p> <p>Cứ mỗi đơn vị trực thuộc đóng trên địa bàn từ 02 huyện trở lên hoặc đóng trên địa bàn 01 huyện có diện tích tự nhiên từ 450 km² trở lên thì được bổ sung 01 xe vào định mức của đơn vị thuộc, trực thuộc tổng cục trên địa bàn cấp tỉnh.)</p>	<p>thì được bổ sung tối đa 01 xe.</p> <p>Trường hợp đơn vị có đơn vị thuộc, trực thuộc được giao quản lý địa bàn từ 450 km² trở lên hoặc từ 10 xã trở lên thì cứ 1 đơn vị được bổ sung 01 xe; không tính số biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc vào biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc Cục, đơn vị đặc thù và tương đương đóng trên địa bàn cấp tỉnh hoặc liên tỉnh.</p> <p>Trường hợp đơn vị đáp ứng nhiều tiêu chí thì số lượng xe tối đa được bổ sung là tổng số lượng xe được bổ sung theo các tiêu chí.</p> <p>c) Định mức của cục, đơn vị đặc thù và tương đương là tổng định mức của điểm a và điểm b khoản này.</p>	<p>01 xe).</p>
	<p>2. Đối với bộ, cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc thì định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các đơn vị thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn cấp tỉnh được xác định như sau:</p> <p>a) Đơn vị có số biên chế từ 40 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.</p> <p>b) Đơn vị có số biên chế từ <u>trên 40 người đến 100 người</u>: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.</p> <p>c) Đơn vị có số biên chế từ <u>trên 100 người đến 200 người</u>: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.</p> <p>d) Đơn vị có số biên chế từ <u>trên 200 người đến 300 người</u>: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.</p> <p>đ) Đơn vị có số biên chế từ <u>trên 300 người đến 400 người</u>: Tối đa 05 xe/01 đơn vị.</p> <p>e) Đơn vị có số biên chế từ <u>trên 400 người đến</u></p>	<p>4. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các đơn vị thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn cấp tỉnh hoặc liên tỉnh được xác định như sau:</p> <p>a) Đơn vị có số biên chế từ 40 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.</p> <p>b) Đơn vị có số biên chế từ <u>trên 40 người đến 80 người</u>: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.</p> <p>c) Đơn vị có số biên chế từ <u>trên 80 người đến 120 người</u>: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.</p> <p>d) Đơn vị có số biên chế từ <u>trên 120 người trở lên</u> thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung định mức 01 xe.</p>	<p>Tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP quy định định mức các đơn vị đóng trên địa bàn cấp tỉnh hoặc liên tỉnh. Tuy nhiên, theo sắp xếp tổ chức bộ máy thì các đơn vị tại địa phương có phạm vi quản lý theo tỉnh hoặc khu vực với diện tích được giao quản lý lớn hơn hiện hành (do các sắp xếp các tỉnh diện tích các tỉnh tăng; đồng thời, đơn vị lại được giao quản lý liên tỉnh). Do đó, dự thảo Nghị định sửa đổi theo hướng giảm số lượng biên chế để xác định tiêu chuẩn, định mức xe cho các đơn vị có biên chế từ 80 người trở lên (điều chỉnh từ đơn vị có từ trên 40 người đến 100 người: Tối đa 02 xe/đơn vị; từ trên 100 người đến 200 người tối đa 03 xe,... thành đơn vị có từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 02 xe/đơn vị; từ trên 80 người đến 120 người tối đa 03 xe,...) và tính trung bình khoảng 40-50 người/01xe. Đồng thời để phù</p>

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
	<p>500 người: Tối đa 06 xe/01 đơn vị.</p> <p>g) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người trở lên thì cứ 300 biên chế tăng thêm được bổ sung định mức 01 xe.</p> <p>h) Trường hợp đơn vị có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trên 50% số đơn vị hành chính cấp huyện thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc đóng trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên hoặc đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố có diện tích tự nhiên từ 5.000 km² trở lên hoặc đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách nhà nước thì ngoài số lượng xe được xác định theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản này được bổ sung định mức 01 xe nếu thỏa mãn 01 tiêu chí, được bổ sung định mức 02 xe nếu thỏa mãn từ 02 tiêu chí trở lên.</p> <p>i) Đối với các đơn vị có đơn vị trực thuộc đóng trên địa bàn từ 02 huyện trở lên hoặc đóng trên địa bàn 01 huyện có diện tích tự nhiên từ 450 km² trở lên thì xác định định mức như sau:</p> <p>Không tính số biên chế của các đơn vị trực thuộc đóng trên địa bàn từ 02 huyện trở lên và biên chế của các đơn vị trực thuộc đóng trên địa bàn một huyện có diện tích tự nhiên từ 450 km² trở lên vào biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn cấp tỉnh để xác định định mức sử dụng xe ô tô theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản này.</p> <p>Cứ mỗi đơn vị trực thuộc đóng trên địa bàn từ 02 huyện trở lên hoặc đóng trên địa bàn 01 huyện</p>	<p>đ) Ngoài định mức xác định theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này, đơn vị được bổ sung số lượng xe như sau:</p> <p>Trường hợp đơn vị được giao quản lý 01 tỉnh có diện tích tự nhiên từ 9.000km² đến 14.000 km² thì được bổ sung 01 tối đa 01 xe; từ 14.000 km² trở lên thì cứ 5.000km² tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe.</p> <p>Trường hợp đơn vị được giao quản lý liên tỉnh thì cứ 1 tỉnh tăng thêm được bổ sung 01 xe; trường hợp địa bàn được giao quản lý có diện tích tự nhiên từ 18.000 km² đến 23.000 km² trở lên thì được bổ sung thêm 01 xe/đơn vị; từ 23.000 km² trở lên thì cứ 5.000 km² tăng thêm được bổ sung 01 xe.</p> <p>Trường hợp địa bàn được giao quản lý có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì được bổ sung tối đa 01 xe.</p> <p>Trường hợp đơn vị có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung tối đa 01 xe.</p> <p>Trường hợp đơn vị có đơn vị thuộc, trực thuộc được giao quản lý địa bàn từ 450 km² trở lên hoặc từ 10 xã trở lên thì cứ 1 đơn vị được bổ sung 01 xe; không tính số biên chế của các đơn vị này vào biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn</p>	<p>hợp đối với đơn vị được giao quản lý khu vực thì bổ sung tiêu chí khác để bổ sung định mức đối với các đơn vị được giao quản lý liên tỉnh như các cục, đơn vị đặc thù và tương đương được tổ chức theo ngành dọc.</p>

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
	<p>có diện tích tự nhiên từ 450 km² trở lên thì được bổ sung 01 xe vào định mức của đơn vị thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn cấp tỉnh.</p>	<p>cấp tỉnh hoặc liên tỉnh. Trường hợp đơn vị đáp ứng nhiều tiêu chí thì số lượng xe tối đa được bổ sung là tổng số lượng xe được bổ sung theo các tiêu chí.</p>	
	<p>5. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung:</p> <p>a) Đối với các cục, vụ và tổ chức tương đương quy định tại khoản 1 Điều này, bộ, cơ quan trung ương quyết định giao cho một cơ quan nhà nước hoặc đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp công ích thực hiện quản lý xe ô tô theo phương thức tập trung để bố trí cho các đối tượng được sử dụng xe phục vụ công tác chung theo nguyên tắc không thành lập mới, không làm tăng biên chế của bộ, cơ quan trung ương (gọi là phương thức quản lý tập trung); đối với các đơn vị có dự toán riêng thì có thể giao cho từng đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để phục vụ công tác chung của đơn vị (gọi là phương thức quản lý trực tiếp); số lượng xe ô tô giao cho từng đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định này.</p> <p>b) Đối với các đơn vị đóng trên địa bàn cấp tỉnh quy định tại khoản 2 Điều này, việc quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung được thực hiện theo phương thức quản lý trực tiếp; số lượng xe ô tô giao cho từng đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định này.</p> <p>c) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc bộ, cơ quan trung ương quy định tại khoản</p>	<p>7. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung:</p> <p>a) Đối với cục, vụ và tổ chức tương đương thuộc, trực thuộc Bộ, cơ quan trung ương quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều này: Bộ, cơ quan trung ương quyết định giao cho một cơ quan nhà nước hoặc đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp công ích thực hiện quản lý xe ô tô theo phương thức tập trung để bố trí cho các đối tượng được sử dụng xe phục vụ công tác chung theo nguyên tắc không thành lập mới, không làm tăng biên chế của bộ, cơ quan trung ương (gọi là phương thức quản lý tập trung); đối với các đơn vị có dự toán riêng thì có thể giao cho từng đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để phục vụ công tác chung theo định mức quy định tại điểm b và điểm d khoản 6 Điều 8 Nghị định này của đơn vị đó (gọi là phương thức quản lý trực tiếp).</p> <p>b) Các đơn vị quy định tại điểm b khoản 3 Điều này áp dụng phương thức quản lý trực tiếp; trường hợp đơn vị có đơn vị thuộc, trực thuộc thì Thủ trưởng đơn vị quy định tại điểm b khoản 3 Điều này bố trí sử dụng cho phù hợp.</p> <p>c) Các đơn vị quy định tại khoản 4</p>	<p>- Các cơ quan, đơn vị của Bộ có hệ thống dọc, của Cục có hệ thống dọc tại các địa phương quản lý trực tiếp để linh hoạt chủ động. - Hướng dẫn rõ hơn về phương thức quản lý xe đối với các đơn vị được giao trực tiếp quản lý xe ô tô (trừ các đơn vị các đơn vị thuộc, trực thuộc Cục, đơn vị đặc thù và tương đương đóng trên địa bàn cấp tỉnh hoặc liên tỉnh) mà có đơn vị thuộc, trực thuộc thì Thủ trưởng đơn vị quyết định việc quản lý xe ô tô tập trung tại đơn vị mình (gọi là phương thức quản lý tập trung) hoặc giao cho đơn vị thuộc, trực thuộc trực tiếp quản lý xe (gọi là phương thức quản lý trực tiếp); trường hợp quyết định giao các đơn vị thuộc, trực thuộc quản lý xe trực tiếp thì số lượng xe mà Thủ trưởng đơn vị giao các đơn vị thuộc, trực thuộc trực tiếp quản lý xác định là định mức của đơn vị thuộc, trực thuộc..</p>

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
	<p>3, khoản 4 Điều này, việc quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này.</p> <p>Trường hợp bộ, cơ quan trung ương quyết định quản lý xe ô tô của đơn vị quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này theo phương thức quản lý tập trung thì các đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên có số biên chế dưới 20 người không tính định mức riêng mà gộp chung số biên chế của các đơn vị này vào số biên chế của Văn phòng bộ, cơ quan trung ương để xác định định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng bộ, cơ quan trung ương.</p> <p>Trường hợp bộ, cơ quan trung ương quyết định quản lý xe ô tô của đơn vị quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này theo phương thức quản lý trực tiếp thì số lượng xe ô tô giao cho từng đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định này. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên có số biên chế dưới 20 người không trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung; trường hợp các đơn vị này có đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 8 Nghị định này thì thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô hoặc thuê dịch vụ xe ô tô khi đi công tác.</p> <p>d) Đối với các đơn vị được giao trực tiếp quản lý xe ô tô quy định tại các điểm a, b và c khoản này mà có đơn vị thuộc, trực thuộc thì Thủ trưởng đơn vị</p>	<p>Điều này áp dụng phương thức quản lý trực tiếp theo định mức quy định tại điểm b và điểm d khoản 6 Điều 8 Nghị định này.</p> <p>d) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc bộ, cơ quan trung ương quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này, việc quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này.</p> <p>Trường hợp bộ, cơ quan trung ương quyết định đơn vị quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này áp dụng phương thức quản lý tập trung thì các đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên có số biên chế dưới 20 người không tính định mức riêng mà gộp chung số biên chế của các đơn vị này vào số biên chế của Văn phòng bộ, cơ quan trung ương để xác định định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng bộ, cơ quan trung ương.</p> <p>Trường hợp bộ, cơ quan trung ương quyết định đơn vị quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này áp dụng phương thức quản lý trực tiếp theo định mức quy định tại điểm b và điểm d khoản 6 Điều 8 Nghị định này thì các đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên có số biên chế dưới 20 người không trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung; trường hợp các đơn vị này</p>	

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
	<p>quy định tại điểm a, b và c khoản này quyết định phương thức quản lý tập trung hoặc phương thức quản lý trực tiếp hoặc kết hợp cả hai phương thức cho phù hợp.</p> <p>d) Trong trường hợp áp dụng phương thức quản lý xe tập trung, các đơn vị sử dụng xe ô tô thanh toán cho đơn vị được giao quản lý xe ô tô tập trung các chi phí quản lý, vận hành xe ô tô tương tự trường hợp sử dụng chung tài sản công quy định tại Điều 10 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi là Nghị định số 151/2017/NĐ-CP) và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).</p>	<p>có đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 8 Nghị định này thì thực hiện khoản kinh phí sử dụng xe ô tô hoặc thuê dịch vụ xe ô tô khi đi công tác.</p> <p>e) Đối với các đơn vị tại khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 và các khoản 4, 5 và 6 Điều này được giao trực tiếp quản lý xe ô tô quy định tại các điểm a, c và d khoản này mà có đơn vị thuộc, trực thuộc (trừ các đơn vị quy định tại điểm b khoản 3 Điều này) thì Thủ trưởng đơn vị quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 và các khoản 4, 5 và 6 Điều này quyết định việc quản lý xe ô tô tập trung tại đơn vị mình (gọi là phương thức quản lý tập trung) hoặc giao cho đơn vị thuộc, trực thuộc trực tiếp quản lý xe (gọi là phương thức quản lý trực tiếp); trường hợp quyết định giao các đơn vị thuộc, trực thuộc quản lý xe trực tiếp thì số lượng xe mà Thủ trưởng đơn vị quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 và các khoản 4, 5 và 6 Điều này giao các đơn vị thuộc, trực thuộc trực tiếp quản lý xác định là định mức của đơn vị thuộc, trực thuộc.</p> <p>g) Trong trường hợp áp dụng phương thức quản lý tập trung, các đơn vị sử dụng xe ô tô thanh toán cho đơn vị được giao quản lý tập trung các chi phí quản lý, vận hành xe ô tô tương tự trường hợp sử dụng chung tài sản công quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.</p>	

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
		<p>Bổ sung khoản 8:</p> <p>8. Xe ô tô phục vụ công tác chung của các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương (<u>đối với các tổ chức hội có đảng đoàn</u>).</p> <p>a) Trường hợp hội chưa có xe ô tô phục vụ công tác chung hoặc tất cả các xe ô tô hiện có (trừ xe ô tô chức danh của Chủ tịch các hội quần chúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định này) đã đủ điều kiện thanh lý theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định này, trường hợp được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao theo quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, tùy theo khả năng ngân sách và nguồn xe ô tô hiện có, hội có tính chất đặc thù được xem xét, hỗ trợ:</p> <p>a1) Kinh phí để mua xe ô tô từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành hoặc hỗ trợ bằng hiện vật như sau: Đối với các hội có số biên chế được giao từ 20 người đến 50 người được hỗ trợ 01 xe; đối với các hội có số biên chế được giao từ trên 50 người trở lên được hỗ trợ tối đa 02 xe.</p> <p>Mức kinh phí hỗ trợ để mua xe không quá mức giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này. Trường hợp hỗ trợ bằng hiện vật thì thực hiện theo hình thức điều chuyển, giá trị còn lại của xe ô tô điều chuyển không vượt quá mức giá quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này.</p> <p>Việc hỗ trợ kinh phí để mua xe ô tô được</p>	<p>Phù hợp với quy định về sắp xếp các Hội đặc thù hiện nay: Các Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc MTIQVN nên quy định chung trong các đơn vị của Trung ương</p>

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
		<p>thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Việc điều chuyển xe ô tô được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.</p> <p>a2) Đối với các hội có số biên chế được giao dưới 20 người được hỗ trợ kinh phí để thuê xe hoặc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô khi thực hiện nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao.</p> <p>b) Việc quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô Nhà nước hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản này được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của tổ chức. Không bán, chuyển nhượng, thanh lý hoặc các hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác đối với xe ô tô được Nhà nước hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều này khi chưa đủ điều kiện thanh lý theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định này.</p>	
10	Điều 10. Xe ô tô PVCTC của tổng cục và tổ chức tương đương (sau đây gọi là tổng cục)	Bỏ quy định tại Điều này	Phù hợp sắp xếp với sắp xếp Tổng cục; định mức Cục ngành dọc quy định tại khoản 3 Điều 9 dự thảo Nghị định
11	Điều 11. Xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh		
	<p>1. Xe ô tô phục vụ công tác chung của khối các Văn phòng cấp tỉnh (gồm: Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc trung ương; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh): Tổng số tối đa 15 xe; riêng thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh: Tổng số tối đa 20 xe.</p> <p>Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trên 50% số đơn vị hành chính cấp huyện thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn</p>	<p>1. Xe ô tô phục vụ công tác chung của khối các Văn phòng cấp tỉnh (gồm: Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) xác định như sau:</p> <p>a) Đối với tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có diện tích dưới 5.000km²: 05 xe/Văn phòng;</p> <p>b) Đối với tỉnh, thành phố trực thuộc</p>	<p>Kế thừa quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP dự thảo Nghị định không quy định định mức các Văn phòng này theo biên chế do thực hiện nhiều nhiệm vụ quan trọng, đặc thù của địa phương. Đồng thời, do các tỉnh sau khi sắp xếp có địa bàn hoạt động rộng nên dự thảo lấy yếu tố diện tích làm tiêu chí để quyết định định mức. Phương án này, khối Văn phòng của TP. Hà Nội: 21 xe; TP. HCM: 24 xe. 02 tỉnh có diện tích lớn nhất, cùng có địa bàn miền núi là Gia Lai (21.576,5 km²) và Lâm Đồng (24.233,1 km²): 27</p>

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
	<p>có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có diện tích tự nhiên từ 5.000 km² trở lên hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung định mức 01 xe/01 đơn vị.</p> <p>2. Các cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc trung ương (trừ Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy, đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy):</p> <p>a) Tối đa 01 xe/01 đơn vị; trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trên 50% số đơn vị hành chính cấp huyện thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có diện tích tự nhiên từ 5.000 km² trở lên hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung định mức 01 xe/01 đơn vị.</p>	<p>trung ương có diện tích từ 5.000km² trở lên thì cứ 5.000km² tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe/Văn phòng.</p> <p>c) Ngoài định mức xác định theo quy định tại các điểm a và b khoản này, mỗi Văn phòng được bổ sung số lượng xe như sau:</p> <p>Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được ngân sách nhà nước được bổ sung 01 xe/Văn phòng.</p> <p>Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách nhà nước được bổ sung 01 xe/Văn phòng.</p> <p>Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là các đô thị đặc biệt được bổ sung 01 xe/Văn phòng.</p> <p>Văn phòng đáp ứng tiêu chí nào thì được bổ sung số lượng xe tối đa tương ứng với các tiêu chí đó; trường hợp đáp ứng nhiều tiêu chí thì số lượng xe tối đa được bổ sung là tổng số lượng xe được bổ sung theo các tiêu chí.</p> <p>h) Trường hợp Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy phục vụ chung cho các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy, Thành ủy thì định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy bao gồm cả số xe theo quy định tại khoản này và số xe quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>i) Các ban thuộc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sử dụng xe ô tô trong định mức xe ô tô</p>	xe/tỉnh.

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
		<p>phục vụ công tác chung của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản này để phục vụ công tác. Trường hợp Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy phục vụ chung cho các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy, Thành ủy thì định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy bao gồm cả số xe theo quy định tại khoản này và số xe quy định tại khoản 2 Điều này.</p>	
	<p>2. Các cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc trung ương (trừ Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy, đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy):</p> <p>a) Tối đa 01 xe/01 đơn vị; trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trên 50% số đơn vị hành chính cấp huyện thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có diện tích tự nhiên từ 5.000 km² trở lên hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung định mức 01 xe/01 đơn vị.</p> <p>b) Trường hợp cơ quan, đơn vị có số biên chế từ trên 20 người đến 50 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.</p> <p>c) Trường hợp cơ quan, đơn vị có số biên chế từ trên 50 người trở lên: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.</p>	<p>2. Các cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy (trừ Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy) được xác định như sau:</p> <p>a1) Cơ quan, đơn vị có số biên chế đến 20 người: Tối đa 01 xe/01 cơ quan, đơn vị.</p> <p>a1) Cơ quan, đơn vị có số biên chế từ trên 20 người đến 40 người: Tối đa 02 xe/01 cơ quan, đơn vị.</p> <p>a2) Cơ quan, đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 03 xe/01 cơ quan, đơn vị.</p> <p>a3) Cơ quan, đơn vị có số biên chế từ trên 80 người đến 120 người: Tối đa 04 xe/01 cơ quan, đơn vị.</p> <p>a4) Cơ quan, đơn vị có số biên chế từ trên 120 người trở lên cứ thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung định mức 01 xe.</p> <p>a5) Ngoài định mức xác định theo quy định tại các điểm a1, a2, a3 và a4 khoản này, đơn vị được bổ sung số lượng xe như sau:</p>	<p>Tương tự với các đơn vị Trung ương, điều chỉnh số lượng biên chế để xác định mức đối với đơn vị từ 40 người trở lên do sau khi sắp xếp thì quy mô, phạm vi, địa bàn hoạt động tăng hơn so với trước khi sắp xếp các tỉnh.</p> <p>Ngoài ra, mỗi đơn vị được bổ sung số lượng xe nếu địa phương đáp ứng tiêu chí sau: (1) Có diện tích tự nhiên từ 9.000km² trở lên thì cứ 5.000km² tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị; (2) Có trên 50% số ĐVHC cấp xã thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được bổ sung 01 xe/đơn vị; (3) Tự cân đối được NSNN được bổ sung 01 xe/đơn vị.</p>

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
		<p>Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có diện tích tự nhiên từ 9.000km² trở lên thì cứ 5.000km² tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe.</p> <p>Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì được bổ sung tối đa 01 xe.</p> <p>Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung tối đa 01 xe.</p> <p>Trường hợp đơn vị đáp ứng nhiều tiêu chí thì số lượng xe tối đa được bổ sung là tổng số lượng xe được bổ sung theo các tiêu chí.</p>	
	<p>3. Định mức sử dụng xe ô tô của sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, <u>các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh</u> (không phải là các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại các khoản 1, 2, 4 và 5 Điều này) được xác định như sau:</p> <p>a) Đơn vị có số biên chế từ 40 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.</p> <p>b) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 100 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.</p> <p>c) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 200 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.</p> <p>d) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người đến 300 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.</p> <p>đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 300 người đến 400 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị.</p>	<p>3. Định mức sử dụng xe ô tô của sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh (không phải là các đơn vị quy định tại các khoản 1, 2, 4 và 5 Điều này).</p> <p>a) Định mức sử dụng xe ô tô của sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh (trừ các đơn vị trực thuộc quy định tại điểm b khoản này)</p> <p>al) Đơn vị có số biên chế từ 40 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.</p> <p>a2) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.</p> <p>a3) Đơn vị có số biên chế từ trên 80 người đến 120 người: Tối đa 03 xe/01 cơ</p>	<p>Tương tự các cơ quan khác điều chỉnh số lượng biên chế để xác định định mức đối với đơn vị từ 80 người trở lên do sau khi sắp xếp thì quy mô, phạm vi, địa bàn hoạt động tăng hơn so với trước khi sắp xếp các tỉnh. Các tiêu chí khác làm căn cứ để bổ sung thêm xe tương tự cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy.</p> <p>Ngoài ra, để thống nhất với các đơn vị thuộc Trung ương, dự thảo Nghị định bổ sung quy định <i>các đơn vị (Chi cục, trung tâm,...) có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng trực thuộc Sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh có số biên chế từ 20 người trở lên thì không tổng hợp biên chế của các đơn vị này vào biên chế của Sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ</i></p>

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
	<p>e) Đơn vị có số biên chế từ trên 400 người đến 500 người: Tối đa 06 xe/01 đơn vị.</p> <p>g) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người trở lên thì cứ 300 biên chế tăng thêm được bổ sung định mức 01 xe.</p> <p>h) Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trên 50% số đơn vị hành chính cấp huyện thuộc địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc/và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có diện tích tự nhiên trên 5.000 km² hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách nhà nước thì ngoài số lượng xe được xác định theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản này, được bổ sung định mức 01 xe/01 đơn vị.</p>	<p>quan, đơn vị.</p> <p>a4) Đơn vị có số biên chế từ trên 120 người đến 200 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.</p> <p>a5) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người trở lên thì cứ 100 biên chế tăng thêm được bổ sung 01 xe.</p> <p>a6) Ngoài định mức xác định theo quy định tại các điểm a1, a2, a3, a4 và a5 khoản này, đơn vị được bổ sung số lượng xe như sau:</p> <p>Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có diện tích tự nhiên từ 9.000km² trở lên thì cứ 5.000km² tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe.</p> <p>Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì được bổ sung tối đa 01 xe.</p> <p>Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung tối đa 01 xe.</p> <p>Trường hợp đơn vị đáp ứng nhiều tiêu chí thì số lượng xe tối đa được bổ sung là tổng số lượng xe được bổ sung theo các tiêu chí.</p> <p>b) Các đơn vị (Chi cục, trung tâm,...) có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng trực thuộc Sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh có số biên chế từ 20 người trở lên thì không tổng hợp biên chế của các đơn vị này</p>	<p>quốc Việt Nam cấp tỉnh để xác định định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định; số xe ô tô được xác định tại điểm này được cộng vào định mức của cục và tổ chức tương đương và được xác định như sau: đơn vị có số biên chế từ 20 người đến 50 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị; có số biên chế từ trên 50 người trở lên thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung định mức 01 xe.</p>

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
		<p>vào biên chế của Sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh để xác định định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại điểm a khoản này; số xe ô tô được xác định tại điểm này được cộng vào định mức của cục và tổ chức tương đương và được xác định như sau:</p> <p>Đơn vị có số biên chế từ 20 người đến 50 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.</p> <p>Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người trở lên thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung định mức 01 xe.</p>	
	<p>6. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung:</p> <p>a) Đối với các cơ quan, tổ chức đơn vị quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi xin ý kiến các cơ quan liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Thành ủy) quyết định việc quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung theo một trong các phương thức sau đây:</p> <p>Giao cho một cơ quan nhà nước hoặc đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp công ích thực hiện quản lý xe ô tô theo phương thức tập trung để bố trí cho các đối tượng được sử dụng xe phục vụ công tác chung theo nguyên tắc không thành lập mới, không làm tăng biên chế của địa phương (gọi là phương thức quản lý tập trung).</p> <p>Giao cho Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý xe ô tô tập trung của từng hệ thống để bố</p>	<p>6. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung:</p> <p>a) Đối với đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này áp dụng phương thức quản lý trực tiếp.</p> <p>b) Đối với quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, Tỉnh ủy, Thành ủy (đối với đơn vị tại khoản 2 Điều này), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi xin ý kiến các cơ quan liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Thành ủy) (đối với đơn vị tại khoản 2 Điều này) quyết định việc quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung theo một trong các phương thức sau đây:</p> <p>Giao cho một cơ quan nhà nước hoặc đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp công ích thực hiện quản lý xe ô tô theo phương thức tập trung để bố trí cho các đối tượng được sử dụng xe phục vụ công tác chung theo nguyên tắc không thành lập mới, không làm tăng biên chế của địa phương (gọi</p>	<p>Hướng dẫn rõ hơn trường hợp các đơn vị được giao trực tiếp quản lý xe ô tô mà có đơn vị thuộc, trực thuộc thì Thủ trưởng đơn vị quyết định quản lý xe ô tô tập trung tại đơn vị (gọi là phương thức quản lý tập trung) hoặc giao cho đơn vị thuộc, trực thuộc trực tiếp quản lý xe (gọi là phương thức quản lý trực tiếp); trường hợp quyết định giao các đơn vị thuộc, trực thuộc quản lý xe trực tiếp thì số lượng xe Thủ trưởng giao các đơn vị thuộc, trực thuộc quản lý trực tiếp xác định là định mức của đơn vị thuộc, trực thuộc</p>

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
	<p>trí xe cho các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô khi đi công tác (gọi là phương thức quản lý tập trung theo từng hệ thống).</p> <p>Giao cho từng đơn vị có tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để phục vụ công tác chung của đơn vị (gọi là phương thức quản lý trực tiếp).</p> <p>Kết hợp các phương thức quản lý tập trung và phương thức quản lý trực tiếp.</p> <p>b) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này, việc quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung được thực hiện theo phương thức quản lý trực tiếp. Riêng đối với đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên có số biên chế dưới 20 người thì không trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung; trường hợp có đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 8 Nghị định này thì thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô hoặc thuê dịch vụ xe ô tô khi đi công tác.</p> <p>c) Đối với các đơn vị được giao trực tiếp quản lý xe ô tô quy định tại các điểm a, điểm b khoản này mà có đơn vị thuộc, trực thuộc thì Thủ trưởng đơn vị quy định tại điểm a, điểm b khoản này quyết định phương thức quản lý tập trung hoặc phương thức quản lý trực tiếp hoặc kết hợp cả hai phương thức cho phù hợp.</p> <p>d) Trong trường hợp áp dụng phương thức quản lý xe tập trung, các đơn vị sử dụng xe ô tô thanh toán cho đơn vị được giao quản lý xe ô tô tập trung các chi phí quản lý, vận hành xe ô tô tương tự trường hợp sử dụng chung tài sản công quy định tại Điều 10 Nghị định số 151/2017/NĐ-</p>	<p>là phương thức quản lý tập trung).</p> <p>Giao cho từng đơn vị có tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để phục vụ công tác chung của đơn vị (gọi là phương thức quản lý trực tiếp).</p> <p>c) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này, việc quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung được thực hiện theo phương thức quản lý trực tiếp. Riêng đối với đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên có số biên chế dưới 20 người thì không trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung; trường hợp có đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 8 Nghị định này thì thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô hoặc thuê dịch vụ xe ô tô khi đi công tác.</p> <p>d) Đối với các đơn vị quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này được giao trực tiếp quản lý xe ô tô quy định tại các điểm b, c khoản này mà có đơn vị thuộc, trực thuộc thì Thủ trưởng đơn vị quy định tại cơ quan, tổ chức đơn vị quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này quyết định quản lý xe ô tô tập trung tại đơn vị (gọi là phương thức quản lý tập trung) hoặc giao cho đơn vị thuộc, trực thuộc trực tiếp quản lý xe (gọi là phương thức quản lý trực tiếp); trường hợp quyết định giao các đơn vị thuộc, trực thuộc quản lý xe trực tiếp thì số lượng xe Thủ trưởng đơn vị quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này giao các đơn vị thuộc, trực thuộc</p>	

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
	CP và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).	<p>quản lý trực tiếp xác định là định mức của đơn vị thuộc, trực thuộc.</p> <p>d) Trong trường hợp áp dụng phương thức quản lý tập trung, các đơn vị sử dụng xe ô tô thanh toán cho đơn vị được giao quản lý tập trung các chi phí quản lý, vận hành xe ô tô tương tự trường hợp sử dụng chung tài sản công quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.</p>	
		<p>Bổ sung khoản 7</p> <p>7. Xe ô tô phục vụ công tác chung của các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương (<u>đối với các tổ chức hội có đảng đoàn</u>) thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 9 Nghị định này.</p>	Phù hợp với quy định về sắp xếp các Hội đặc thù hiện nay: Các Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc MTTQVN nên quy định chung trong các đơn vị của địa phương
12	Điều 12. Xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp <u>huyện</u>	<p>Điều 11. Xe ô tô phục vụ công tác chung của cấp xã</p> <p>1. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung: Tối đa 02 xe/xã.</p> <p>2. Xe ô tô phục vụ công tác chung của cấp xã được quản lý theo phương thức trực tiếp.</p>	Do sắp xếp ĐVHC (không tổ chức cấp huyện, chuyển nhiệm vụ xuống cấp xã) nên dự thảo quy định định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung: Tối đa 02 xe/xã và UBND cấp tỉnh sẽ điều hòa số lượng xe giữa các xã (cao hơn hoặc thấp hơn 02 xe) và xã được quản lý theo phương thức trực tiếp.
13	Điều 13. Xe ô tô phục vụ công tác chung của doanh nghiệp nhà nước	Bỏ quy định tại Điều này	Để doanh nghiệp được chủ động, tại khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định: <i>Xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan</i> và bỏ Điều 13.
14	Điều 15. Giá mua xe ô tô phục vụ công	Điều 13. Giá mua xe ô tô phục vụ	Dự thảo kế thừa quy định tại Nghị định số

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
	<p>tác chung</p> <p>2. Trường hợp cần trang bị một số xe ô tô 2 cầu có công suất lớn trong số xe phục vụ công tác chung của các bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong số xe phục vụ công tác chung quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 11 Nghị định này để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của bộ, cơ quan trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gồm: phục vụ công tác phòng chống bão lũ, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, kiểm soát dịch bệnh; phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại; phục vụ công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện về các lĩnh vực kinh tế - văn hóa - xã hội; phục vụ các đoàn giám sát, tiếp xúc cử tri; phục vụ công tác đối ngoại, tiếp khách quốc tế, đưa đón, tháp tùng đoàn trong và ngoài nước đến làm việc; chỉ đạo hoạt động quản lý, cấm mốc biên giới và các nhiệm vụ đặc thù khác) thì mức giá mua xe được quy định như sau:</p> <p>a) Mỗi bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được trang bị 01 xe với mức giá tối đa là 4.500 triệu đồng/xe và 01 xe với mức giá tối đa là 2.800 triệu đồng/xe.</p>	<p>công tác chung</p> <p>2. Trường hợp cần trang bị một số xe ô tô có công suất lớn trong số xe phục vụ công tác chung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 9, khoản 1 Điều 10 Nghị định này để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của bộ, cơ quan trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gồm: phục vụ công tác phòng chống bão lũ, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, kiểm soát dịch bệnh; phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại; phục vụ công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện về các lĩnh vực kinh tế - văn hóa - xã hội; phục vụ các đoàn giám sát, tiếp xúc cử tri; phục vụ công tác đối ngoại, tiếp khách quốc tế, đưa đón, tháp tùng đoàn trong và ngoài nước đến làm việc; chỉ đạo hoạt động quản lý, cấm mốc biên giới và các nhiệm vụ đặc thù khác) thì mức giá mua xe được quy định như sau:</p> <p>a) Mỗi bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được trang bị 01 xe với mức giá tối đa là 4.500 triệu đồng/xe và 02 xe với mức giá tối đa là 2.800 triệu đồng/xe.</p>	<p>72/2023/NĐ-CP; theo đó: Giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung tối đa là 950 triệu đồng/xe. Trường hợp cần thiết phải mua xe từ 12 - 16 chỗ ngồi thì mức giá tối đa là 1.300 triệu đồng/xe, mua xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ ngồi 2 cầu thì mức giá tối đa là 1.600 triệu đồng/xe. Bộ, cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, UBND cấp tỉnh căn cứ phạm vi hoạt động, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng xe thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị để quyết định việc trang bị xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi và xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ 2 cầu cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý bảo đảm cơ cấu hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả. Ngoài ra, dự thảo điều chỉnh số cầu xe theo hướng không quy định cứng là "02 cầu" để phù hợp thực tế trang bị (có thể sử dụng nguồn xe dôi dư đã qua sử dụng) và điều chỉnh số lượng xe phục vụ công suất lớn được trang bị với mức giá cao hơn quy định theo hướng tăng thêm 01 xe với mức giá tối đa là 2.800 triệu đồng/xe (tăng từ 01 xe lên 02 xe) của mỗi bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do mô hình mới của các bộ, ngành, địa phương sau sắp xếp có phạm vi, địa bàn hoạt động rộng hơn.</p>
15	<p>Điều 17. Thâm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng</p> <p>1. Đối với xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này, căn cứ vào quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ Y tế:</p> <p>a) Các bộ, cơ quan trung ương ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ</p>	<p>Điều 15. Thâm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng</p> <p>1. Đối với xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định này, căn cứ vào quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ Y tế:</p> <p>a) Các bộ, cơ quan trung ương quyết định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với Luật Tổ chức Chính quyền địa phương; đồng thời để thống nhất trong thực hiện quy định: Việc quyết định áp dụng tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng cụ thể của từng đơn vị là văn bản hành chính.</p>

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
	<p>đơn vị quy định tại điểm c khoản này.</p> <p>b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi xin ý kiến của các cơ quan liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Thành ủy) ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ đơn vị quy định tại điểm c khoản này.</p> <p>c) Hội đồng quản lý, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (trong trường hợp đơn vị sự nghiệp không có Hội đồng quản lý) ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại đơn vị.</p> <p>d) Đối với các đơn vị không hoạt động trong lĩnh vực y tế nhưng có yêu cầu phải sử dụng xe ô tô cứu thương, thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô cứu thương được thực hiện theo quy định tại các điểm a, b và c khoản này.</p> <p>2. Đối với xe ô tô chuyên dùng quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 16 Nghị định này:</p>	<p>của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ đơn vị quy định tại điểm c khoản này.</p> <p>b) Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi xin ý kiến của các cơ quan liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Thành ủy) quyết định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ đơn vị quy định tại điểm c khoản này.</p> <p>c) Hội đồng quản lý, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (trong trường hợp đơn vị sự nghiệp không có Hội đồng quản lý) quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại đơn vị.</p> <p>d) Đối với các đơn vị không hoạt động trong lĩnh vực y tế nhưng có yêu cầu phải sử dụng xe ô tô cứu thương, thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô cứu thương được thực hiện theo quy định tại các điểm a, b và c khoản này.</p> <p>2. Đối với xe ô tô chuyên dùng quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 14 Nghị định này:</p> <p>a) Bộ, cơ quan trung ương quyết định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ đơn vị quy định tại điểm c khoản này.</p> <p>b) Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi xin ý kiến của các cơ quan liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Thành ủy) quyết định tiêu chuẩn, định</p>	

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
		<p>mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ đơn vị quy định tại điểm c khoản này.</p> <p>c) Hội đồng quản lý, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (trong trường hợp đơn vị sự nghiệp không có Hội đồng quản lý) quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại đơn vị.</p> <p>3. Giá mua xe ô tô chuyên dùng trong tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này quyết định được xác định phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại xe tương ứng.</p> <p>4. Việc quyết định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng cụ thể của từng đơn vị quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này là văn bản hành chính.</p> <p>5. Quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được công khai trên Cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và được gửi cơ quan Kho bạc Nhà nước để thực hiện kiểm soát chi theo quy định của pháp luật.</p>	
16	<p>Điều 19. Thay thế xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước</p> <p>3. Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước (cũ) khi được thay thế, Bộ Ngoại giao thống nhất với Bộ Tài chính để xử lý như sau:</p> <p>a) Điều chuyển giữa các nhóm (chuyển từ Nhóm</p>	<p>Điều 19. Thay thế xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước</p> <p>3. Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước (cũ) khi được thay thế, Bộ Ngoại giao thống nhất với Bộ Tài chính để xử lý như sau:</p> <p>a) Chuyển giữa các nhóm (chuyển từ</p>	<p>Đề phù hợp với quy định về điều chuyển, chuyển đổi công năng tài sản</p>

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
	1 xuống Nhóm 2 hoặc Nhóm 3, chuyển từ Nhóm 2 xuống Nhóm 3); Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ban; hành quyết định điều chuyển xe ô tô giữa các nhóm để tiếp tục sử dụng phục vụ lễ tân nhà nước.	Nhóm 1 xuống Nhóm 2 hoặc Nhóm 3, chuyển từ Nhóm 2 xuống Nhóm 3); Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ban; hành quyết định chuyển xe ô tô giữa các nhóm để tiếp tục sử dụng phục vụ lễ tân nhà nước.	
17	<p>Điều 20. Xe ô tô phục vụ công tác của các hội quần chúng</p> <p>2. Các hội quần chúng thuộc danh sách hội có tính chất đặc thù do Thủ tướng Chính phủ ban hành (đối với hội hoạt động trong phạm vi cả nước) hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành (đối với các hội hoạt động trong phạm vi địa phương) theo quy định của Thủ tướng Chính phủ được xem xét, hỗ trợ xe ô tô phục vụ hoạt động như sau:</p> <p>a) Trường hợp các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương (tổ chức hội có đảng đoàn) thì Chủ tịch các hội quần chúng được hỗ trợ trang bị xe ô tô phục vụ chức danh theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định này.</p> <p>b) Trường hợp hội chưa có xe ô tô phục vụ công tác chung hoặc tất cả các xe ô tô hiện có (trừ xe ô tô quy định tại điểm a khoản này) đã đủ điều kiện thanh lý theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định này thì tùy theo khả năng ngân sách và nguồn xe ô tô hiện có, hội có tính chất đặc thù được xem xét, hỗ trợ kinh phí để mua xe ô tô từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành hoặc hỗ trợ bằng hiện vật như sau:</p> <p>Đối với các hội có số biên chế được giao từ 20 người đến 50 người được hỗ trợ 01 xe.</p> <p>Đối với các hội có số biên chế được giao từ trên</p>	Bổ Điều này quy định xe liên quan đến hội quần chúng tại khoản 1 Điều 7, khoản 8 Điều 9 và khoản 7 Điều 10 dự thảo Nghị định.	Phù hợp với quy định về sắp xếp các Hội đặc thù hiện nay: Các Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc MTTQVN nên quy định chung trong các đơn vị của Trung ương, địa phương tại điểm a khoản 1 Điều 7, khoản 8 Điều 9, khoản 7 Điều 11 dự thảo Nghị định

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
	<p>50 người trở lên được hỗ trợ tối đa 02 xe.</p> <p>Đối với các hội có số biên chế được giao dưới 20 người được hỗ trợ kinh phí để thuê xe hoặc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô khi thực hiện nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao.</p> <p>Mức kinh phí hỗ trợ không quá mức giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định này. Trường hợp hỗ trợ bằng hiện vật thì thực hiện theo hình thức điều chuyển, giá trị còn lại của xe ô tô điều chuyển không vượt quá mức giá quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định này.</p> <p>Việc hỗ trợ kinh phí để mua xe ô tô được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Việc điều chuyển xe ô tô được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.</p>		
18	<p>Điều 21. Khoán kinh phí sử dụng xe ô tô</p> <p>1. Đối tượng thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô:</p> <p>a) Đối tượng được sử dụng xe ô tô tại các đơn vị không thực hiện trang bị xe ô tô theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 9, điểm c khoản 5 Điều 10 và điểm b khoản 6 Điều 11 Nghị định này.</p> <p>b) Chức danh thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này.</p> <p>c) Đối tượng quy định tại K2, K3 Đ8 Nghị định này áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại K7 Điều này.</p> <p>6. Trường hợp tất cả các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho các công đoạn thì không</p>	<p>- Bỏ cụm từ “điểm c khoản 5 Điều 10” tại điểm a khoản 1 Điều 21;</p> <p>- Thay thế cụm từ “chức danh” thành “đối tượng” tại điểm b khoản 1, khoản 6 Điều 21</p> <p>- Thay cụm từ “cấp huyện” thành “cấp xã”</p>	<p>- Sửa đổi dẫn chiếu cho phù hợp nội dung dự thảo sửa đổi</p> <p>- Sử dụng thống nhất từ ngữ: vì khoản 6 Điều 21 có thể dẫn đến cách hiểu không thống nhất chỉ áp dụng với các cơ quan có chức danh tại khoản 2 Điều 7 mới áp dụng quy định này.</p> <p>- Sửa đổi phù hợp với sắp xếp cấp huyện</p>

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
	<p>thực hiện trang bị xe ô tô; trường hợp đã trang bị xe ô tô thì phải sắp xếp lại, xử lý số xe ô tô hiện có theo quy định tại Điều 23 Nghị định này.</p> <p>10. Xác định mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với công đoạn đi công tác:</p> <p>Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng xe ô tô quy định áp dụng khoán cho toàn bộ công đoạn đi công tác hoặc từng công đoạn (ví dụ: khoán khi đi công tác trong nội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; khoán đi công tác trên địa bàn của huyện,...); mức khoán kinh phí đối với công đoạn đi công tác được xác định như sau:</p>		
19	<p>Điều 22. Thuê dịch vụ xe ô tô</p> <p>1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thực hiện thuê dịch vụ xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Xe ô tô hiện có không đủ để bố trí phục vụ công tác, không áp dụng hình thức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô.</p> <p>b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị có đối tượng được sử dụng xe ô tô nhưng không thuộc trường hợp được trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 9, <u>điểm c khoản 5 Điều 10</u> và điểm b khoản 6 Điều 11 Nghị định này.</p> <p>c) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc đối tượng được trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng theo quy định Nghị định này nhưng không thực hiện trang bị xe ô tô và không áp dụng hình thức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô.</p>	Bỏ cụm từ “điểm c khoản 5 Điều 10”	Sửa đổi dẫn chiếu cho phù hợp nội dung dự thảo sửa đổi
	Điều 23. Sắp xếp lại, xử lý xe ô tô phục vụ	Điều 20. Sắp xếp lại, xử lý xe ô tô	Bổ sung nội dung khoản 4 để phù hợp tình hình sắp

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
	<p>công tác các chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung</p> <p>1. Các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quy định tại Nghị định này thực hiện rà soát, sắp xếp lại số xe ô tô hiện có của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương và địa phương; thực hiện xử lý xe ô tô dôi dư theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các văn bản quy định chi tiết có liên quan. Thời hạn hoàn thành: 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.</p> <p>Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, chính xác số liệu xe ô tô sau khi rà soát, xử lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo thời hạn quy định.</p> <p>2. Doanh nghiệp nhà nước căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quy định tại Nghị định này thực hiện rà soát, sắp xếp lại số xe ô tô phục vụ công tác hiện có; thực hiện xử lý xe ô tô dôi dư theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật liên quan. Thời hạn hoàn thành: 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.</p> <p>3. Trường hợp các bộ, cơ quan trung ương, <u>tổng cục</u> và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân <u>cấp huyện</u> thay đổi phương thức quản lý xe ô tô hoặc điều chỉnh số lượng xe ô tô được sử dụng của từng đơn vị mà phải sắp xếp lại số xe hiện có thì thực hiện theo hình thức giao, điều chuyển theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.</p>	<p>phục vụ công tác các chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung</p> <p>1. Các bộ, cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quy định tại Nghị định này thực hiện rà soát, sắp xếp lại số xe ô tô hiện có của tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý làm cơ sở thực hiện xử lý xe ô tô dôi dư của bộ, cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau khi sắp xếp theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết có liên quan. Thời hạn hoàn thành: 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.</p> <p>Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, chính xác số liệu xe ô tô sau khi rà soát, xử lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo thời hạn quy định.</p> <p>2. Doanh nghiệp nhà nước căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quy định tại Nghị định này thực hiện rà soát, sắp xếp lại số xe ô tô phục vụ công tác các chức danh hiện có; thực hiện xử lý xe ô tô dôi dư theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật liên quan. Thời hạn hoàn thành: 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.</p> <p>3. Trường hợp các bộ, cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thay đổi phương thức quản lý xe ô</p>	<p>xếp tài sản khi sắp xếp tổ chức bộ máy</p>

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
		<p>tô hoặc điều chỉnh số lượng xe ô tô được sử dụng của từng đơn vị mà phải sắp xếp lại số xe hiện có thì thực hiện theo hình thức giao, điều chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.</p> <p>4. Trường hợp sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị mà có quy định, hướng dẫn khác của cơ quan, người có thẩm quyền thì thực hiện sắp xếp lại, xử lý xe ô tô phục vụ công tác các chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định, hướng dẫn đó.</p>	
20	<p>Điều 24. Sắp xếp lại, xử lý xe ô tô chuyên dùng</p> <p>1. Căn cứ danh mục xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 16 Nghị định này, cơ quan, người có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 17 Nghị định này rà soát lại các quyết định đã ban hành của mình về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại Nghị định số <u>04/2019/NĐ-CP</u> để xử lý như sau:</p> <p>a) Đối với các quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng thuộc danh mục quy định tại Điều 16 Nghị định này mà đã được ban hành theo đúng thẩm quyền và trình tự quy định tại Nghị định số <u>04/2019/NĐ-CP</u> và tiêu chuẩn, định mức đã ban hành vẫn còn phù hợp thì được tiếp tục thực hiện theo các quyết định đó cho đến khi có văn bản thay thế. Cơ quan, người có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng có trách nhiệm thông báo cho các</p>	<p>Điều 21. Sắp xếp lại, xử lý xe ô tô chuyên dùng</p> <p>1. Căn cứ danh mục xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 14 Nghị định này, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 15 Nghị định này rà soát lại các quyết định đã ban hành của mình về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại Nghị định số <u>72/2023/NĐ-CP</u> để xử lý như sau:</p> <p>a) Đối với các quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng thuộc danh mục quy định tại Điều 14 Nghị định này mà đã được ban hành theo đúng thẩm quyền và trình tự quy định tại Nghị định số <u>72/2023/NĐ-CP</u> và tiêu chuẩn, định mức đã ban hành vẫn còn phù hợp thì được tiếp tục thực hiện theo các quyết định đó cho đến khi có văn bản thay</p>	<p>Bổ sung nội dung khoản 4 để phù hợp tình hình sắp xếp tài sản khi sắp xếp tổ chức bộ máy</p>

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
	<p>đôi tượng chịu sự tác động bằng văn bản và đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</p> <p>b) Các trường hợp khác, cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 16, Điều 17 Nghị định này trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. Trong thời gian cơ quan, người có thẩm quyền chưa ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Nghị định này, việc quản lý, xử lý đối với xe ô tô chuyên dùng đã trang bị được thực hiện như sau:</p> <p>Đối với các xe ô tô chuyên dùng thuộc danh mục quy định tại Điều 16 Nghị định này, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng đã được trang bị theo đúng tiêu chuẩn, định mức đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, không thực hiện việc giao, mua mới. Trường hợp điều chuyển trong phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc thanh lý xe ô tô thì thực hiện theo quy định tại <u>Luật Quản lý, sử dụng tài sản công</u> và các văn bản quy định chi tiết có liên quan. Sau khi cơ quan, người có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Nghị định này, bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện việc sắp xếp, xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp sau khi thực hiện sắp xếp, xử lý mà còn thiếu xe ô tô chuyên dùng theo tiêu chuẩn, định mức thì thực hiện việc giao,</p>	<p>thể. Cơ quan, người có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng có trách nhiệm ban hành Quyết định tiếp tục áp dụng trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</p> <p>b) Các trường hợp khác, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 15 Nghị định này quyết định áp dụng tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng cho các đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.</p> <p>2. Trong thời gian cơ quan, người có thẩm quyền chưa quyết định áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng, quyết định tiếp tục áp dụng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này, điểm a khoản 1 Điều này, việc quản lý, xử lý đối với xe ô tô chuyên dùng đã trang bị được thực hiện như sau:</p> <p>a) Đối với các xe ô tô chuyên dùng thuộc danh mục quy định tại Điều 14 Nghị định này, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng đã được trang bị theo đúng tiêu chuẩn, định mức đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, không thực hiện việc giao, mua mới.</p> <p>Trường hợp điều chuyển trong phạm vi</p>	

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/ND-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
	<p>mua mới xe ô tô theo quy định của pháp luật.</p> <p>Đối với xe ô tô chuyên dùng đã trang bị nhưng nay không thuộc danh mục quy định tại Điều 16 Nghị định này được chuyển sang xe ô tô phục vụ công tác chung và thực hiện sắp xếp lại theo quy định tại Điều 23 Nghị định này.</p> <p>2. Căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng được cơ quan, người có thẩm quyền thông báo hoặc ban hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn kinh tế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện việc rà soát, sắp xếp lại xe ô tô chuyên dùng hiện có của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương và địa phương như sau:</p> <p>a) Trường hợp xe ô tô chuyên dùng hiện có phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng quy định tại Nghị định này thì tiếp tục quản lý, sử dụng.</p> <p>b) Trường hợp xe ô tô chuyên dùng hiện có không phù hợp với tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng quy định tại Nghị định này nhưng có thể sử dụng để phục vụ công tác chung thì chuyển sang xe ô tô phục vụ công tác chung để sử dụng theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung; số còn lại thực hiện xử lý theo các hình thức quy định của <u>Luật Quản lý, sử dụng tài sản công</u>, các văn bản quy định chi tiết có liên quan.</p> <p>Việc thực hiện xử lý xe ô tô chuyên dùng không phù hợp tiêu chuẩn, định mức phải hoàn thành chậm nhất 12 tháng kể từ ngày cơ quan, người có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Nghị định này. Trường hợp xe chuyên dùng hiện có</p>	<p>quản lý của bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc thanh lý xe ô tô thì thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết có liên quan.</p> <p>b) Đối với xe ô tô chuyên dùng đã trang bị nhưng nay không thuộc danh mục quy định tại Điều 14 Nghị định này: Số xe có thể sử dụng để phục vụ công tác chung thì chuyển sang xe ô tô phục vụ công tác chung để sử dụng, sắp xếp theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung theo khoản 1 Điều 20 Nghị định này; số còn lại thực hiện xử lý theo các hình thức quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết có liên quan; thời hạn hoàn thành: 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.</p> <p>3. Sau khi cơ quan, người có thẩm quyền quyết định áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng, quyết định tiếp tục áp dụng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này, điểm a khoản 1 Điều này, bộ, cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp tục tổ chức thực hiện việc sắp xếp, xử lý xe ô tô chuyên dùng hiện có tại điểm a khoản 2 Điều này theo các hình thức quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết có liên quan. Thời hạn hoàn thành: 12 tháng, kể từ ngày cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng, quyết định tiếp tục áp dụng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này, điểm a</p>	

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
	<p>phù hợp với tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng quy định tại Nghị định này thì thời điểm 12 tháng được tính từ ngày cơ quan, người có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng có văn bản thông báo cho các đối tượng chịu sự tác động.</p>	<p>khoản 1 Điều này. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm cập nhật đầy đủ số liệu xe ô tô sau khi rà soát, xử lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo thời hạn quy định. 4. Trường hợp sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị mà có quy định, hướng dẫn khác của cơ quan, người có thẩm quyền thì thực hiện sắp xếp lại, xử lý xe ô tô phục vụ công tác các chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định, hướng dẫn đó.</p>	
21	<p>Điều 25. Xử lý chuyên tiếp 2. Các chức danh đã được trang bị xe ô tô chức danh theo đúng quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP nhưng nay không có trong danh mục các chức danh, chức vụ có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô chức danh quy định tại Điều 6, Điều 7 Nghị định này thì được tiếp tục sử dụng xe ô tô chức danh cho đến khi sắp xếp lại các chức danh, chức vụ theo Kết luận 35-KL/TW ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Bộ Chính trị.</p>	<p>Điều 22. Xử lý chuyên tiếp 1. Các chức danh đã được trang bị xe ô tô chức danh theo đúng quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP nhưng nay không có trong danh mục các chức danh, chức vụ có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô chức danh quy định tại Điều 6, Điều 7 Nghị định, trong thời gian chưa được cơ quan có thẩm quyền quy định chức danh, chức vụ đó tương đương với chức danh, chức vụ nào quy định tại Điều 6, Điều 7 thì được tiếp tục sử dụng xe ô tô chức danh cho đến khi cơ quan có thẩm quyền sắp xếp lại các chức danh, chức vụ; trường hợp xe ô tô chức danh đã trang bị đủ điều kiện thanh lý theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định này thì được trang bị để thay thế với mức giá tối đa không quá mức giá tối đa của xe ô tô đã trang bị. Sau khi sắp xếp lại các chức danh, chức vụ thì thực hiện theo định mức quy định tại Nghị định này. 2. Các chức danh là Tổng cục trưởng và tương đương đã được trang bị xe ô tô phục</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 1: Sửa đổi để rõ hơn về chế độ sử dụng khi thay thế xe. - Khoản 2: Bảo lưu chế độ để thống nhất chế độ về hệ số phụ cấp theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, số 67/2025/NĐ-CP - Khoản 3: Kế thừa quy định tại Nghị định số 72 - Khoản 4 để phù hợp tình hình sắp xếp tài sản khi sắp xếp tổ chức bộ máy.

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
		<p>vụ chức danh theo đúng quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP mà sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy không còn đủ tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô chức danh thì thực hiện sắp xếp lại, xử lý xe chức danh đã trang bị theo quy định tại Điều 20 Nghị định này; trường hợp được bảo lưu hệ số phụ cấp chức vụ trong một thời gian theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ) thì được tiếp tục sử dụng xe ô tô chức danh đã trang bị trong thời gian được bảo lưu hệ số phụ cấp chức vụ.</p> <p>3. Các chức danh có hệ số phụ cấp chức vụ tương đương với hệ số phụ cấp chức vụ của các chức danh quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 8 Nghị định này thuộc đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung trong thời gian cơ quan, người có thẩm quyền chưa có quy định thay thế.</p> <p>4. Trường hợp đã trang bị xe ô tô phục vụ chức danh mà áp dụng quy định tại Nghị định này mà có tiêu chuẩn, định mức sử dụng cao hơn thì vẫn tiếp tục sử dụng xe chức danh đã trang bị đến khi đủ điều kiện thanh lý theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định này, trừ trường hợp xe ô tô được cơ quan, người có thẩm quyền</p>	

STT	Quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Lý do
		quyết định xử lý theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và văn bản quy định chi tiết thi hành.	

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định
tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô**

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Bộ Tài chính đã phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng dự thảo Nghị định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô (thay thế Nghị định số 72/2023/NĐ-CP) (sau đây gọi là dự thảo Nghị định). Bộ Tài chính trình Chính phủ nội dung chủ yếu của dự thảo Nghị định như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Tại điểm 6 mục II Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị: *Giao Đảng ủy Chính phủ chủ trì, chỉ đạo Đảng ủy Bộ Tư pháp, Đảng ủy Ủy ban Pháp luật và Tư pháp và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các luật liên quan, các văn bản, nghị định về cơ chế, chính sách xử lý tài sản nhà nước sau sắp xếp tổ chức bộ máy ở địa phương, báo cáo Bộ Chính trị theo tiến độ chung và hoàn thành sửa đổi, bổ sung pháp luật chậm nhất ngày 30/6/2025.*

- Tại Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước có nội dung: *Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01/3/2027.*

- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII trong đó thông qua một số nội dung: (1) *Đồng ý chủ trương tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp: Cấp tỉnh, cấp xã (xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh, thành phố); kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện từ ngày 01/7/2025 sau khi Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 (sửa đổi) có hiệu lực thi hành; số lượng đơn vị hành chính cấp tỉnh sau sáp nhập là 34 tỉnh, thành phố (28 tỉnh và 6 thành phố trực thuộc Trung ương); sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã bảo đảm cả nước giảm khoảng 60 - 70% số lượng đơn vị hành chính cấp xã so với hiện nay. (2) Đồng ý chủ trương sắp xếp, tinh gọn hợp nhất cơ quan Mặt trận*

Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp Trung ương, cấp tỉnh và cấp xã. (3) Đồng ý chủ trương sắp xếp, tinh gọn bộ máy Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân; hệ thống tổ chức Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân có 3 cấp: Tòa án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, cấp tỉnh, cấp khu vực. Kết thúc hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao và Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện. (4) Đồng ý chủ trương lập tổ chức đảng ở địa phương tương ứng với hệ thống hành chính cấp tỉnh, cấp xã.

- Tại điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định: Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 quy định:

(1) Đối với xe ô tô phục vụ chức danh: Tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chức danh theo các chức danh, chức vụ quy định tại Kết luận số 35-KL/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở.

(2) Đối với xe ô tô phục vụ công tác chung: Quy định tiêu chuẩn, định mức áp dụng theo 03 cấp đơn vị hành chính (trung ương, tỉnh, huyện):

- *Đối với trung ương:* Quy định định mức của: (i) Cục, vụ và tổ chức tương đương thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương; (ii) Đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương; (iii) Đơn vị thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn cấp tỉnh; (iv) Tổng cục và tổ chức tương đương.

- *Đối với địa phương:* Quy định định mức sử dụng xe ô tô của: (i) Khối các Văn phòng cấp tỉnh (Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy; Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND; Văn phòng Ủy ban nhân dân); (ii) Cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy; (iii) Sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; (iv) ĐVSNCL trực thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy, UBND cấp tỉnh; (v) Cấp huyện.

Tiêu chí chính xác định định mức là số lượng biên chế, ngoài ra để phù hợp với thực tế có quy định một số tiêu chí khác (như: địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; diện tích tự nhiên lớn, địa phương tự cân đối được ngân sách nhà nước; số lượng đơn vị hành chính là xã, thị trấn...). Ngoài ra quy định việc hỗ trợ xe ô tô phục vụ công tác của các hội quần chúng.

2.2. Vương mắc và nguyên nhân

Theo Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng, Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, thì cần thực hiện sắp xếp bộ máy của hệ thống chính trị; trong đó hợp nhất một số bộ, tỉnh; thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp (bỏ cấp huyện),.... Vì vậy, mô hình các cơ quan cũng như chức danh, chức vụ trong tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị có

thay đổi so với trước đây và quy định tại Kết luận 35-KL/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị. Do đó, hệ thống tiêu chuẩn, định mức hiện hành theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP có các nội dung không phù hợp với tổ chức bộ máy và chức danh, chức vụ sau khi thực hiện sắp xếp lại, tinh gọn; như:

- Đối với tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chức danh: Một số chức danh không còn sau khi sắp xếp bộ máy (như: Bí thư Đảng ủy Khối trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Tổng Giám đốc BHXHVN; Trưởng Ban Quản lý Lăng Chủ tịch HCM; Tổng Cục trưởng,...); Một số chức danh mới như Phó bí thư Đảng ủy chuyên trách của các Đảng bộ các cơ quan Đảng Trung ương; Đảng bộ Quốc hội; Đảng bộ Chính phủ; Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương chưa xác định tương đương chức danh, chức vụ nào theo Kết luận 35-KL/TW.

- Đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung: Sau khi sắp xếp, tinh gọn bộ máy thì việc áp dụng định mức của các cơ quan, tổ chức hiện nay cho mô hình mới của cơ quan, tổ chức sau khi sắp xếp không còn phù hợp do các cơ quan, tổ chức sau khi sắp xếp có phạm vi, địa bàn quản lý rộng hơn; như: không thể áp dụng định mức của các Cục và tổ chức tương đương thông thường áp dụng cho các Cục được tổ chức theo ngành dọc hay định mức các Văn phòng cấp tỉnh, các Sở, ngành của các tỉnh hiện nay cho Văn phòng cấp tỉnh, các Sở, ngành của các tỉnh sau khi sắp xếp và bỏ cấp huyện,... Đồng thời, hiện nay chưa có định mức của cấp xã trong khi chuyển phần lớn nhiệm vụ của cấp huyện cho cấp xã.

Từ cơ sở nêu trên thì việc Chính phủ ban hành Nghị định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô (thay thế Nghị định số 72/2023/NĐ-CP) là cần thiết và có cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích: Việc xây dựng Nghị định nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý, bổ sung các quy định về các vấn đề chưa có quy định điều chỉnh, sửa đổi các nội dung quy định không còn phù hợp với bối cảnh hiện nay, bảo đảm cơ sở vật chất phục vụ việc thực hiện công tác của Đảng, Nhà nước, cơ quan, tổ chức, đơn vị hoàn thành được nhiệm vụ cơ quan, tổ chức, đơn vị; tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài sản công tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

Thứ nhất, Quán triệt các chủ trương của Đảng, Nhà nước về việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội); về nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng, khai thác và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị (trong đó có nguồn lực về tài sản công); đẩy mạnh phân cấp hợp lý, hiệu quả (Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ); về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị); về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương, Kết luận số 126-

KL/TW ngày 14/02/2025, Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của BCH TW khóa XIII,...).

Thứ hai, Các nội dung sửa đổi, bổ sung phải bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật. Kế thừa các quy định hiện hành qua thực tiễn triển khai phù hợp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ; đồng thời, giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

Thứ ba, Các nội dung sửa đổi, bổ sung phải phù hợp nội dung sửa đổi tại Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024.

Thứ tư, Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường tính chủ động tự chịu trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương gắn với công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ của các cơ quan quản lý nhà nước trong việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Về phạm vi điều chỉnh

- Quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; khoán kinh phí sử dụng xe ô tô; thuê dịch vụ xe ô tô và sắp xếp lại, xử lý xe ô tô: Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng, xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước.

- Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ.

- Xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Xe ô tô phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ vận tải đối ngoại của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Bộ Ngoại giao (ngoài tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước theo quy định) do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao xem xét, quyết định việc đầu tư, trang bị, đảm bảo hiệu quả và không sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm, quản lý, vận hành xe ô tô; không thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

- Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của đơn vị sự nghiệp công lập được cơ quan, người có thẩm quyền quy định hoặc phê duyệt Đề án áp dụng hoặc vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp: (1) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác của các chức danh được áp dụng theo quy định tại Nghị định này. (2) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau khi xin ý kiến của các cơ quan liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Thành ủy) xem xét, quyết định để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do cơ quan, người có thẩm quyền giao, phù hợp với nguồn kinh phí được

phép sử dụng của đơn vị, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và không sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm; không thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

2. Về đối tượng áp dụng

- Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm cả các tổ chức thành viên là tổ chức chính trị - xã hội), đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là đơn vị).

- Doanh nghiệp do Nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ, bao gồm cả các doanh nghiệp là công ty con và đơn vị trực thuộc (sau đây gọi là doanh nghiệp nhà nước).

- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc xác định, ban hành, áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bộ Tài chính đã gửi xin ý kiến các Bộ, ngành, địa phương về phương án sửa đổi, bổ sung chính sách tại các Hội nghị¹.

2. Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị định và (1) Tổ chức hội nghị⁽²⁾ lấy ý kiến trực tiếp của các bộ, ngành, địa phương; (2) Gửi lấy ý kiến bằng văn bản⁽³⁾ của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương; (3) Đăng tải dự thảo trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính và Trang thông tin về tài sản công để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân. Đến nay, Bộ Tài chính đã nhận được ý kiến bằng văn bản của ... Bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; ý kiến qua các Cổng thông tin điện tử (..... ý kiến).

Các ý kiến tham gia đã được Bộ Tài chính tổng hợp, giải trình, tiếp thu đầy đủ tại Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý và hoàn thiện dự thảo Nghị định.

3. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo, gửi lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

4. Bộ Tư pháp có Báo cáo thẩm định số .../BCTĐ-BTP ngày ... đối với dự thảo Nghị định. Bộ Tài chính đã nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp tại Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và chỉnh lý dự thảo Nghị định.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định được kết cấu thành 5 Chương (giữ nguyên như Nghị định số 72/2023/NĐ-CP) với tổng số 23 Điều quy định các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Quy định chung (Chương I): Gồm có 03 Điều (từ Điều 1 đến Điều 3) quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức và thay thế xe ô tô phục vụ công tác. Trong đó:

1.1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1 dự thảo Nghị định)

¹ Tại tỉnh Thái Nguyên ngày 27/2/2025, tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh ngày 3,4/4/2025.

⁽²⁾ Hội nghị tháng 3/2025 tại tỉnh Thái Nguyên; Hội nghị tháng 4/2025 tại thành phố Hồ Chí Minh, TP Hà Nội

⁽³⁾ Công văn số .../BTC-QLCS ngày .../.../2025.

Cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP, Dự thảo chỉ điều chỉnh phục vụ công tác chung của doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan để doanh nghiệp chủ động.

1.2. Về đối tượng áp dụng (Điều 2 dự thảo Nghị định)

Kế thừa quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP, dự thảo Nghị định quy định: Đối tượng áp dụng gồm cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, ĐVSNCL, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước; riêng đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội (gồm: Công đoàn Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam) dự thảo quy định đối tượng áp dụng là: “*Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm cả các tổ chức thành viên là tổ chức chính trị - xã hội)*”; đồng thời, lược bỏ đối tượng “*các hội quần chúng có tính chất đặc thù được Nhà nước hỗ trợ xe ô tô theo quy định tại Điều 20 Nghị định này*” do sắp xếp lại các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ về trực thuộc Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Đối với các tổ chức tài chính nhà nước ngoài ngân sách: Cơ bản kế thừa, tuy nhiên, bổ sung nội dung bôi đậm tại cụm từ “*...không sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm xe ô tô, trừ các trường hợp pháp luật có quy định khác.*” để bao quát các trường hợp thực tế.

1.3. Về nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức và thay thế xe ô tô phục vụ (Điều 3): Cơ bản kế thừa quy định tại Điều 3 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP; đồng thời có điều chỉnh một số nội dung:

- Bổ sung khoản 2 Điều 3 dự thảo quy định: Các chức danh, chức vụ có hệ số phụ cấp chức vụ hoặc lương chức vụ cao hơn chức danh Vụ trưởng và tương đương (không đủ điều kiện được sử dụng xe ô tô chức danh quy định tại các Điều 4, 5, 6 và 7 Nghị định này) thì thuộc đối tượng sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại Điều 8 Nghị định này.

Lý do: Theo sắp xếp tổ chức bộ máy thì không còn chức danh Phó Tổng cục trưởng; tuy nhiên vẫn có nhiều chức danh tương đương chức danh Phó Tổng cục trưởng theo kết luận 35-KL/TW (như: Chủ tịch Ủy ban MTTQVN tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phó chủ tịch HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương,...); do đó, dự thảo quy định để bao quát chức danh, chức vụ được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung đối với nhóm chức danh “tương đương chức danh Phó Tổng cục trưởng”

- Sửa đổi quy định trong trường hợp giao, điều chuyển xe ô tô đã qua sử dụng (điểm b khoản 5 Điều 3 dự thảo): Dự thảo kế thừa quy định hiện hành là lấy mốc 115% mức giá mua xe tối đa để phân cấp thẩm quyền quyết định giá xe trong giao, điều chuyển xe; để giảm bớt sự vụ lên Thủ tướng Chính phủ, dự thảo sửa đổi thủ tục giao, điều chuyển sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính (thay cho nội dung Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP).

- Sửa đổi điều kiện về thanh lý xe theo số km (điểm b khoản 4 Điều 3 dự thảo): thay thế cụm từ “50% đơn vị hành chính cấp huyện” thành “50% đơn vị hành chính cấp xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là xã)” để phù hợp sắp xếp bộ máy khi bỏ cấp huyện.

- Sửa đổi quy định về biên chế (khoản 6, khoản 7 Điều 3 dự thảo) theo hướng: Kế thừa tiêu chuẩn, định mức căn cứ vào số biên chế và các tiêu chí khác tại thời điểm xác định định mức; tuy nhiên, bỏ nội dung ổn định định mức để phù hợp với tình hình sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hiện nay; do trong một số năm tới số lượng biên chế vẫn tiếp tục thay đổi theo hướng tinh gọn.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng sử dụng xe ô tô (Chương II): Gồm có 14 Điều (từ Điều 4 đến Điều 17) quy định về các nội dung chủ yếu sau đây:

2.1. Về tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chức danh (các Điều 5, 6 và 7 dự thảo Nghị định): Dự thảo kế thừa các quy định về mức giá, chế độ sử dụng; hoàn thiện hệ thống chức danh theo hướng: Lược bỏ một số chức danh không còn trong hệ thống chức danh, chức vụ và bổ sung cụm từ “các chức danh, chức vụ tương đương” tại mỗi nhóm chức danh để bao quát các chức danh chưa được liệt kê cụ thể.

2.2. Về phạm vi, đối tượng được sử dụng và thẩm quyền quyết định số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung (Điều 8 dự thảo Nghị định)

(1) *Về loại xe phục vụ công tác chung* (khoản 1 Điều 8 dự thảo Nghị định): Cơ bản kế thừa Nghị định số 72/2023/NĐ-CP; theo đó quy định: Xe ô tô phục vụ công tác chung là xe ô tô một cầu hoặc hai cầu, có số chỗ ngồi đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải) để phục vụ công tác chung của đơn vị (bao gồm cả các đơn vị thuộc, trực thuộc đơn vị), không thuộc danh mục xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 14 Nghị định này; trong đó, sửa cụm từ “có số chỗ ngồi từ 4 đến 16 chỗ ngồi” thành “có số chỗ ngồi đến 16 chỗ ngồi” để phù hợp với thực tế số chỗ ngồi của xe ô tô hiện nay.

(2) *Về đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung* (khoản 2, khoản 3 Điều 8 dự thảo Nghị định): Kế thừa các chức danh quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP; bỏ quy định liên quan đến chức danh Phó Tổng cục trưởng và tương đương, chức danh cấp huyện và bổ sung chức danh cấp xã.

(3) *Về các trường hợp được trang bị bổ sung xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi* (khoản 5 Điều 8 dự thảo Nghị định)

Tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP quy định các trường hợp được trang bị bổ sung xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12-16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung (ngoài các xe phục vụ công tác chung được xác định theo biên chế và các tiêu chí khác) cho các đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ đặc thù (kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp, tuần tra biên giới, phục vụ người có công, bảo trợ xã hội, phân giới cắm mốc, điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, quan trắc phân tích mẫu môi trường,...).

Để phù hợp với tình hình sắp xếp, tinh gọn bộ máy, dự thảo bổ sung 02 nhóm đặc thù: (i) Nhiệm vụ quản lý thị trường; (ii) Đưa đón cán bộ, công chức,

viên chức, người lao động từ nơi ở đến trụ sở làm việc mà có khoảng cách từ 20km trở lên. Lý do:

- Đối với cơ quan quản lý thị trường (QLTT): Thực hiện sắp xếp bộ máy Cục quản lý thị trường chuyển về Sở Công Thương. Trường hợp áp dụng định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của Sở Công Thương sẽ không đáp ứng được yêu cầu công tác trong khi nhu cầu thực tế đơn vị này phần lớn là xe bán tải (chiếm 55% tổng định mức xe ban hành theo Nghị định số 72/2023/NĐ-CP).

- Đối với nhiệm vụ đưa đón cán bộ, công chức, viên chức, người lao động từ nơi ở đến trụ sở làm việc do sắp xếp các tỉnh thì nhiều trường hợp cán bộ phải đi làm xa nơi ở.

(4) Về phân bổ (điều hòa) số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương (khoản 6 Điều 8 dự thảo Nghị định)

Để thống nhất trong quá trình thực hiện, dự thảo quy định: (i) Số lượng xe ô tô được phân bổ của từng đơn vị có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số lượng xe ô tô được xác định theo quy định nhưng bảo đảm tổng số xe sau khi phân bổ của tất cả các đơn vị không vượt quá tổng số lượng xe của các đơn vị xác định theo tiêu chuẩn, định mức; (ii) Số lượng xe sau khi được phân bổ là định mức về số lượng sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của từng đơn vị.

2.3. Về xe ô tô phục vụ công tác chung của cục, vụ và tổ chức tương đương thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương (Điều 9 dự thảo Nghị định)

(1) Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc cơ quan của Đảng ở trung ương (khoản 1 Điều 9 dự thảo Nghị định)

Do các cơ quan này có tính chất đặc thù, thường xuyên phải kiểm tra chỉ đạo toàn diện, trong khi các cơ quan có ít biên chế nên dự thảo tách riêng khỏi nhóm định mức của nhóm cục, vụ và tương đương và quy định định mức cao hơn định mức của Cục, vụ và tổ chức tương đương; đồng thời, quy định định mức của tương tự như cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy.

(Nội dung cụ thể quy định tại khoản 1 Điều 9 dự thảo Nghị định)

(2) Định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của cục, vụ và tổ chức tương đương (không phải là ĐVSNCL) thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương (khoản 2, khoản 3 Điều 9 dự thảo Nghị định)

a) Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của cục, vụ và tổ chức tương đương không tổ chức theo ngành dọc (không phải là đơn vị sự nghiệp công lập): Dự thảo tăng số lượng xe thông qua thu hẹp khoảng cách biên chế (**điều chỉnh từ đơn vị có từ 20 người trở xuống: Tối đa 01 xe/02 đơn vị, đơn vị có số biên chế dưới 10 người thì gộp chung số biên chế để tính định mức của Văn phòng bộ; từ trên 20 người đến 50 người tối đa 01 xe; từ trên 50 người đến 100 người tối đa 02 xe, từ trên 100 người đến 200 người tối đa 03 xe...; từ trên 500 người tối đa 05 xe; thành đơn vị có đến 20 người 01 xe/2 đơn vị, từ trên 20 người đến 40 người 01 xe, từ trên 40 người đến 80 người 02 xe, từ trên 80 người đến 120 người 03 xe; từ 120 người trở lên cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung định mức 01 xe**). Lý do: Thực tế đối với cục, vụ và tổ chức tương đương, trung bình định mức

biên chế 40-50 người/01 xe phù hợp. Theo tổ chức bộ máy mới thì các Cục, vụ và tổ chức tương đương có phạm vi quản lý rộng hơn với số lượng biên chế nhiều hơn nên cần nhiều xe hơn để phục vụ công tác.

b) Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của cục, đơn vị đặc thù và tương đương (không phải là đơn vị sự nghiệp công lập) được tổ chức theo ngành dọc

Tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP quy định định mức của các Tổng cục; tuy nhiên, nay sắp xếp không còn mô hình Tổng cục. Nếu áp dụng định mức các Cục và tổ chức tương đương chỉ được tối đa 05 xe (áp dụng cho đơn vị có biên chế từ 500 người trở lên). Quy định này không còn phù hợp với các Cục được tổ chức theo hệ thống dọc do có số lượng biên chế lớn, thường xuyên thực hiện nhiệm vụ địa bàn cấp tỉnh; do đó, dự thảo Nghị định quy định định mức của các Cục được tổ chức theo hệ thống dọc gồm 02 nhóm xe: **(1) Nhóm 1:** Các đơn vị tại Trung ương; **(2) Nhóm 2:** Các đơn vị thuộc, trực thuộc Cục, đơn vị đặc thù và tương đương đóng trên địa bàn cấp tỉnh hoặc liên tỉnh. Cụ thể:

a) Đối với Nhóm 1: Quy định tương tự như đối với các cục và tổ chức tương đương không tổ chức theo ngành dọc (không phải là đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương.

b) Đối với Nhóm 2: Dự thảo Nghị định quy định định mức gồm: định mức xác định theo biên chế và định mức theo các tiêu chí khác.

- **Theo biên chế:** Kế thừa đối với đơn vị có số biên chế từ 40 người trở xuống (tối đa 01 xe/01 đơn vị), từ trên 40 người đến 80 người (tối đa 02 xe/01 đơn vị) của các đơn vị thuộc, trực thuộc tổng cục đóng trên địa bàn cấp tỉnh theo Nghị định số 72/2023/NĐ-CP; điều chỉnh định mức của đơn vị có số biên chế từ trên 80 người trở lên (**điều chỉnh từ đơn vị có từ trên 40 người đến 100 người: tối đa 02 xe; từ trên 100 người đến 200 người: tối đa 03 xe; từ trên 200 người đến 300 người: tối đa 04 xe; từ trên 300 người đến 400 người: tối đa 05 xe; từ trên 400 người đến 500 người: tối đa 06 xe; từ trên 500 người trở lên thì cứ 300 biên chế tăng thêm được bổ sung định mức 01 xe; thành đơn vị có từ trên 40 người đến 80 người tối đa 02 xe, từ trên 80 người đến 120 người tối đa 03 xe; từ trên 120 người trở lên thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung định mức 01 xe**).

- **Theo các tiêu chí khác:** Dự thảo Nghị định quy định đơn vị được bổ sung xe nếu đáp ứng các tiêu chí sau: Kế thừa các tiêu chí khác theo Nghị định số 72/2023/NĐ-CP (trong đó yếu tố địa bàn “2 huyện” nay điều chỉnh thành “10 xã” do 2 huyện trước khi sắp xếp tương đương khoảng 10 xã sau khi sắp xếp) và bổ sung tiêu chí để bổ sung xe đối với các đơn vị được giao quản lý liên tỉnh; theo đó, ngoài tỉnh đóng trụ sở chính, cứ 01 tỉnh tăng thêm được bổ sung 01 xe, nếu địa bàn quản lý có diện tích rộng thì được bổ sung thêm xe (từ 18.000 km² đến 23.000 km² trở lên thì được bổ sung thêm 01 xe/đơn vị; từ 23.000 km² trở lên thì cứ 5.000 km² tăng thêm được bổ sung 01 xe).

⁴ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP lấy tiêu chí trên 5.000km² là các tỉnh có diện tích lớn; theo đó có 29/63 tỉnh, khoảng 46% các tỉnh. Sau khi sắp xếp thì có 16/34 tỉnh có diện tích trên 9.000km², chiếm 47%; do đó, dự thảo lấy tỷ lệ (tương đồng về tỷ lệ tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP) để xác định các tỉnh có diện tích lớn như trước khi sắp xếp. Đồng thời, tính trung bình liên tỉnh là 02 tỉnh thì địa bàn hoạt động rộng là 18.000 km².

(3) *Đối với đơn vị thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn cấp tỉnh hoặc liên tỉnh (khoản 4 Điều 9 dự thảo Nghị định):*

Tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP quy định định mức các đơn vị đóng trên địa bàn cấp tỉnh hoặc liên tỉnh. Tuy nhiên, theo sắp xếp tổ chức bộ máy thì các đơn vị tại địa phương có phạm vi quản lý theo tỉnh hoặc khu vực với diện tích được giao quản lý lớn hơn hiện hành (do các sắp xếp các tỉnh diện tích các tỉnh tăng; đồng thời, đơn vị lại được giao quản lý liên tỉnh). Do đó, dự thảo Nghị định sửa đổi theo hướng giảm số lượng biên chế để xác định tiêu chuẩn, định mức xe cho các đơn vị có biên chế từ 80 người trở lên (*điều chỉnh từ đơn vị có từ trên 40 người đến 100 người: tối đa 02 xe/đơn vị; từ trên 100 người đến 200 người tối đa 03 xe,...* thành đơn vị có từ trên 40 người đến 80 người: tối đa 02 xe/đơn vị; từ trên 80 người đến 120 người tối đa 03 xe,...) và tính trung bình khoảng 40-50 người/01xe. Đồng thời để phù hợp đối với đơn vị được giao quản lý khu vực thì bổ sung tiêu chí khác để bổ sung định mức đối với các đơn vị được giao quản lý liên tỉnh như các cục, đơn vị đặc thù và tương đương được tổ chức theo ngành dọc.

(4) *Đối với đơn vị ĐVSN thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương đóng (khoản 5, khoản 6 Điều 9 dự thảo):* Kế thừa nội dung Nghị định số 72/2023/NĐ-CP.

(5) *Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung (khoản 7 Điều 9 dự thảo):* Cơ bản kế thừa Nghị định số 72/2023/NĐ-CP; theo đó, các đơn vị thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn cấp tỉnh; đơn vị thuộc, trực thuộc Cục, đơn vị đặc thù và tương đương đóng trên địa bàn cấp tỉnh hoặc liên tỉnh quản lý xe theo phương thức trực tiếp; các đơn vị còn lại bộ, cơ quan trung ương quyết định quản lý xe theo phương thức tập trung hoặc phương thức trực tiếp.

Đồng thời, bổ sung hướng dẫn rõ hơn về phương thức quản lý xe đối với các đơn vị được giao trực tiếp quản lý xe ô tô (trừ các đơn vị các đơn vị thuộc, trực thuộc Cục, đơn vị đặc thù và tương đương đóng trên địa bàn cấp tỉnh hoặc liên tỉnh) mà có đơn vị thuộc, trực thuộc thì Thủ trưởng đơn vị quyết định việc quản lý xe ô tô tập trung tại đơn vị mình (gọi là phương thức quản lý tập trung) hoặc giao cho đơn vị thuộc, trực thuộc trực tiếp quản lý xe (gọi là phương thức quản lý trực tiếp); trường hợp quyết định giao các đơn vị thuộc, trực thuộc quản lý xe trực tiếp thì số lượng xe mà Thủ trưởng đơn vị giao các đơn vị thuộc, trực thuộc trực tiếp quản lý xác định là định mức của đơn vị thuộc, trực thuộc.

(6) *Về xe ô tô phục vụ công tác chung của các hội quân chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương (đối với các tổ chức hội có đảng đoàn):* Do các Hội quân chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nên đối với các hội quân chúng ở trung ương quy định chung trong các đơn vị của Trung ương; đồng thời, bổ quy định tại Điều 20 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP.

2.4. Về xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh (Điều 10 dự thảo Nghị định)

(1) *Khỏi các Văn phòng cấp tỉnh (khoản 1 Điều 10 dự thảo Nghị định):*

Tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP quy định: Xe ô tô phục vụ công tác chung của khối các Văn phòng cấp tỉnh (gồm: Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc trung ương; Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND; Văn phòng UBND): Tổng số tối đa 15 xe; riêng TP Hà Nội, TP Hồ Chí Minh: Tổng số tối đa 20 xe. Trường hợp tỉnh có trên 50% số ĐVHC cấp huyện thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo,...hoặc tỉnh có diện tích tự nhiên từ 5.000 km² trở lên hoặc tỉnh tự cân đối được NSNN thì được bổ sung định mức 01 xe/01 đơn vị.

Do sau khi sắp xếp các tỉnh thì địa bàn quản lý các tỉnh rất lớn; do đó, dự thảo lấy tiêu chí diện tích để quy định định mức của khối Văn phòng: Tỉnh có diện tích dưới 5.000km²⁵: 05 xe/Văn phòng (bằng định mức hiện nay của các địa phương); có diện tích từ 5.000km² trở lên⁶ thì cứ 5.000km² tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe/Văn phòng; Ngoài ra, mỗi Văn phòng được bổ sung số lượng xe nếu địa phương đáp ứng tiêu chí sau: (1) Trường hợp là các đô thị đặc biệt được bổ sung 01 xe/Văn phòng; (2) Có trên 50% số ĐVHC cấp xã thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được bổ sung 01 xe/Văn phòng; (3) Tự cân đối được NSNN được bổ sung 01 xe/Văn phòng.

Lý do: Kế thừa quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP dự thảo Nghị định không quy định định mức các Văn phòng này theo biên chế do thực hiện nhiều nhiệm vụ quan trọng, đặc thù của địa phương. Đồng thời, do các tỉnh sau khi sắp xếp có địa bàn hoạt động rộng nên dự thảo lấy yếu tố diện tích làm tiêu chí để quyết định định mức.

(2) Đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy (trừ Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy, đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy) - khoản 2 Điều 10 dự thảo Nghị định

Tương tự với các đơn vị Trung ương, điều chỉnh số lượng biên chế để xác định định mức đối với đơn vị từ 40 người trở lên do sau khi sắp xếp thì quy mô, phạm vi, địa bàn hoạt động tăng hơn so với trước khi sắp xếp các tỉnh.

Ngoài ra, mỗi đơn vị được bổ sung số lượng xe nếu địa phương đáp ứng tiêu chí sau: (1) Có diện tích tự nhiên từ 9.000km² trở lên thì cứ 5.000km² tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị; (2) Có trên 50% số ĐVHC cấp xã thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được bổ sung 01 xe/đơn vị; (3) Tự cân đối được NSNN được bổ sung 01 xe/đơn vị.

(3) Đối với các sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, MTTQ Việt Nam cấp tỉnh (khoản 3 Điều 10 dự thảo Nghị định)

⁵ 05 địa phương diện tích dưới 5.000km², gồm: Hải Phòng, Hà Nội, Ninh Bình, Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình.

⁶ 17 địa phương diện tích từ 5.000-10.000 km², gồm: TP HCM, Cần Thơ, Huế, Thái Nguyên, Phú Thọ, Điện Biên, Lai Châu, Lạng Sơn, Cao Bằng, Quảng Ninh, Hà Tĩnh, Khánh Hòa, Tây Ninh, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Cà Mau, An Giang.

08 địa phương diện tích trên 10.000-15.000 km²: TP Đà Nẵng, Tuyên Quang, Lào Cai, Sơn La, Thanh Hóa, Quảng Trị, Đồng Nai.

02 địa phương diện tích trên 15.000-20.000 km²: Đắk Lắk, Nghệ An.

02 địa phương diện tích trên 20.000- dưới 25.000 km²: Gia Lai, Lâm Đồng.

Tương tự các cơ quan khác điều chỉnh số lượng biên chế để xác định định mức đối với đơn vị từ 80 người trở lên do sau khi sắp xếp thì quy mô, phạm vi, địa bàn hoạt động tăng hơn so với trước khi sắp xếp các tỉnh. Các tiêu chí khác làm căn cứ để bổ sung thêm xe tương tự cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy.

Ngoài ra, để thống nhất với các đơn vị thuộc Trung ương, dự thảo Nghị định bổ sung quy định các đơn vị (*Chi cục, trung tâm,...*) có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng trực thuộc Sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh có số biên chế từ 20 người trở lên thì không tổng hợp biên chế của các đơn vị này vào biên chế của Sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh để xác định định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định; số xe ô tô được xác định tại điểm này được cộng vào định mức của cục và tổ chức tương đương và được xác định như sau: đơn vị có số biên chế từ 20 người đến 50 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị; có số biên chế từ trên 50 người trở lên thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung định mức 01 xe.

(4) Đối với ĐVSNCL thuộc, trực thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy, UBND cấp tỉnh (khoản 4, khoản 5 Điều 10 dự thảo Nghị định): Kế thừa nội dung Nghị định số 72/2023/NĐ-CP.

(5) Về phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung (khoản 6 Điều 10 dự thảo Nghị định): Cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP; đồng thời bổ sung để hướng dẫn rõ hơn trường hợp các đơn vị được giao trực tiếp quản lý xe ô tô mà có đơn vị thuộc, trực thuộc thì Thủ trưởng đơn vị quyết định quản lý xe ô tô tập trung tại đơn vị (gọi là phương thức quản lý tập trung) hoặc giao cho đơn vị thuộc, trực thuộc trực tiếp quản lý xe (gọi là phương thức quản lý trực tiếp); trường hợp quyết định giao các đơn vị thuộc, trực thuộc quản lý xe trực tiếp thì số lượng xe Thủ trưởng giao các đơn vị thuộc, trực thuộc quản lý trực tiếp xác định là định mức của đơn vị thuộc, trực thuộc.

(6) Về xe ô tô phục vụ công tác chung của các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương (khoản 7 Điều 10 dự thảo Nghị định): Do các Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nên đối với các hội quần chúng ở địa phương quy định chung trong các đơn vị của địa phương; đồng thời, bổ quy định tại Điều 20 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP.

2.5. Về xe ô tô phục vụ công tác chung của cấp xã (Điều 11 dự thảo Nghị định):

Do sắp xếp ĐVHC (không tổ chức cấp huyện, chuyển nhiệm vụ xuống cấp xã) nên dự thảo quy định định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung: Tối đa 02 xe/xã và UBND cấp tỉnh sẽ điều hòa số lượng xe giữa các xã (cao hơn hoặc thấp hơn 02 xe) và xã được quản lý theo phương thức trực tiếp.

2.6. Về xe ô tô phục vụ công tác chung của ban quản lý dự án và phục vụ hoạt động của dự án (Điều 12 dự thảo Nghị định): Kế thừa Nghị định số 72/2023/NĐ-CP.

2.7. Về giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung (Điều 13 dự thảo Nghị định)

Dự thảo kế thừa quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP; theo đó: Giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung tối đa là 950 triệu đồng/xe. Trường hợp cần thiết phải mua xe từ 12 - 16 chỗ ngồi thì mức giá tối đa là 1.300 triệu đồng/xe, mua xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ ngồi 2 cầu thì mức giá tối đa là 1.600 triệu đồng/xe. Bộ, cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, UBND cấp tỉnh căn cứ phạm vi hoạt động, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng xe thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị để quyết định việc trang bị xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi và xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ 2 cầu cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý bảo đảm cơ cấu hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả. Ngoài ra, dự thảo điều chỉnh số cầu xe theo hướng không quy định cứng là “02 cầu” để phù hợp thực tế trang bị (có thể sử dụng nguồn xe dôi dư đã qua sử dụng) và điều chỉnh số lượng xe phục vụ công suất lớn được trang bị với mức giá cao hơn quy định theo hướng tăng thêm 01 xe với mức giá tối đa là 2.800 triệu đồng/xe (tăng từ 01 xe lên 02 xe) của mỗi bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do mô hình mới của các bộ, ngành, địa phương sau sắp xếp có phạm vi, địa bàn hoạt động rộng hơn.

2.8. Về danh mục xe ô tô chuyên dùng (Điều 14 dự thảo Nghị định): Kế thừa quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP.

2.9. Về thẩm quyền quyết định áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (Điều 15 dự thảo Nghị định)

Cơ bản kế thừa tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP; đồng thời để phù hợp với quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công sửa cụm từ “*ban hành tiêu chuẩn, định mức*” thành “*quyết định tiêu chuẩn, định mức*” và việc quyết định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng cụ thể của từng đơn vị là văn bản hành chính.

2.10. Về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước và thay thế xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước (Điều 16, Điều 17 dự thảo Nghị định): Dự thảo kế thừa quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP; riêng điểm a khoản 3 Điều 17 sửa cụm từ “*điều chuyển*” thành “*chuyển*” để phù hợp với quy định về điều chuyển, chuyển đổi công năng tài sản.

3. Khoản kinh phí sử dụng xe ô tô và thuê dịch vụ xe ô tô (Chương 3)

Về khoản kinh phí sử dụng xe ô tô và thuê dịch vụ xe ô tô (Điều 18, Điều 19 dự thảo Nghị định): Kế thừa quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP.

4. Sắp xếp lại, xử lý xe ô tô (Chương 4)

4.1. Về sắp xếp lại, xử lý xe ô tô phục vụ công tác các chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung (Điều 20 dự thảo Nghị định): Kế thừa quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP; đồng thời:

- Sửa đổi theo hướng quy định việc rà soát, sắp xếp lại số xe ô tô hiện có của tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương và thực hiện xử lý xe ô tô dôi dư trên phạm vi tổng thể của bộ, cơ quan trung ương, UBND cấp tỉnh để thống nhất thực hiện.

- Bổ sung quy định trường hợp sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị mà có quy định, hướng dẫn khác của cơ quan, người có thẩm quyền thì thực hiện sắp xếp lại, xử lý xe ô tô phục vụ công tác các chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định, hướng dẫn đó để phù hợp với tình hình sắp xếp, tổ chức bộ máy để phù hợp với tình hình sắp xếp, tổ chức bộ máy.

4.2. Về sắp xếp lại, xử lý xe ô tô chuyên dùng (Điều 21 dự thảo Nghị định): Cơ bản kế thừa Nghị định số 72/2023/NĐ-CP; đồng thời, bổ sung quy định trường hợp sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị mà có quy định, hướng dẫn khác của cơ quan, người có thẩm quyền thì thực hiện sắp xếp lại, xử lý xe ô tô phục vụ công tác các chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định, hướng dẫn đó để phù hợp với tình hình sắp xếp, tổ chức bộ máy.

5. Điều khoản thi hành (Chương 5)

5.1. Về xử lý chuyên tiếp (Điều 22 dự thảo Nghị định): Sửa đổi, bổ sung để phù hợp và bao quát thực tế phát sinh:

- Các chức danh đã được trang bị xe ô tô chức danh theo đúng quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP nhưng nay không có trong danh mục các chức danh, chức vụ có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô chức danh quy định tại Điều 6, Điều 7 Nghị định, trong thời gian chưa được cơ quan có thẩm quyền quy định chức danh, chức vụ đó tương đương với chức danh, chức vụ nào quy định tại Điều 6, Điều 7 thì được tiếp tục sử dụng xe ô tô chức danh cho đến khi cơ quan có thẩm quyền sắp xếp lại các chức danh, chức vụ; trường hợp xe ô tô chức danh đã trang bị đủ điều kiện thanh lý theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định này thì được trang bị để thay thế với mức giá tối đa không quá mức giá tối đa của xe ô tô đã trang bị. Sau khi sắp xếp lại các chức danh, chức vụ thì thực hiện theo định mức quy định tại Nghị định này.

- Các chức danh là Tổng cục trưởng và tương đương đã được trang bị xe ô tô phục vụ chức danh theo đúng quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP mà sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy không còn đủ tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô chức danh thì thực hiện sắp xếp lại, xử lý xe chức danh đã trang bị theo quy định tại Điều 20 Nghị định này; trường hợp được bảo lưu hệ số phụ cấp chức vụ trong một thời gian theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ) thì được tiếp tục sử dụng xe ô tô chức danh đã trang bị trong thời gian được bảo lưu hệ số phụ cấp chức vụ.

- Các chức danh có hệ số phụ cấp chức vụ tương đương với hệ số phụ cấp chức vụ của các chức danh quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 8 Nghị định này thuộc đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung trong thời gian cơ quan, người có thẩm quyền chưa có quy định thay thế.

- Trường hợp đã trang bị xe ô tô phục vụ chức danh mà áp dụng quy định tại Nghị định này mà có tiêu chuẩn, định mức sử dụng cao hơn thì vẫn tiếp tục sử dụng xe chức danh đã trang bị đến khi đủ điều kiện thanh lý theo quy định tại

khoản 4 Điều 3 Nghị định này, trừ trường hợp xe ô tô được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và văn bản quy định chi tiết thi hành.

5.2. Về điều khoản thi hành và trách nhiệm thi hành (Điều 23 dự thảo Nghị định): Kế thừa quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP; đồng thời bổ sung: Bộ, cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tập đoàn kinh tế có trách nhiệm tổ chức xác định số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung được sử dụng của các cơ quan, tổ chức đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo đúng tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định này, thông báo cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và Bộ Tài chính được biết. Các đơn vị thuộc, trực thuộc bộ là đơn vị dự toán cấp I cũng phải thực hiện theo quy định này.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN (NẾU CÓ)

VII. THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA HOẶC BAN HÀNH

VIII. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

IX. VỀ ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, VIỆC PHÂN CẤP NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN (NẾU CÓ)

1. Về đánh giá thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị định không quy định thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ).

2. Về việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn

- Phân cấp nhiệm vụ Bộ Tài chính có ý kiến trong trường hợp giao, điều chuyển xe đã qua sử dụng có giá trị còn lại hoặc giá trị đánh giá lại lớn hơn 115% của mức giá mua xe tối đa theo quy định để giảm sự vụ lên Thủ tướng Chính phủ (đối với trường hợp Nghị định số 72/2023/NĐ-CP quy định Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định giao, điều chuyển xe ô tô đã qua sử dụng có giá trị còn lại hoặc giá trị đánh giá lại cao hơn trên 15% mức giá mua xe tối đa).

- Phân cấp cho các Bộ, ngành, địa phương, Cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị đặc thù và tương đương quyết định phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của từng đơn vị thuộc phạm vi quản lý để phù hợp với thực tế của cơ quan mình.

- Phân cấp cho các bộ, cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Hội đồng quản lý, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (trong trường hợp đơn vị sự nghiệp không có Hội đồng quản lý) quyết định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng phù hợp tình hình thực tế của đơn vị.

- Quy định Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi xin ý kiến của các cơ quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Thành ủy), Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị các tập đoàn kinh tế quyết

định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định: Việc áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, hình thức và công đoạn thực hiện khoán, đơn giá khoán kinh phí, mức khoán.

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính hoàn thiện dự thảo Nghị định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo:

- Dự thảo Nghị định.
- Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp.
- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về dự thảo Nghị định.
- Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo.
- Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội.
- Bản chụp ý kiến góp ý của các bộ, ngành, địa phương.)

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP Phạm Minh Chính (để b/c);
- Phó TTgCP Hồ Đức Phúc (để b/c);
- Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng (để b/c);
- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, QLCS. (06)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Văn Kháng

DỰ THẢO 2

NGHỊ ĐỊNH

Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý Thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; khoán kinh phí sử dụng xe ô tô; thuê dịch vụ xe ô tô và sắp xếp lại, xử lý xe ô tô, gồm:

- Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh.
- Xe ô tô phục vụ công tác chung.
- Xe ô tô chuyên dùng.
- Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ.

3. Xe ô tô **phục vụ công tác chung**, xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Xe ô tô phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ vận tải đối ngoại của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Bộ Ngoại giao (ngoài tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước quy định tại Điều 17 Nghị định này) do Bộ trưởng

Bộ Ngoại giao xem xét, quyết định việc đầu tư, trang bị, đảm bảo hiệu quả và không sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm, quản lý, vận hành xe ô tô; không thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của đơn vị sự nghiệp công lập được cơ quan, người có thẩm quyền quy định hoặc phê duyệt Đề án áp dụng hoặc vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp theo quy định của pháp luật được thực hiện như sau:

a) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác của các chức danh được áp dụng theo quy định tại Nghị định này.

b) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau khi xin ý kiến của các cơ quan liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Thành ủy) xem xét, quyết định để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do cơ quan, người có thẩm quyền giao, phù hợp với nguồn kinh phí được phép sử dụng của đơn vị, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và không sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm; không thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng áp dụng của Nghị định này, bao gồm:

a) Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm cả các tổ chức thành viên là tổ chức chính trị - xã hội), đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là đơn vị).

b) Doanh nghiệp do Nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ, bao gồm cả các doanh nghiệp là công ty con và đơn vị trực thuộc (sau đây gọi là doanh nghiệp nhà nước).

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc xác định, ban hành, áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

2. Các tổ chức tài chính nhà nước ngoài ngân sách được áp dụng theo cơ chế tài chính, cơ chế xử lý tài sản của đơn vị, tổ chức nào thì tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô được áp dụng theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của mô hình tương ứng quy định tại Nghị định này; nguồn kinh phí để mua xe ô tô do các tổ chức tự đảm bảo, không sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm xe ô tô, trừ các trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức và thay thế xe ô tô phục vụ công tác

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quy định tại Nghị định này được sử dụng làm căn cứ để: lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, mua sắm, bố trí, khoán kinh phí sử dụng, thuê dịch vụ xe ô tô; quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô.

2. Trường hợp một người giữ nhiều chức danh, chức vụ có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô thì được áp dụng tiêu chuẩn cao nhất. Khi người tiền nhiệm nghỉ chế độ, chuyển công tác hoặc vì lý do khác mà không còn giữ chức vụ đó nữa nhưng xe ô tô đã trang bị chưa đủ điều kiện thay thế, thanh lý theo quy định thì người kế nhiệm tiếp tục sử dụng, không trang bị mới, trừ trường hợp xe ô tô được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và văn bản quy định chi tiết thi hành.

Ủy viên Trung ương Đảng dự quyết định đang đảm nhiệm vị trí công tác nào thì được áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô theo chức vụ đang công tác.

Đối với các chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa được quy định cụ thể tại các Điều 5, 6, 7 và 8 Nghị định này, khi cơ quan có thẩm quyền quy định chức danh, chức vụ đó tương đương với chức danh, chức vụ nào quy định tại các Điều 5, 6 và 7 và các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 8 Nghị định này thì được áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác các chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung của chức danh, chức vụ tương đương.

Các chức danh, chức vụ có hệ số phụ cấp chức vụ hoặc lương chức vụ cao hơn chức danh Vụ trưởng và tương đương (không đủ điều kiện được sử dụng xe ô tô chức danh quy định tại các Điều 4, 5, 6 và 7 Nghị định này) thì thuộc đối tượng sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại Điều 8 Nghị định này.

3. Xe ô tô phục vụ công tác của các chức danh quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định này được trang bị, thay thế theo yêu cầu công tác; việc xử lý xe ô tô cũ khi thay thế được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và văn bản quy định chi tiết thi hành.

Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước được thay thế theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 17 Nghị định này; việc xử lý xe ô tô cũ khi thay thế được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định này.

4. Xe ô tô không thuộc quy định tại khoản 3 Điều này được thay thế khi đủ điều kiện thanh lý. Việc thanh lý xe ô tô được thực hiện khi đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật (đã quá thời gian sử dụng để tính hao mòn theo quy định của pháp luật về chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định).

b) Đã sử dụng trên 200.000km đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trụ sở chính đóng trên địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc/và đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố có trên 50% đơn vị hành chính cấp xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là xã) thuộc địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; đã sử dụng trên 250.000km đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị còn lại.

c) Chưa đủ điều kiện quy định tại điểm a, điểm b khoản này nhưng bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không hiệu quả (dự toán chi phí sửa chữa để khắc phục hư hỏng lớn hơn 30% so với nguyên giá).

5. Nguyên tắc xác định giá mua xe ô tô:

a) Giá mua xe ô tô trong tiêu chuẩn, định mức là giá mua đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các khoản chiết khấu, giảm giá (nếu có); chưa bao gồm: lệ phí trước bạ; lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông; phí bảo hiểm; lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế (nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, giá trị gia tăng) thì phải tính đủ số thuế được miễn này vào giá mua xe để xác định tiêu chuẩn, định mức.

Trường hợp quá 01 năm, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, giá xe ô tô trên thị trường có biến động tăng, bộ, cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị tập đoàn kinh tế được xem xét, quyết định giá mua xe ô tô cao hơn nhưng phần tăng thêm không vượt quá 15% so với mức giá theo quy định tại Nghị định này đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý. Khi giá xe ô tô phổ biến trên thị trường tăng, giảm trên 15% so với các mức giá quy định tại Nghị định này, Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh giá mua xe ô tô quy định tại Nghị định này cho phù hợp.

b) Giá xe ô tô làm căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức trong trường hợp giao, điều chuyển xe ô tô đã qua sử dụng là giá trị còn lại trên sổ kế toán hoặc giá trị đánh giá lại theo quy định của pháp luật (đối với xe ô tô chưa được theo dõi giá trị trên sổ kế toán hoặc trường hợp phải đánh giá lại khi xử lý theo quy định của pháp luật), bảo đảm giá trị còn lại hoặc giá trị đánh giá lại nhỏ hơn hoặc bằng 115% mức giá mua xe tối đa quy định tại Nghị định này.

Trường hợp giá trị còn lại hoặc giá trị đánh giá lại lớn hơn 115% của mức giá mua xe tối đa quy định tại Nghị định này, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển tài sản quyết định việc giao, điều chuyển tài sản sau khi có ý kiến thống nhất của đồng chí Thường trực Ban Bí thư (đối với trường hợp giao, điều chuyển xe ô tô của cơ quan, đơn vị của Đảng ở trung ương), ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan (đối với trường hợp còn lại).

6. Số biên chế làm căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các đơn vị là số lượng biên chế hoặc số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt và số lượng người làm việc của đơn vị ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn (bao gồm cả các đơn vị thuộc, trực thuộc, đơn vị thành viên - nếu có) được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật tại thời điểm xác định tiêu chuẩn, định mức; trường hợp tại Nghị định này quy định biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc

được tách riêng để tính định mức thì không được tính gộp biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc vào biên chế của đơn vị.

7. Căn cứ vào số biên chế và các tiêu chí khác tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi thực hiện phân bổ số lượng xe phục vụ công tác chung theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định này) quyết định định mức xe ô tô của từng đơn vị thuộc, trực thuộc trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành; trường hợp chưa hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy thì căn cứ biên chế được cấp có thẩm quyền quyết định tạm giao để xác định định mức; trường hợp không có biên chế tạm giao thì xác định theo biên chế được giao, được phê duyệt, được ký tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Sau khi được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt biên chế hoặc trường hợp có điều chỉnh, thay đổi về số lượng biên chế hoặc thay đổi cơ cấu tổ chức bộ máy thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tỉnh ủy, Thành ủy thực hiện điều chỉnh định mức (sau khi thực hiện phân bổ số lượng xe phục vụ công tác chung theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định này) theo biên chế và tiêu chí khác tại thời điểm điều chỉnh định mức.

8. Xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định này phải được sử dụng theo đúng mục đích được xác định cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ được giao của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; trường hợp có thể bố trí sử dụng kết hợp để phục vụ công tác chung mà không ảnh hưởng đến mục đích chính của xe chuyên dùng thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép sử dụng kết hợp nhưng phải cân đối số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung để đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và phải được quy định cụ thể khi ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

9. Số lượng và mức giá mua xe ô tô quy định tại Nghị định này là số lượng và mức giá tối đa. Căn cứ vào nhu cầu sử dụng xe ô tô thực tế để thực hiện nhiệm vụ được giao và nguồn hình thành tài sản tại các đơn vị, doanh nghiệp nhà nước, nguồn kinh phí thực hiện mua sắm (nguồn ngân sách nhà nước cấp, ngân sách nhà nước hỗ trợ, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn kinh phí khác được phép sử dụng theo quy định của pháp luật), cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, mua sắm xem xét, quyết định số lượng và mức giá mua xe phù hợp, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Chương II

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ

Mục 1

XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁC CHỨC DANH

Điều 4. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô, kể cả khi đã nghỉ công tác (trừ trường hợp có quy định, quyết định khác của cấp có thẩm quyền), không quy định mức giá

1. Tổng Bí thư.
2. Chủ tịch nước.
3. Thủ tướng Chính phủ.
4. Chủ tịch Quốc hội.

Điều 5. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác, không quy định mức giá

Thường trực Ban Bí thư; Ủy viên Bộ Chính trị; Ủy viên Ban Bí thư; Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Phó Chủ tịch nước; Phó Thủ tướng Chính phủ; Phó Chủ tịch Quốc hội.

Điều 6. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác, có quy định mức giá

1. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác với giá mua tối đa 1.600 triệu đồng/xe, gồm: Ủy viên Trung ương Đảng chính thức; Trưởng ban, cơ quan Đảng ở Trung ương; Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Tổng Biên tập Báo Nhân Dân, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản; Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Tổng thư ký, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội; Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội); các chức danh, chức vụ tương đương.

2. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác với giá mua tối đa 1.550 triệu đồng/xe, gồm: Bộ trưởng; Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước; Tổng Kiểm toán Nhà nước; Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương; Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy; Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội, Phó Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương; các chức danh, chức vụ tương đương.

3. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác với giá mua tối đa 1.500 triệu đồng/xe, gồm: Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ và các chức danh, chức vụ tương đương.

Điều 7. Chức danh được sử dụng xe ô tô đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại và đi công tác, có quy định mức giá

1. Các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô gồm:

a) Chức danh được sử dụng xe ô tô với giá mua tối đa 1.400 triệu đồng/xe, gồm: Phó Trưởng ban, cơ quan Đảng ở Trung ương; Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Phó Tổng Biên tập Báo Nhân Dân; Phó Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản; Phó Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc; Phó Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội; Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Thứ trưởng; Phó thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước; Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước; Phó Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh); Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương; Giám đốc Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật; Trợ lý các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước; Trợ lý Thường trực Ban Bí thư; Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao; các chức danh, chức vụ tương đương.

Chủ tịch các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương (đối với các tổ chức hội có đảng đoàn) được xem xét, hỗ trợ xe chức danh theo quy định tại điểm này theo quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

b) Chức danh được sử dụng xe ô tô với giá mua tối đa 1.250 triệu đồng/xe, gồm: Phó Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách cấp tỉnh (trừ thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh); Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc các tập đoàn, tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập (sau đây gọi là tập đoàn kinh tế); Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Trợ lý các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước; Tổng Biên tập Báo Đại biểu nhân dân; Tổng Giám đốc Công thông tin điện tử Chính phủ; các chức danh, chức vụ tương đương.

2. Trường hợp các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này tự nguyện nhận khoán kinh phí sử dụng xe ô tô thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi xin ý kiến các cơ quan có liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Thành ủy), Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị tập đoàn kinh tế căn cứ tình hình thực tế của đơn vị, tập đoàn kinh tế, phương án nhận khoán và số lượng chức danh nhận khoán kinh phí để xem xét, quyết định việc khoán kinh phí và số lượng xe ô tô trang bị, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả giữa việc bố trí xe ô tô phục vụ công tác với việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô. Việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định này.

Trường hợp tất cả các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này của từng bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tập đoàn kinh tế áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho toàn bộ công đoạn thì không trang bị xe ô tô phục vụ chức danh.

Mục 2

XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG

Điều 8. Phạm vi, đối tượng được sử dụng và thẩm quyền quyết định số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung

1. Xe ô tô phục vụ công tác chung là xe ô tô một cầu hoặc hai cầu, có số chỗ ngồi đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải) để phục vụ công tác chung của đơn vị (bao gồm cả các đơn vị thuộc, trực thuộc đơn vị), không thuộc danh mục xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 14 Nghị định này.

2. Các đối tượng sau đây được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung để thực hiện chức trách, nhiệm vụ được đơn vị giao (không sử dụng để đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại):

a) Cục trưởng, Vụ trưởng và tương đương; Phó Cục trưởng, Phó Vụ trưởng và tương đương.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó trưởng đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (trừ thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh); các chức danh, chức vụ tương đương.

c) Giám đốc, Phó Giám đốc sở và tương đương cấp tỉnh.

d) Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

đ) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được giao thực hiện nhiệm vụ đặc thù của đơn vị; danh mục nhiệm vụ đặc thù được quy định cụ thể tại Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của đơn vị.

3. Trường hợp cần thiết do yêu cầu công tác, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước quyết định cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngoài các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung để đi công tác.

4. Các đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này được bố trí xe ô tô phục vụ công tác chung hoặc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô hoặc thuê dịch vụ xe ô tô khi đi công tác. Việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô thực hiện theo quy định tại Điều 18, Điều 19 Nghị định này.

5. Ngoài số xe ô tô đã được xác định theo quy định tại các Điều 9, 10 và 11 Nghị định này, bộ, cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi xin ý kiến của các cơ quan có liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Thành ủy), xem xét, quyết định số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung trang bị thêm cho các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương, địa phương được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp, tuần tra biên giới, phục vụ người có công, bảo trợ xã hội, phân giới cắm mốc,

điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, quan trắc phân tích mẫu môi trường, quản lý thị trường, **đưa đón cán bộ, công chức, viên chức, người lao động từ nơi ở đến trụ sở làm việc mà có khoảng cách từ 20km trở lên**, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

6. Phân bổ (điều hòa) số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của các đơn vị:

a) Không thực hiện phân bổ số lượng xe ô tô của các đơn vị quy định tại khoản 5 Điều này.

b) Căn cứ tổng số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của các đơn vị quy định tại các Điều 9, 10 và 11, khoản 1 Điều 12 Nghị định này (trừ các đơn vị quy định tại điểm a khoản này, điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định này):

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung cho từng cục, vụ và tổ chức tương đương, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi xin ý kiến của các cơ quan có liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Thành ủy) quyết định phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung cho từng Văn phòng cấp tỉnh; từng sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh; từng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; từng xã.

Tỉnh ủy, Thành ủy quyết định phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung cho từng cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy.

Việc phân bổ theo nguyên tắc số lượng xe ô tô được phân bổ của từng đơn vị có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số lượng xe ô tô được xác định theo quy định tại Điều 9, 10 và 11, khoản 1 Điều 12 Nghị định này (trừ các đơn vị quy định tại điểm a khoản này, điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định này) nhưng bảo đảm tổng số xe sau khi phân bổ của tất cả các đơn vị không vượt quá tổng số lượng xe của các đơn vị xác định theo tiêu chuẩn, định mức.

c) Căn cứ tổng số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của các đơn vị quy định tại điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định này, Cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị đặc thù và tương đương quyết định phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung cho từng đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo nguyên tắc số lượng xe ô tô được phân bổ của từng đơn vị có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số lượng xe ô tô được xác định theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định này nhưng bảo đảm tổng số xe sau khi phân bổ của tất cả các đơn vị không vượt quá tổng số lượng xe của các đơn vị xác định theo tiêu chuẩn, định mức.

d) Số lượng xe sau khi được phân bổ tại điểm b, điểm c khoản này là định mức về số lượng sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của từng đơn vị.

Điều 9. Xe ô tô phục vụ công tác chung của cục, vụ và tổ chức tương đương thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương

1. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc cơ quan của Đảng ở trung ương được xác định như sau:

a) Cơ quan, đơn vị có số biên chế đến 20 người: Tối đa 01 xe/01 cơ quan, đơn vị.

b) Cơ quan, đơn vị có số biên chế từ trên 20 người đến 40 người: Tối đa 02 xe/01 cơ quan, đơn vị.

c) Cơ quan, đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 03 xe/01 cơ quan, đơn vị.

d) Cơ quan, đơn vị có số biên chế từ trên 80 người đến 120 người: Tối đa 04 xe/01 cơ quan, đơn vị.

đ) Cơ quan, đơn vị có số biên chế từ trên 120 người trở lên cứ thi cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung định mức 01 xe.

2. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của cục, vụ và tổ chức tương đương không tổ chức theo ngành dọc (không phải là đơn vị sự nghiệp công lập) được xác định như sau:

a) Đơn vị có số biên chế đến 20 người: Tối đa 01 xe/02 đơn vị; trường hợp số lượng xe là số thập phân thì xác định số lượng xe theo phần nguyên.

b) Đơn vị có số biên chế từ trên 20 người đến 40 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.

c) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.

d) Đơn vị có số biên chế từ trên 80 người đến 120 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.

đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 120 người trở lên cứ thi cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung định mức 01 xe.

e) Các đơn vị (Chi cục, trung tâm,...) có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng trực thuộc cục và tổ chức tương đương có số biên chế từ 20 người trở lên thì không tổng hợp biên chế của các đơn vị này vào biên chế của cục và tương đương để xác định định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này; số xe ô tô được xác định tại điểm này được cộng vào định mức của cục và tổ chức tương đương và được xác định như sau:

Đơn vị có số biên chế từ 20 người đến 50 người: Tối đa 01 xe/đơn vị.

Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người trở lên thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung định mức 01 xe.

3. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của cục, đơn vị đặc thù và tương đương (không phải là đơn vị sự nghiệp công lập) được tổ chức theo ngành dọc.

a) Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các đơn vị thuộc, trực thuộc cục, đơn vị đặc thù và tương đương (trừ các đơn vị tại điểm b khoản này) được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Định mức các đơn vị thuộc, trực thuộc Cục, đơn vị đặc thù và tương đương đóng trên địa bàn cấp tỉnh hoặc liên tỉnh được xác định như sau:

b1) Đơn vị có số biên chế từ 40 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.

b2) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.

b3) Đơn vị có số biên chế từ trên 80 người đến 120 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.

b4) Đơn vị có số biên chế từ trên 120 người trở lên thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung định mức 01 xe.

b5) Ngoài định mức xác định theo quy định tại các điểm b1, b2, b3 và b4 khoản này, đơn vị được bổ sung số lượng xe như sau:

Trường hợp đơn vị được giao quản lý 01 tỉnh có diện tích tự nhiên từ 9.000km² đến 14.000km² thì được bổ sung 01 tối đa 01 xe; từ 14.000km² trở lên thì cứ 5.000km² tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe.

Trường hợp đơn vị được giao quản lý liên tỉnh thì cứ 1 tỉnh tăng thêm được bổ sung 01 xe; trường hợp địa bàn được giao quản lý có diện tích tự nhiên từ 18.000km² đến 23.000km² trở lên thì được bổ sung thêm 01 xe/đơn vị; từ 23.000km² trở lên thì cứ 5.000km² tăng thêm được bổ sung 01 xe.

Trường hợp địa bàn được giao quản lý có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì được bổ sung tối đa 01 xe.

Trường hợp đơn vị có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung tối đa 01 xe.

Trường hợp đơn vị có đơn vị thuộc, trực thuộc được giao quản lý địa bàn từ 450km² trở lên hoặc từ 10 xã trở lên thì cứ 1 đơn vị được bổ sung 01 xe; không tính số biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc vào biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc Cục, đơn vị đặc thù và tương đương đóng trên địa bàn cấp tỉnh hoặc liên tỉnh.

Trường hợp đơn vị đáp ứng nhiều tiêu chí thì số lượng xe tối đa được bổ sung là tổng số lượng xe được bổ sung theo các tiêu chí.

c) Định mức của cục, đơn vị đặc thù và tương đương là tổng định mức của điểm a và điểm b khoản này.

4. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các đơn vị thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn cấp tỉnh hoặc liên tỉnh được xác định như sau:

a) Đơn vị có số biên chế từ 40 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.

b) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.

c) Đơn vị có số biên chế từ trên 80 người đến 120 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.

d) Đơn vị có số biên chế từ trên 120 người trở lên thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung định mức 01 xe.

đ) Ngoài định mức xác định theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này, đơn vị được bổ sung số lượng xe như sau:

Trường hợp đơn vị được giao quản lý 01 tỉnh có diện tích tự nhiên từ 9.000km² đến 14.000 km² thì được bổ sung 01 tối đa 01 xe; từ 14.000km² trở lên thì cứ 5.000km² tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe.

Trường hợp đơn vị được giao quản lý liên tỉnh thì cứ 1 tỉnh tăng thêm được bổ sung 01 xe; trường hợp địa bàn được giao quản lý có diện tích tự nhiên từ

18.000km² đến 23.000km² trở lên thì được bổ sung thêm 01 xe/đơn vị; từ 23.000km² trở lên thì cứ 5.000km² tăng thêm được bổ sung 01 xe.

Trường hợp địa bàn được giao quản lý có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì được bổ sung tối đa 01 xe.

Trường hợp đơn vị có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung tối đa 01 xe.

Trường hợp đơn vị có đơn vị thuộc, trực thuộc được giao quản lý địa bàn từ 450km² trở lên hoặc từ 10 xã trở lên thì cứ 1 đơn vị được bổ sung 01 xe; không tính số biên chế của các đơn vị này vào biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn cấp tỉnh hoặc liên tỉnh.

Trường hợp đơn vị đáp ứng nhiều tiêu chí thì số lượng xe tối đa được bổ sung là tổng số lượng xe được bổ sung theo các tiêu chí.

5. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương (trừ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy nghề) được xác định như sau:

- a) Đơn vị có số biên chế từ 50 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.
- b) Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người đến 100 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.
- c) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 200 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.
- d) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người đến 500 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.
- đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị.
- e) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người trở lên: Tối đa 06 xe/01 đơn vị.

6. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy nghề được xác định như sau:

- a) Đơn vị có số biên chế từ 100 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.
- b) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 300 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.
- c) Đơn vị có số biên chế từ trên 300 người đến 500 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.
- d) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.
- đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người đến 2.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị.
- e) Đơn vị có số biên chế từ trên 2.000 người trở lên: Tối đa 06 xe/01 đơn vị.

7. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung:

a) Đối với cục, vụ và tổ chức tương đương thuộc, trực thuộc Bộ, cơ quan trung ương quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều này: Bộ, cơ quan trung ương quyết định giao cho một cơ quan nhà nước hoặc đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp công ích thực hiện quản lý xe ô tô theo phương thức tập trung để bố trí cho các đối tượng được sử dụng xe phục vụ công tác chung theo nguyên tắc không thành lập mới, không làm tăng biên chế của bộ, cơ quan trung ương (gọi là phương thức quản lý tập trung); đối với các đơn vị có dự toán

riêng thì có thể giao cho từng đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để phục vụ công tác chung theo định mức quy định tại điểm b và điểm d khoản 6 Điều 8 Nghị định này của đơn vị đó (gọi là phương thức quản lý trực tiếp).

b) Các đơn vị quy định tại điểm b khoản 3 Điều này áp dụng phương thức quản lý trực tiếp; trường hợp đơn vị có đơn vị thuộc, trực thuộc thì Thủ trưởng đơn vị quy định tại điểm b khoản 3 Điều này bố trí sử dụng cho phù hợp.

c) Các đơn vị quy định tại khoản 4 Điều này áp dụng phương thức quản lý trực tiếp theo định mức quy định tại điểm b và điểm d khoản 6 Điều 8 Nghị định này.

d) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc bộ, cơ quan trung ương quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này, việc quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này.

Trường hợp bộ, cơ quan trung ương quyết định đơn vị quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này áp dụng phương thức quản lý tập trung thì các đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên có số biên chế dưới 20 người không tính định mức riêng mà gộp chung số biên chế của các đơn vị này vào số biên chế của Văn phòng bộ, cơ quan trung ương để xác định định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng bộ, cơ quan trung ương.

Trường hợp bộ, cơ quan trung ương quyết định đơn vị quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này áp dụng phương thức quản lý trực tiếp theo định mức quy định tại điểm b và điểm d khoản 6 Điều 8 Nghị định này thì các đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên có số biên chế dưới 20 người không trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung; trường hợp các đơn vị này có đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 8 Nghị định này thì thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô hoặc thuê dịch vụ xe ô tô khi đi công tác.

e) Đối với các đơn vị tại khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 và các khoản 4, 5 và 6 Điều này được giao trực tiếp quản lý xe ô tô quy định tại các điểm a, c và d khoản này mà có đơn vị thuộc, trực thuộc (trừ các đơn vị quy định tại điểm b khoản 3 Điều này) thì Thủ trưởng đơn vị quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 và các khoản 4, 5 và 6 Điều này quyết định việc quản lý xe ô tô tập trung tại đơn vị mình (gọi là phương thức quản lý tập trung) hoặc giao cho đơn vị thuộc, trực thuộc trực tiếp quản lý xe (gọi là phương thức quản lý trực tiếp); trường hợp quyết định giao các đơn vị thuộc, trực thuộc quản lý xe trực tiếp thì số lượng xe mà Thủ trưởng đơn vị quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 và các khoản 4, 5 và 6 Điều này giao các đơn vị thuộc, trực thuộc trực tiếp quản lý xác định là định mức của đơn vị thuộc, trực thuộc.

g) Trong trường hợp áp dụng phương thức quản lý tập trung, các đơn vị sử dụng xe ô tô thanh toán cho đơn vị được giao quản lý tập trung các chi phí quản lý, vận hành xe ô tô tương tự trường hợp sử dụng chung tài sản công quy định tại

Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

8. Xe ô tô phục vụ công tác chung của các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương (đối với các tổ chức hội có đảng đoàn)

a) Trường hợp hội chưa có xe ô tô phục vụ công tác chung hoặc tất cả các xe ô tô hiện có (trừ xe ô tô chức danh của Chủ tịch các hội quần chúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định này) đã đủ điều kiện thanh lý theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định này, trường hợp được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao theo quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, tùy theo khả năng ngân sách và nguồn xe ô tô hiện có, hội có tính chất đặc thù được xem xét, hỗ trợ:

a1) Kinh phí để mua xe ô tô từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành hoặc hỗ trợ bằng hiện vật như sau: Đối với các hội có số biên chế được giao từ 20 người đến 50 người được hỗ trợ 01 xe; đối với các hội có số biên chế được giao từ trên 50 người trở lên được hỗ trợ tối đa 02 xe.

Mức kinh phí hỗ trợ để mua xe không quá mức giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này. Trường hợp hỗ trợ bằng hiện vật thì thực hiện theo hình thức điều chuyển, giá trị còn lại của xe ô tô điều chuyển không vượt quá mức giá quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này.

Việc hỗ trợ kinh phí để mua xe ô tô được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Việc điều chuyển xe ô tô được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

a2) Đối với các hội có số biên chế được giao dưới 20 người được hỗ trợ kinh phí để thuê xe hoặc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô khi thực hiện nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao.

b) Việc quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô Nhà nước hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản này được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của tổ chức. Không bán, chuyển nhượng, thanh lý hoặc các hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác đối với xe ô tô được Nhà nước hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều này khi chưa đủ điều kiện thanh lý theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định này.

Điều 10. Xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh

1. Xe ô tô phục vụ công tác chung của khối các Văn phòng cấp tỉnh (gồm: Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) xác định như sau:

a) Đối với tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có diện tích dưới 5.000km²: **05 xe/Văn phòng**;

b) Đối với tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có diện tích từ 5.000km² trở lên thì cứ 5.000km² tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe/Văn phòng.

c) Ngoài định mức xác định theo quy định tại các điểm a và b khoản này, mỗi Văn phòng được bổ sung số lượng xe như sau:

Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được bổ sung 01 xe/Văn phòng.

Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung tối đa 01 xe/Văn phòng.

Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là các đô thị đặc biệt được bổ sung 01 xe/Văn phòng.

Văn phòng đáp ứng tiêu chí nào thì được bổ sung số lượng xe tối đa tương ứng với các tiêu chí đó; trường hợp đáp ứng nhiều tiêu chí thì số lượng xe tối đa được bổ sung là tổng số lượng xe được bổ sung theo các tiêu chí.

h) Trường hợp Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy phục vụ chung cho các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy, Thành ủy thì định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy bao gồm cả số xe theo quy định tại khoản này và số xe quy định tại khoản 2 Điều này.

i) Các ban thuộc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sử dụng xe ô tô trong định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản này để phục vụ công tác. Trường hợp Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy phục vụ chung cho các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy, Thành ủy thì định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy bao gồm cả số xe theo quy định tại khoản này và số xe quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy (trừ Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy) được xác định như sau:

a1) Cơ quan, đơn vị có số biên chế đến 20 người: Tối đa 01 xe/01 cơ quan, đơn vị.

a1) Cơ quan, đơn vị có số biên chế từ trên 20 người đến 40 người: Tối đa 02 xe/01 cơ quan, đơn vị.

a2) Cơ quan, đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 03 xe/01 cơ quan, đơn vị.

a3) Cơ quan, đơn vị có số biên chế từ trên 80 người đến 120 người: Tối đa 04 xe/01 cơ quan, đơn vị.

a4) Cơ quan, đơn vị có số biên chế từ trên 120 người trở lên cứ thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung định mức 01 xe.

a5) Ngoài định mức xác định theo quy định tại các điểm a1, a2, a3 và a4 khoản này, đơn vị được bổ sung số lượng xe như sau:

Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có diện tích tự nhiên từ 9.000km² trở lên thì cứ 5.000km² tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị.

Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều

kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị.

Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị.

Trường hợp đơn vị đáp ứng nhiều tiêu chí thì số lượng xe tối đa được bổ sung là tổng số lượng xe được bổ sung theo các tiêu chí.

3. Định mức sử dụng xe ô tô của sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh (không phải là các đơn vị quy định tại các khoản 1, 2, 4 và 5 Điều này).

a) Định mức sử dụng xe ô tô của sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh (trừ các đơn vị trực thuộc quy định tại điểm b khoản này)

a1) Đơn vị có số biên chế từ 40 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.

a2) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.

a3) Đơn vị có số biên chế từ trên 80 người đến 120 người: Tối đa 03 xe/01 cơ quan, đơn vị.

a4) Đơn vị có số biên chế từ trên 120 người đến 200 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.

a5) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người trở lên thì cứ 100 biên chế tăng thêm được bổ sung 01 xe.

a6) Ngoài định mức xác định theo quy định tại các điểm a1, a2, a3, a4 và a5 khoản này, đơn vị được bổ sung số lượng xe như sau:

Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có diện tích tự nhiên từ 9.000km² trở lên thì cứ 5.000km² tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe.

Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì được bổ sung tối đa 01 xe.

Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung tối đa 01 xe.

Trường hợp đơn vị đáp ứng nhiều tiêu chí thì số lượng xe tối đa được bổ sung là tổng số lượng xe được bổ sung theo các tiêu chí.

b) Các đơn vị (Chi cục, trung tâm,...) có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng trực thuộc Sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh có số biên chế từ 20 người trở lên thì không tổng hợp biên chế của các đơn vị này vào biên chế của Sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh để xác định định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại điểm a khoản này; số xe ô tô được xác định tại điểm này được cộng vào định mức của cục và tổ chức tương đương và được xác định như sau:

Đơn vị có số biên chế từ 20 người đến 50 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.

Đơn có số biên chế từ trên 50 người trở lên thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung định mức 01 xe.

4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy nghề) được xác định như sau:

- a) Đơn vị có số biên chế từ 50 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.
- b) Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người đến 100 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.
- c) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 200 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.
- d) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người đến 500 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.
- đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị.
- e) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người trở lên: Tối đa 06 xe/đơn vị.

5. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy nghề được xác định như sau:

- a) Đơn vị có số biên chế từ 100 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.
- b) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 300 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.
- c) Đơn vị có số biên chế từ trên 300 người đến 500 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.
- d) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.
- đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người đến 2.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị.
- e) Đơn vị có số biên chế từ trên 2.000 người trở lên: Tối đa 06 xe/01 đơn vị.

6. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung:

a) Đối với đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này áp dụng phương thức quản lý trực tiếp.

b) Đối với quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, Tỉnh ủy, Thành ủy (đối với đơn vị tại khoản 2 Điều này), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi xin ý kiến các cơ quan liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Thành ủy) (đối với đơn vị tại khoản 2 Điều này) quyết định việc quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung theo một trong các phương thức sau đây:

Giao cho một cơ quan nhà nước hoặc đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp công ích thực hiện quản lý xe ô tô theo phương thức tập trung để bố trí cho các đối tượng được sử dụng xe phục vụ công tác chung theo nguyên tắc không thành lập mới, không làm tăng biên chế của địa phương (gọi là phương thức quản lý tập trung).

Giao cho từng đơn vị có tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để phục vụ công tác chung của đơn vị (gọi là phương thức quản lý trực tiếp).

c) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này, việc quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung được thực hiện theo phương thức quản lý trực tiếp. Riêng đối với đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên có số biên chế dưới 20 người thì không trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung; trường hợp có đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 8 Nghị định này thì thực hiện khoản kinh phí sử dụng xe ô tô hoặc thuê dịch vụ xe ô tô khi đi công tác.

d) Đối với các đơn vị quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này được giao trực tiếp quản lý xe ô tô quy định tại các điểm b, c khoản này mà có đơn vị thuộc, trực thuộc thì Thủ trưởng đơn vị quy định tại cơ quan, tổ chức đơn vị quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này quyết định quản lý xe ô tô tập trung tại đơn vị (gọi là phương thức quản lý tập trung) hoặc giao cho đơn vị thuộc, trực thuộc trực tiếp quản lý xe (gọi là phương thức quản lý trực tiếp); trường hợp quyết định giao các đơn vị thuộc, trực thuộc quản lý xe trực tiếp thì số lượng xe Thủ trưởng đơn vị quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này giao các đơn vị thuộc, trực thuộc quản lý trực tiếp xác định là định mức của đơn vị thuộc, trực thuộc.

đ) Trong trường hợp áp dụng phương thức quản lý tập trung, các đơn vị sử dụng xe ô tô thanh toán cho đơn vị được giao quản lý tập trung các chi phí quản lý, vận hành xe ô tô tương tự trường hợp sử dụng chung tài sản công quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

7. Xe ô tô phục vụ công tác chung của các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương (đối với các tổ chức hội có đảng đoàn) thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 9 Nghị định này.

Điều 11. Xe ô tô phục vụ công tác chung của cấp xã

1. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung: Tối đa 02 xe/xã.
2. Xe ô tô phục vụ công tác chung của cấp xã được quản lý theo phương thức trực tiếp.

Điều 12. Xe ô tô phục vụ công tác chung của ban quản lý dự án và phục vụ hoạt động của dự án

1. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước:

a) Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước có chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung được áp dụng theo định mức tương ứng với mô hình hoạt động (cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập) quy định tại Nghị định này; mô hình hoạt động của Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước được xác định theo quyết định thành lập của cơ quan, người có thẩm quyền.

b) Ban quản lý dự án không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này hoặc thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này nhưng tất cả các chức

danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô tham gia ban quản lý dự án theo hình thức kiêm nhiệm thì không trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung.

2. Đối với xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án:

a) Xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án (bao gồm cả các dự án sử dụng vốn nhà nước, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi, vốn vay thương mại, viện trợ không hoàn lại) là xe ô tô được trang bị để phục vụ hoạt động của từng dự án cụ thể trong thời gian thực hiện dự án, không tính vào định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Căn cứ vào quy mô, địa bàn hoạt động, đặc điểm và nhu cầu của từng dự án, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định việc trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động của từng dự án thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động của từng dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại điểm c khoản này.

c) Việc trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả và được thực hiện theo hình thức giao, điều chuyển, thuê hoặc mua sắm theo quy định sau:

Chỉ trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư nhưng chưa được trang bị xe ô tô để phục vụ hoạt động của dự án. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư sắp xếp, bố trí trong số xe hiện có để phục vụ hoạt động chuẩn bị đầu tư. Trường hợp không sắp xếp, bố trí được trong tổng số xe hiện có để phục vụ hoạt động chuẩn bị đầu tư thì thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô hoặc thuê dịch vụ xe ô tô theo quy định tại Điều 18, Điều 19 Nghị định này.

Không thực hiện trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án theo hình thức đối tác công tư (PPP), trừ trường hợp các dự án lớn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập Ban Quản lý dự án PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Không sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn vay thương mại để mua sắm xe ô tô, trừ trường hợp việc mua xe ô tô đã quy định cụ thể tại hiệp định đã được ký kết hoặc văn kiện dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 01 tháng 01 năm 2018.

Đối với dự án viện trợ không hoàn lại của nước ngoài mà hiệp định hoặc văn kiện dự án đã được ký kết trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành có quy định việc mua sắm xe ô tô phục vụ hoạt động của từng dự án thì việc mua sắm xe ô tô thực hiện theo quy định của hiệp định đã được ký kết hoặc văn kiện dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Khi đàm phán để ký kết văn kiện dự án viện trợ không hoàn lại từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà nhà tài trợ yêu cầu phải mua sắm xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án thì ngoài việc tuân thủ quy định về trình tự, thủ tục ký kết, gia nhập và thực hiện Điều ước quốc tế, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì lấy ý kiến của cơ

quan tài chính nhà nước cùng cấp trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương tiếp nhận dự án.

Giá mua xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án được áp dụng theo giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này, trừ trường hợp hiệp định hoặc văn kiện dự án viện trợ không hoàn lại đã ký kết có quy định khác. Giá xe ô tô làm căn cứ giao, điều chuyển thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 3 Nghị định này.

Điều 13. Giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung

1. Giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung tối đa là 950 triệu đồng/xe. Trường hợp cần thiết phải mua xe từ 12 - 16 chỗ ngồi thì mức giá tối đa là 1.300 triệu đồng/xe, mua xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ ngồi 2 cầu thì mức giá tối đa là 1.600 triệu đồng/xe. Bộ, cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ phạm vi hoạt động, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng xe thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị để quyết định việc trang bị xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi và xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ 2 cầu cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý bảo đảm cơ cấu hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả.

2. Trường hợp cần trang bị một số xe ô tô có công suất lớn trong số xe phục vụ công tác chung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 9, khoản 1 Điều 10 Nghị định này để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của bộ, cơ quan trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gồm: phục vụ công tác phòng chống bão lũ, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, kiểm soát dịch bệnh; phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại; phục vụ công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện về các lĩnh vực kinh tế - văn hóa - xã hội; phục vụ các đoàn giám sát, tiếp xúc cử tri; phục vụ công tác đối ngoại, tiếp khách quốc tế, đưa đón, tháp tùng đoàn trong và ngoài nước đến làm việc; chỉ đạo hoạt động quản lý, cấm mốc biên giới và các nhiệm vụ đặc thù khác) thì mức giá mua xe được quy định như sau:

a) Mỗi bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được trang bị 01 xe với mức giá tối đa là 4.500 triệu đồng/xe và 02 xe với mức giá tối đa là 2.800 triệu đồng/xe.

b) Đối với các bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có các chức danh quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định này, ngoài số xe được trang bị theo quy định tại điểm a khoản này, các bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được trang bị xe ô tô phục vụ thực hiện nhiệm vụ đặc thù của các chức danh quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định này với mức giá tối đa là 5.000 triệu đồng/xe. Số lượng xe cụ thể được áp dụng mức giá này do Chánh Văn phòng Trung ương Đảng quyết định sau khi có ý kiến thống nhất của đồng chí Thường trực Ban Bí thư (đối với các chức danh thuộc các cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương), Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan (đối với các trường hợp còn lại).

Trường hợp số lượng xe ô tô phục vụ nhiệm vụ đặc thù quy định tại điểm này đã được Thủ tướng Chính phủ, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng phê

duyet theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô (sau đây gọi là Nghị định số 04/2019/NĐ-CP), Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô (sau đây gọi là Nghị định số 72/2023/NĐ-CP) thì thực hiện theo nội dung đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, không phải báo cáo lại cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định tại điểm này; trừ trường hợp cần điều chỉnh số lượng xe ô tô đã được phê duyệt.

Mục 3

XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG

Điều 14. Danh mục xe ô tô chuyên dùng

1. Xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, gồm:

a) Xe ô tô cứu thương:

Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định;

Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt (xe có kết cấu không gian rộng rãi được trang bị máy móc, trang thiết bị y tế phục vụ công tác cấp cứu, hồi sức tích cực trên xe).

b) Xe ô tô chuyên dùng có kết cấu đặc biệt sử dụng trong lĩnh vực y tế gồm:

Xe chụp X.quang lưu động;

Xe khám, chữa mắt lưu động;

Xe xét nghiệm lưu động;

Xe phẫu thuật lưu động;

Xe lấy máu;

Xe vận chuyển vắc xin, sinh phẩm;

Xe ô tô khác được thiết kế dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm.

c) Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế, bao gồm:

Xe chuyên dùng phục vụ công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cán bộ trung và cấp cao;

Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế, bao gồm: mẫu bệnh phẩm, mẫu bệnh truyền nhiễm, mẫu thực phẩm, mẫu thuốc (bao gồm cả vắc xin, sinh phẩm), mẫu thuộc lĩnh vực môi trường y tế;

Xe vận chuyển người bệnh;

Xe giám định pháp y, xe vận chuyển tử thi;

Xe chở máy phun và hóa chất lưu động;

Xe phục vụ lấy, vận chuyển mô, tạng để phục vụ công tác cấy ghép mô, tạng cho người;

Xe vận chuyển bữa ăn cho bệnh nhân tâm thần;

Xe vận chuyển dụng cụ, vật tư, trang thiết bị y tế chuyên dùng trong lĩnh vực truyền nhiễm;

Xe ô tô gắn mô hình giảng dạy, mô hình mô phỏng, các thiết bị và phương tiện giảng dạy, giáo cụ trực quan;

Xe ô tô khác có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm;

Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng;

Xe chuyên giao kỹ thuật có gắn thiết bị chuyên dùng;

Xe ô tô có gắn thiết bị chuyên dùng phục vụ cho công tác nghiên cứu, đánh giá kết quả thử nghiệm lâm sàng (theo dõi các phản ứng sau tiêm) và xử lý sự cố tại các điểm tiêm.

d) Căn cứ danh mục xe ô tô chuyên dùng quy định tại các điểm a, b và c khoản này, Bộ Y tế ban hành quy định chi tiết hướng dẫn về việc xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế.

2. Xe ô tô có kết cấu đặc biệt (xe chở tiền, vàng, bạc, đá quý; xe trang bị phòng thí nghiệm, xe cần cẩu, xe thu gom, ép rác, xe chở rác, chất thải...).

3. Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng (thiết bị chuyên dùng được gắn cố định với xe) hoặc xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật (xe gắn thiết bị thu, phát vệ tinh; xe phát thanh truyền hình lưu động; xe thanh tra giao thông; xe phục vụ tang lễ; xe giám sát hải quan; xe đào tạo, tập lái, sát hạch xe ô tô, xe hộ tống tiền,...).

4. Xe ô tô tải.

5. Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng

1. Đối với xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định này, căn cứ vào quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ Y tế:

a) Các bộ, cơ quan trung ương quyết định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ đơn vị quy định tại điểm c khoản này.

b) Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi xin ý kiến của các cơ quan liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Thành ủy) quyết định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ đơn vị quy định tại điểm c khoản này.

c) Hội đồng quản lý, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (trong trường hợp đơn vị sự nghiệp không có Hội

đồng quản lý) quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại đơn vị.

d) Đối với các đơn vị không hoạt động trong lĩnh vực y tế nhưng có yêu cầu phải sử dụng xe ô tô cứu thương, thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô cứu thương được thực hiện theo quy định tại các điểm a, b và c khoản này.

2. Đối với xe ô tô chuyên dùng quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 14 Nghị định này:

a) Bộ, cơ quan trung ương quyết định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ đơn vị quy định tại điểm c khoản này.

b) Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi xin ý kiến của các cơ quan liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Thành ủy) quyết định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ đơn vị quy định tại điểm c khoản này.

c) Hội đồng quản lý, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (trong trường hợp đơn vị sự nghiệp không có Hội đồng quản lý) quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại đơn vị.

3. Giá mua xe ô tô chuyên dùng trong tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này quyết định được xác định phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại xe tương ứng.

4. Việc quyết định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng cụ thể của từng đơn vị quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này là văn bản hành chính.

5. Quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được công khai trên Cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và được gửi cơ quan Kho bạc Nhà nước để thực hiện kiểm soát chi theo quy định của pháp luật.

Mục 4

XE Ô TÔ PHỤC VỤ LỄ TÂN NHÀ NƯỚC

Điều 16. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước (sau đây gọi là xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước):

a) Xe phục vụ Nguyên thủ, Phó Nguyên thủ Quốc gia, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Tổng Thư ký Liên hợp quốc, Đại sứ nước ngoài trình Quốc thư (sau đây gọi là Nhóm 1): Tối đa 04 xe.

b) Xe phục vụ Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Ngoại giao hoặc tương đương, phu nhân hoặc phu quân của Nguyên thủ, Phó Nguyên thủ Quốc gia, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Nhóm 2): Tối đa 18 xe.

c) Xe phục vụ các Bộ trưởng khác, đoàn viên Đoàn cấp cao, Đoàn viên các Đoàn cấp Phó Nguyên thủ Quốc gia, thành viên Hoàng gia (Hoàng tử, Thái tử, Công chúa,...), Chủ tịch Đảng cầm quyền,... các Đoàn khách mời mang tính chất Nhà nước của các bộ, cơ quan trung ương và phục vụ cán bộ Việt Nam tham gia đón đoàn (sau đây gọi là Nhóm 3): Tối đa 37 xe.

d) Xe chở hành lý cho các Đoàn khách quốc tế đến thăm chính thức nước ta và các Đoàn cấp cao của Đảng và Nhà nước ta đi thăm các nước (sau đây gọi là Nhóm 4): Tối đa 03 xe.

2. Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước được trang bị và giao Bộ Ngoại giao quản lý, sử dụng để phục vụ công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ quyết định cụ thể chủng loại, giá mua xe ô tô của từng nhóm xe quy định tại khoản 1 Điều này khi mua sắm, trang bị đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước, phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của đất nước từng thời kỳ.

Điều 17. Thay thế xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước

1. Điều kiện thay thế xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước:

a) Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước được thay thế khi đã đưa vào sử dụng quá 10 năm hoặc đã vận hành trên 150.000km.

b) Xe ô tô không thuộc quy định tại điểm a khoản này nhưng bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không hiệu quả (dự toán chi phí sửa chữa lớn hơn 30% so với nguyên giá).

2. Xe ô tô chưa đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này mà cần thay thế để đảm bảo yêu cầu phục vụ công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước (cũ) khi được thay thế, Bộ Ngoại giao thống nhất với Bộ Tài chính để xử lý như sau:

a) Chuyển giữa các nhóm (chuyển từ Nhóm 1 xuống Nhóm 2 hoặc Nhóm 3, chuyển từ Nhóm 2 xuống Nhóm 3); Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ban hành quyết định chuyển xe ô tô giữa các nhóm để tiếp tục sử dụng phục vụ lễ tân nhà nước.

b) Xử lý theo các hình thức khác theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

Chương III

KHOẢN KINH PHÍ SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ THUÊ DỊCH VỤ XE Ô TÔ

Điều 18. Khoản kinh phí sử dụng xe ô tô

1. Đối tượng thực hiện khoản kinh phí sử dụng xe ô tô:

a) Đối tượng được sử dụng xe ô tô tại các đơn vị không thực hiện trang bị xe ô tô theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 9 và điểm c khoản 6 Điều 10 Nghị định này.

b) **Đối tượng** thực hiện khoản kinh phí sử dụng xe ô tô theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này.

c) Đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 8 Nghị định này áp dụng khoản kinh phí sử dụng xe ô tô theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều này.

2. Công đoạn khoản kinh phí sử dụng xe ô tô:

a) Đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại.

b) Đi công tác.

3. Hình thức và mức khoản kinh phí:

a) Hình thức khoán theo km thực tế

Đối với công đoạn đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại: Mức khoản kinh phí sử dụng xe ô tô được xác định trên cơ sở số km từ nơi ở đến cơ quan (2 lần/ngày), số ngày làm việc thực tế trong tháng và đơn giá khoán.

Đối với công đoạn đi công tác: Mức khoản kinh phí sử dụng xe ô tô được xác định trên cơ sở số km thực tế của từng lần đi công tác và đơn giá khoán.

b) Hình thức khoán gọn

Đối với công đoạn đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại: Căn cứ khoảng cách bình quân từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại, số ngày đưa, đón bình quân hàng tháng của các chức danh có tiêu chuẩn, đơn giá khoán để xác định mức khoán gọn áp dụng cho các chức danh.

Đối với công đoạn đi công tác: Căn cứ số km bình quân đi công tác hàng tháng theo yêu cầu công việc của các chức danh tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước và đơn giá khoán.

4. Đơn giá khoán: Phù hợp với đơn giá dịch vụ vận chuyển của phương tiện vận tải tương đương trên thị trường.

5. Nguồn kinh phí khoán được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước, nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước. Kinh phí khoán được thanh toán cho người nhận khoán cùng với việc chi trả tiền lương hàng tháng. Riêng kinh phí khoán theo hình thức quy định tại điểm a khoản 3 Điều này đối với công đoạn đi công tác được thanh toán cùng với việc thanh toán công tác phí.

6. Trường hợp tất cả các **đối tượng** có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước áp dụng khoản kinh phí sử dụng xe ô tô cho các công đoạn thì không thực hiện trang bị xe ô tô; trường hợp đã trang bị xe ô tô thì phải sắp xếp lại, xử lý số xe ô tô hiện có theo quy định tại Điều 20 Nghị định này.

7. Căn cứ quy định tại Nghị định này và điều kiện thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước,

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi xin ý kiến của các cơ quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Thành ủy), Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị các tập đoàn kinh tế quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định:

Việc áp dụng khoản kinh phí sử dụng xe ô tô của các đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 8 Nghị định này.

Hình thức và công đoạn thực hiện khoản kinh phí sử dụng xe ô tô cho các chức danh.

Đơn giá khoản kinh phí sử dụng xe ô tô, mức khoản kinh phí sử dụng xe ô tô áp dụng cho từng chức danh hoặc từng nhóm chức danh phù hợp với từng thời kỳ.

b) Tỉnh ủy, Thành ủy quyết định:

Đối tượng tại khoản 2, khoản 3 Điều 8 Nghị định này áp dụng khoản kinh phí sử dụng xe ô tô của các cơ quan, đơn vị của Đảng ở địa phương theo quy định tại Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hình thức và công đoạn thực hiện khoản kinh phí sử dụng xe ô tô cho các chức danh.

Đơn giá khoản kinh phí sử dụng xe ô tô, mức khoản kinh phí sử dụng xe ô tô áp dụng cho từng chức danh hoặc từng nhóm chức danh phù hợp với từng thời kỳ.

9. Xác định mức khoản kinh phí sử dụng xe ô tô đối với công đoạn đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại:

a) Trường hợp áp dụng hình thức khoán theo km thực tế

$$\text{Mức khoán (đồng/tháng)} = \frac{\text{Số km từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại (km)}}{\text{Số ngày làm việc thực tế trong tháng (ngày)}} \times \text{Đơn giá khoán (đồng/km)}$$

Trong đó:

- Số km từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại là khoảng cách thực tế của lộ trình di chuyển ngắn nhất (mà xe ô tô kinh doanh vận tải loại 4 chỗ ngồi được phép lưu thông) từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại của chức danh nhận khoán;

- Số ngày làm việc thực tế trong tháng là số ngày chức danh nhận khoán thực tế làm việc tại cơ quan (bao gồm cả ngày làm thêm vào các ngày thứ 7, chủ nhật hoặc các ngày nghỉ lễ, nếu phát sinh).

b) Trường hợp áp dụng hình thức khoán gọn

Hình thức khoán gọn được áp dụng đối với tất cả các chức danh hoặc áp dụng đối với từng chức danh. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi xin ý kiến của các cơ quan liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Thành ủy), Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị các tập đoàn kinh tế quyết định hoặc **phân cấp thẩm quyền** quyết định mức khoán gọn đảm bảo phù hợp điều kiện thực tế, khoảng cách từ nơi ở

đến cơ quan và ngược lại của các chức danh nhận khoán. Mức khoán được xác định như sau:

$$\text{Mức khoán (đồng/tháng)} = \frac{\text{Số km bình quân từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại (km)}}{\text{Số ngày đưa đón bình quân hàng tháng (ngày)}} \times \text{Đơn giá khoán (đồng/km)}$$

Trong đó:

- Số km bình quân từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại được tính theo tổng số km thực tế ngắn nhất từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại (mà xe ô tô kinh doanh vận tải loại 4 chỗ ngồi được phép lưu thông) của tất cả các chức danh nhận khoán chia (:) tổng số chức danh thuộc đối tượng khoán (trường hợp áp dụng đối với tất cả các chức danh); được tính theo số km thực tế ngắn nhất từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại (mà xe ô tô kinh doanh vận tải loại 4 chỗ ngồi được phép lưu thông) của từng chức danh nhận khoán (trường hợp áp dụng đối với từng chức danh).

- Số ngày đưa đón bình quân hàng tháng (ngày/tháng): 22 ngày.

10. Xác định mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với công đoạn đi công tác:

Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng xe ô tô quy định áp dụng khoán cho toàn bộ công đoạn đi công tác hoặc từng công đoạn (ví dụ: khoán khi đi công tác trong nội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; khoán đi công tác trên địa bàn của xã,...); mức khoán kinh phí đối với công đoạn đi công tác được xác định như sau:

a) Trường hợp áp dụng hình thức khoán theo km thực tế

Mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công đoạn đi công tác trong trường hợp áp dụng hình thức khoán theo km thực tế được xác định như sau:

$$\text{Mức khoán (đồng/tháng)} = \frac{\text{Tổng số km thực tế của từng lần đi công tác (km)}}{\text{Đơn giá khoán (đồng/km)}}$$

Trong đó: Tổng số km thực tế của từng lần đi công tác được xác định trên cơ sở khoảng cách thực tế của lộ trình di chuyển ngắn nhất từ cơ quan đến các địa điểm công tác (mà xe ô tô kinh doanh vận tải được phép lưu thông) các đợt công tác của từng chức danh nhận khoán.

b) Trường hợp áp dụng hình thức khoán gọn

Hình thức khoán gọn được áp dụng đối với tất cả các chức danh hoặc áp dụng đối với từng chức danh. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi xin ý kiến của các cơ quan liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Thành ủy), Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị các tập đoàn kinh tế quyết định hoặc **phân cấp thẩm quyền** quyết định hình thức khoán gọn đảm bảo phù hợp điều kiện thực tế, áp dụng trong trường hợp đi công tác thường xuyên trong tháng (tổng số ngày đi công

tác chiếm trên 50% tổng số ngày làm việc trong tháng theo quy định của Bộ luật Lao động) của các chức danh áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô.

Mức khoán được xác định như sau:

$$\text{Mức khoán (đồng/tháng)} = \frac{\text{Số km đi công tác bình quân hàng tháng (km)}}{\text{Số ngày làm việc trong tháng}} \times \text{Đơn giá khoán (đồng/km)}$$

Trong đó: Số km đi công tác bình quân hàng tháng được xác định trên cơ sở tổng số km đi công tác thực tế của 12 tháng trong năm trước khi áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô của tất cả các chức danh áp dụng khoán chia (:) Tổng số chức danh áp dụng khoán chia (:) 12 tháng (trường hợp áp dụng đối với tất cả các chức danh); được xác định trên cơ sở tổng số km đi công tác thực tế của 12 tháng trong năm trước khi áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô của từng chức danh chia (:) 12 tháng (trường hợp áp dụng đối với từng chức danh).

11. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều này giao tổ chức thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô có trách nhiệm:

a) Xác định số km từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại, số ngày làm việc thực tế trong tháng của từng chức danh nhận khoán; xác định số km bình quân từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại, số ngày đưa, đón bình quân hàng tháng của các chức danh có tiêu chuẩn đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại theo quy định tại khoản 9 Điều này.

b) Xác định tổng số km thực tế của từng lần đi công tác của từng chức danh nhận khoán; xác định số km đi công tác bình quân hàng tháng của chức danh áp dụng khoán theo quy định tại khoản 10 Điều này.

c) Quyết định đơn giá khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều này.

Điều 19. Thuê dịch vụ xe ô tô

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện thuê dịch vụ xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng trong các trường hợp sau:

a) Xe ô tô hiện có không đủ để bố trí phục vụ công tác, không áp dụng hình thức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô.

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị có đối tượng được sử dụng xe ô tô nhưng không thuộc trường hợp được trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 9 và điểm c khoản 6 Điều 10 Nghị định này.

c) Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc đối tượng được trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng theo quy định Nghị định này nhưng không thực hiện trang bị xe ô tô và không áp dụng hình thức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô.

2. Căn cứ điều kiện cụ thể, thực tế cung cấp dịch vụ phương tiện đi lại của thị trường, cơ quan, tổ chức, đơn vị, ban quản lý dự án thực hiện thuê dịch vụ xe ô tô. Giá thuê dịch vụ xe ô tô phù hợp với đơn giá dịch vụ vận chuyển của phương tiện vận tải tương đương trên thị trường.

Chương IV SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ XE Ô TÔ

Điều 20. Sắp xếp lại, xử lý xe ô tô phục vụ công tác các chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung

1. Các bộ, cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quy định tại Nghị định này thực hiện rà soát, sắp xếp lại số xe ô tô hiện có của **tất cả** các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý làm cơ sở thực hiện xử lý xe ô tô dôi dư của bộ, cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau khi sắp xếp theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết có liên quan. Thời hạn hoàn thành: 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, chính xác số liệu xe ô tô sau khi rà soát, xử lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo thời hạn quy định.

2. Doanh nghiệp nhà nước căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quy định tại Nghị định này thực hiện rà soát, sắp xếp lại số xe ô tô phục vụ công tác các chức danh hiện có; thực hiện xử lý xe ô tô dôi dư theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật liên quan. Thời hạn hoàn thành: 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các bộ, cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thay đổi phương thức quản lý xe ô tô hoặc điều chỉnh số lượng xe ô tô được sử dụng của từng đơn vị mà phải sắp xếp lại số xe hiện có thì thực hiện theo hình thức giao, điều chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

4. Trường hợp sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị mà có quy định, hướng dẫn khác của cơ quan, người có thẩm quyền thì thực hiện sắp xếp lại, xử lý xe ô tô phục vụ công tác các chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định, hướng dẫn đó.

Điều 21. Sắp xếp lại, xử lý xe ô tô chuyên dùng

1. Căn cứ danh mục xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 14 Nghị định này, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 15 Nghị định này rà soát lại các quyết định đã ban hành của mình về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP để xử lý như sau:

a) Đối với các quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng thuộc danh mục quy định tại Điều 14 Nghị định này mà đã được ban hành theo đúng thẩm quyền và trình tự quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP và tiêu chuẩn, định mức đã ban hành vẫn còn phù hợp thì được tiếp tục thực hiện theo các quyết định đó cho đến khi có văn bản thay thế. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng có trách nhiệm ban hành Quyết định tiếp tục áp dụng trong thời

hạn 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Các trường hợp khác, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 15 Nghị định này quyết định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng cho các đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

2. Trong thời gian cơ quan, người có thẩm quyền chưa quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng, quyết định tiếp tục áp dụng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này, điểm a khoản 1 Điều này, việc quản lý, xử lý đối với xe ô tô chuyên dùng đã trang bị được thực hiện như sau:

a) Đối với các xe ô tô chuyên dùng thuộc danh mục quy định tại Điều 14 Nghị định này, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng đã được trang bị theo đúng tiêu chuẩn, định mức đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, không thực hiện việc giao, mua mới.

Trường hợp điều chuyển trong phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc thanh lý xe ô tô thì thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết có liên quan.

b) Đối với xe ô tô chuyên dùng đã trang bị nhưng nay không thuộc danh mục quy định tại Điều 14 Nghị định này: Số xe có thể sử dụng để phục vụ công tác chung thì chuyển sang xe ô tô phục vụ công tác chung để sử dụng, sắp xếp theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung theo khoản 1 Điều 20 Nghị định này; số còn lại thực hiện xử lý theo các hình thức quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết có liên quan; thời hạn hoàn thành: 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Sau khi cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng, quyết định tiếp tục áp dụng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này, điểm a khoản 1 Điều này, bộ, cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp tục tổ chức thực hiện việc sắp xếp, xử lý xe ô tô chuyên dùng hiện có tại điểm a khoản 2 Điều này theo các hình thức quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết có liên quan. Thời hạn hoàn thành: 12 tháng, kể từ ngày cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng, quyết định tiếp tục áp dụng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này, điểm a khoản 1 Điều này.

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm cập nhật đầy đủ số liệu xe ô tô sau khi rà soát, xử lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo thời hạn quy định.

4. Trường hợp sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị mà có quy định, hướng dẫn khác của cơ quan, người có thẩm quyền thì thực hiện sắp xếp lại, xử lý xe ô tô phục vụ công tác các chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định, hướng dẫn đó.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Xử lý chuyển tiếp

1. Các chức danh đã được trang bị xe ô tô chức danh theo đúng quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP nhưng nay không có trong danh mục các chức danh, chức vụ có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô chức danh quy định tại Điều 6, Điều 7 Nghị định này, trong thời gian chưa được cơ quan có thẩm quyền quy định chức danh, chức vụ đó tương đương với chức danh, chức vụ nào quy định tại Điều 6, Điều 7 Nghị định này thì được tiếp tục sử dụng xe ô tô chức danh cho đến khi cơ quan có thẩm quyền sắp xếp lại các chức danh, chức vụ; trường hợp xe ô tô chức danh đã trang bị đủ điều kiện thanh lý theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định này thì được trang bị để thay thế với mức giá tối đa không quá mức giá tối đa của xe ô tô đã trang bị. Sau khi sắp xếp lại các chức danh, chức vụ thì thực hiện theo định mức quy định tại Nghị định này.

2. Các chức danh là Tổng cục trưởng và tương đương đã được trang bị xe ô tô phục vụ chức danh theo đúng quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP mà sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy không còn đủ tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô chức danh thì thực hiện sắp xếp lại, xử lý xe chức danh đã trang bị theo quy định tại Điều 20 Nghị định này; trường hợp được bảo lưu hệ số phụ cấp chức vụ trong một thời gian theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ) thì được tiếp tục sử dụng xe ô tô chức danh đã trang bị trong thời gian được bảo lưu hệ số phụ cấp chức vụ.

3. Các chức danh có hệ số phụ cấp chức vụ tương đương với hệ số phụ cấp chức vụ của các chức danh quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 8 Nghị định này thuộc đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung trong thời gian cơ quan, người có thẩm quyền chưa có quy định thay thế.

4. Trường hợp đã trang bị xe ô tô phục vụ chức danh mà áp dụng quy định tại Nghị định này mà có tiêu chuẩn, định mức sử dụng cao hơn thì vẫn tiếp tục sử dụng xe chức danh đã trang bị đến khi đủ điều kiện thanh lý theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định này, trừ trường hợp xe ô tô được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và văn bản quy định chi tiết thi hành.

Điều 23. Điều khoản thi hành và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng năm 2025.
2. Nghị định này thay thế Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.
3. Bộ, cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tập đoàn kinh tế có trách nhiệm:

a) Tổ chức xác định số lượng xe ô tô **phục vụ công tác chung** được sử dụng của các cơ quan, tổ chức đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo đúng tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại **khoản 6 Điều 8** Nghị định này, thông báo cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và Bộ Tài chính được biết. Các đơn vị thuộc, trực thuộc bộ là đơn vị dự toán cấp I cũng phải thực hiện theo quy định này.

b) Chỉ đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc quản lý, sử dụng xe ô tô theo đúng tiêu chuẩn, định mức và xử lý xe ô tô dôi dư, thanh lý xe ô tô khi đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định này; bố trí, sắp xếp đội ngũ lái xe khi xử lý xe ô tô dôi dư theo quy định của pháp luật về lao động; hạch toán và công khai chi phí sử dụng xe ô tô, chi phí khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô phục vụ công tác theo quy định của pháp luật; cập nhật dữ liệu về xe ô tô vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo quy định.

4. Bộ Ngoại giao ban hành Quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô lễ tân nhà nước sau khi có ý kiến của các cơ quan có liên quan.

5. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

6. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Bí thư tỉnh ủy, thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị các tập đoàn kinh tế, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG